

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001 : 2008

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH : KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Đoàn Thị Thu Huyền**

**Giảng viên hướng dẫn : ThS. Đồng Thị Nga**

**HẢI PHÒNG - 2012**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ THU  
NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CÔNG TY TNHH  
THƯƠNG MẠI ĐÔNG Á**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Đoàn Thị Thu Huyền**

**Giảng viên hướng dẫn : ThS. Đồng Thị Nga**

**HẢI PHÒNG - 2012**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Đoàn Thị Thu Huyền

Mã SV:120059

Lớp: QT1202K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại

Công ty TNHH Thương Mại Đông Á.

# **NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI**

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
  - Trình bày khái quát những lý luận chung về thuế thu nhập doanh nghiệp.
  - Phản ánh được thực trạng công tác kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty TNHH Thương Mại Đông Á.
  - Đưa ra những nhận xét về kế toán nói chung và kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp nói riêng tại công ty từ đó đưa ra những biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty.
  
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
  - Sử dụng số liệu năm 2011.
  
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐÔNG Á**

## CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

### Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Đông Thị Nga**

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

- Nội dung hướng dẫn: **Hoàn thiện công tác kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty TNHH Thương Mại Đông Á.**

### Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 02 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

*Người hướng dẫn*

Đoàn Thị Thu Huyền

Đông Thị Nga

***Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2012***

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị***

## **PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN**

### **1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

- Có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp
- Ham học hỏi, tiếp thu ý kiến của giáo viên hướng dẫn

### **2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**

Khóa luận có kết cấu tương đối khoa học và hợp lý

Chương 1: Lý luận chung về thuế thu nhập doanh nghiệp và kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp.

Nhìn chung tác giả đã hệ thống hóa tương đối đầy đủ và chi tiết những vấn đề lý luận cơ bản theo nội dung mà đề tài nghiên cứu. Tác giả đã có sự cập nhật những thông tư và nghị định mới nhất liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty TNHH Thương Mại Đông Á

Thành công lớn nhất của bài viết là tác giả đã mô tả một cách khá chi tiết và đầy đủ về công tác kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty với số liệu năm 2011 tương đối hợp lý và có tính logic.

- Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty TNHH Thương Mại Đông Á.

Tác giả đã có những nhận xét đánh giá tương đối khách quan và xác thực về công tác kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty. Từ đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty. Điều này góp phần vào việc nâng cao hiệu quả công tác kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty.

### **3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

**9,75 điểm ( Chín phẩy bảy lăm điểm)**

*Hải Phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2012*

**Cán bộ hướng dẫn**

*(họ tên và chữ ký)*

**Đông Thị Nga**

# PHIẾU NHẬN XÉT THỰC TẬP

Họ và tên sinh viên: Đoàn Thị Thu Huyền      Ngày sinh: 11/04/1990

Lớp: QT1202K      Ngành: Kế toán – Kiểm toán      Khóa: 12

Thực tập tại: Công ty TNHH Thương Mại Đông Á

Từ ngày: 01/02/2012      đến ngày : 02/03/2012

## 1. Về tinh thần, thái độ, ý thức tổ chức kỷ luật:

- Ý thức kỉ luật tốt.
- Có tinh thần trách nhiệm độc lập, nghiêm túc hoàn thành các công việc được giao.

## 2. Về những công việc được giao:

- Hoàn thành tốt các công việc được giao.
- Chịu khó học tập, nghiên cứu tìm tòi, sáng tạo, nhiệt tình trong các công việc trong thời gian thực tập.

## 3. Kết quả đạt được:

- Hoàn thành tốt đợt thực tập.

*Hải Phòng, ngày 06 tháng 03 năm 2012*

**Xác nhận của lãnh đạo cơ sở thực tập**

**Cán bộ hướng dẫn thực tập của cơ sở**

Giám đốc

Kế toán trưởng

**Hoàng Quốc Hoàn**

**Ngô Thị Tâm**

## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP VÀ KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP</b> .....	2
1.1. Lý luận chung về thuế thu nhập doanh nghiệp.....	2
1.1.1. <i>Khái niệm về thuế thu nhập doanh nghiệp</i> .....	2
1.1.2. <i>Đặc điểm của thuế TNDN</i> . .....	2
1.1.3. <i>Vai trò của thuế TNDN</i> . .....	2
1.1.4. <i>Nội dung cơ bản của thuế TNDN</i> .....	3
1.1.4.1. <i>Đối tượng nộp thuế</i> . .....	3
1.1.4.2. <i>Phương pháp tính thuế TNDN</i> . .....	4
1.1.4.3. <i>Căn cứ tính thuế TNDN</i> .....	6
1.1.4.3.1. <i>Thu nhập tính thuế</i> . .....	6
1.1.4.3.3. <i>Doanh thu</i> . .....	7
1.1.4.3.4. <i>Các khoản chi phí được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế</i> . .....	9
1.1.5. <i>Thủ tục đăng ký, kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế TNDN</i> . .....	16
1.1.5.1. <i>Đăng ký thuế TNDN</i> . .....	16
1.1.5.2. <i>Kê khai thuế TNDN</i> . .....	16
1.1.5.3. <i>Nộp thuế</i> . .....	17
1.1.5.4. <i>Quyết toán thuế TNDN</i> .....	17
1.2. <i>Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)</i> . .....	18
1.2.1. <i>Yêu cầu quản lý thuế TNDN</i> .....	18
1.2.2. <i>Nhiệm vụ kế toán thuế TNDN</i> .....	18
1.2.2.1. <i>Nhiệm vụ của kế toán thuế nói chung</i> . .....	18
1.2.2.2. <i>Nhiệm vụ của kế toán thuế TNDN</i> .....	19
1.2.3. <i>Kế toán thuế TNDN</i> . .....	20
1.2.3.1. <i>Kế toán doanh thu, thu nhập, chi phí và xác định kết quả kinh doanh</i> .....	20



1.2.3.2. Kế toán “Thuế thu nhập doanh nghiệp” và “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành”, “Lợi nhuận chưa phân phối” .....	27
---	----

## **CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐÔNG Á..... 34**

2.1. Khái quát về công ty TNHH Thương Mại Đông Á. ....	34
--	----

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển. ....	34
---	----

2.1.2. Đặc điểm ngành nghề kinh doanh.....	35
--	----

2.1.3. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý công ty. ....	35
---	----

2.2. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Thương Mại Đông Á. ....	37
---	----

2.2.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán. ....	37
--	----

2.2.2. Tổ chức công tác kế toán và hình thức ghi sổ kế toán. ....	38
---	----

2.2.3. Tổ chức vận dụng chứng từ kế toán. ....	40
--	----

2.2.4. Tổ chức vận dụng tài khoản kế toán. ....	40
---	----

2.2.5. Tổ chức hệ thống sổ kế toán.....	41
---	----

2.3. Thực trạng tính hình thực hiện công tác kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty TNHH Thương Mại Đông Á. ....	41
--	----

2.3.1. Mức thuế suất được áp dụng. ....	41
---	----

2.3.2. Phương pháp tính thuế. ....	41
------------------------------------	----

2.3.3. Tài khoản sử dụng. ....	42
--------------------------------	----

2.3.4. Hạch toán ban đầu kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp. ....	42
---	----

2.3.4.1. Kế toán tổng hợp doanh thu và chi phí. ....	42
--	----

2.3.4.2. Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp. ....	79
---	----

2.3.5. kê khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. ....	94
--	----

2.3.5.1. kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp. ....	94
---	----

2.3.5.2. Nộp thuế TNDN.....	113
-----------------------------	-----

## **CHƯƠNG III: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CÔNG TY THHH THƯƠNG MẠI ĐÔNG Á..... 114**

3.1. Những nhận xét, đánh giá chung về công tác kế toán thuế TNDN tại công ty TNHH Thương Mại Đông Á. ....	114
--	-----

3.1.1. Ưu điểm.....	115
3.1.2. Hạn chế.....	116
3.2. Hoàn thiện công tác kế toán thuế TNDN tại công ty TNHH TM Đông Á. ....	122
3.2.1. Sự cần thiết của việc hoàn thiện công tác kế toán thuế TNDN.....	122
3.2.2. Một số kiến nghị đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế TNDN tại công ty TNHH Thương Mại Đông Á.....	123
<b>KẾT LUẬN</b> .....	132

## DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu. ....	21
Sơ đồ 1.2: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKTX. ....	22
Sơ đồ 1.3: Kế toán chi phí BH, chi phí QLDN .....	24
Sơ đồ 1.4: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính. ....	25
Sơ đồ 1.5: Kế toán thu nhập khác và chi phí khác. ....	26
Sơ đồ 1.6: Kế toán xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. ....	27
Sơ đồ 1.7: Kế toán thuế TNDN. ....	31
Sơ đồ 1.8: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty. ....	36
Sơ đồ 1.9: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty. ....	38
Sơ đồ 1.10 : Hệ thống kế toán theo hình thức Nhật ký chung .....	39

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu 01: Hóa đơn GTGT đầu ra.....	44
Biểu 02: Trích sổ phụ ngân hàng và giấy báo có tháng 1/2011.....	46
Biểu 03: Trích nhật ký chung doanh thu bán hàng và doanh thu hoạt động tài chính năm 2011.....	47
Biểu 04: Trích sổ cái TK511 năm 2011.....	51
Biểu 05: Trích sổ cái TK515 năm 2011.....	54
Biểu 06: Phiếu xuất kho.....	58
Biểu 07: Phiếu chi – trả lãi vay tháng 1/2011.....	59
Biểu 08: Trích sổ phụ ngân hàng và giấy báo nợ tháng 1/2011.....	60
Biểu 09: Phiếu chi – Thanh toán tiền điện, nước, điện thoại tháng 1/2011.....	62
Biểu 10: Phiếu chi – Thanh toán tiền làm cataloge quảng cáo tháng 1/2011.....	63
Biểu 11: Bảng thanh toán tiền lương toàn công ty tháng 1/2011.....	64
Biểu 12: Bảng tính và phân bổ khấu hao tháng 1/2011.....	65
Biểu 13: Trích nhật ký chung của TK632, 635, 642 năm 2011.....	66
Biểu 14: Trích sổ cái TK 632 năm 2011.....	72
Biểu 15: Trích sổ cái TK 635 năm 2011.....	74
Biểu 16: Trích sổ cái TK 642 năm 2011.....	76
Biểu 17: Tờ khai thuế TNDN tạm tính quý I/2011.....	80
Biểu 18: Phiếu chi – Nộp thuế TNDN tạm tính quý I/2011.....	81
Biểu 19 : Kết chuyển doanh thu bán hàng.....	82
Biểu 20: Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính.....	82
Biểu 21: Kết chuyển giá vốn hàng bán.....	83
Biểu 22: Kết chuyển chi phí tài chính.....	83
Biểu 23: Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp.....	84
Biểu 24: Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2011.....	84
Biểu 25 : Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	85
Biểu 26: Kết chuyển lãi.....	85
Biểu 27: Trích sổ nhật ký chung TK3334, 821,421... năm 2011.....	86

Biểu 28: Trích sổ cái TK 911 năm 2011.....	88
Biểu 29: Trích sổ cái TK821 năm 2011.....	89
Biểu 30: Sổ chi tiết TK3334 – Thuế thu nhập doanh nghiệp.....	90
Biểu 31: Trích sổ cái TK 421 tháng 12/2011.....	92
Biểu 32: Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2011.....	93
Biểu 33: Tờ khai thuế TNDN tạm tính quý I năm 2011.....	101
Biểu 34: Tờ khai quyết toán thuế TNDN năm 2011.....	111

# LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này, em xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất đến:

Các thầy giáo, cô giáo dạy trong trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng đã tận tình truyền đạt kiến thức nền tảng cơ sở, kiến thức chuyên sâu về Kế toán – Kiểm toán và cả kinh nghiệm sống quý báu, thực sự hữu ích cho bản thân em trong thời gian thực tập và cả sau này.

Cô giáo Th.S Đồng Thị Nga đã hết lòng hỗ trợ và giúp đỡ em từ khâu chọn đề tài, cách thức tiếp cận thực tiễn tại đơn vị thực tập cho đến khi hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Các cô, bác làm việc tại Công ty TNHH Thương Mại Đông Á đã tạo cho em cơ hội được thực tập và nghiên cứu tại phòng Kế toán của công ty.

Cuối cùng, em chúc thầy cô cùng các cô, bác làm việc tại Công ty TNHH Thương Mại Đông Á sức khỏe, thành công, hạnh phúc.

**Em xin chân thành cảm ơn!**

## LỜI MỞ ĐẦU

Thuế ra đời, tồn tại và phát triển cùng với sự phát triển của nhà nước, là một vấn đề hết sức quan trọng đối với mỗi quốc gia nào trên thế giới. Thuế trở thành công cụ chủ yếu của Nhà nước trong quản lý và điều tiết vĩ mô, thúc đẩy sản xuất phát triển, mở rộng lưu thông hàng hóa, nâng cao hiệu quả kinh tế. Thuế là nguồn thu chủ yếu cho NSNN, thiết lập công bằng xã hội, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế và các tầng lớp dân cư. Vì vậy nghiên cứu vấn đề thuế là rất cần thiết.

Trong điều kiện hiện nay, khi nền kinh tế nước ta đang từng bước hội nhập với nền kinh tế thế giới, Nhà nước ta cũng có những thay đổi về chính sách kinh tế vĩ mô như chính sách thuế, chế độ kế toán. Kế toán với chức năng giúp chủ doanh nghiệp trong công tác tổ chức kế toán, thông kê nhằm cung cấp những thông tin về hoạt động kinh tế – tài chính của doanh nghiệp một cách đầy đủ kịp thời. Kế toán thuế là công cụ quản lý và điều hành nền kinh tế, nó có vai trò hết sức quan trọng đối với Nhà nước nói chung và doanh nghiệp nói riêng.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề này em đã mạnh dạn chọn đề tài: **“ Hoàn thiện công tác kế toán thuế TNDN tại công ty TNHH Thương Mại Đông Á”** để làm đề tài khóa luận của mình.

Ngoài lời mở đầu và kết luận, nội dung của đề tài bao gồm:

**Phần I: Lý luận chung về thuế thu nhập doanh nghiệp và kế toán thuế TNDN.**

**Phần II: Thực trạng công tác kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty TNHH Thương Mại Đông Á.**

**Phần III: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty TNHH Thương Mại Đông Á.**

Trong quá trình thực tập em đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của các cô chú, anh chị tại Công ty, và sự hướng dẫn chỉ bảo tận tình của cô giáo **ThS. Đồng Thị Nga** đã giúp em hoàn thiện đề tài này. Mặc dù đã cố gắng hết sức nhưng bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót do còn nhiều bỡ ngỡ. Em rất mong nhận được sự góp ý chân tình của các thầy giáo, cô giáo.

**Em xin chân thành cảm ơn !**

## CHƯƠNG I

### LÝ LUẬN CHUNG VỀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP VÀ KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

#### 1.1. Lý luận chung về thuế thu nhập doanh nghiệp.

##### 1.1.1. Khái niệm về thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Thuế thu nhập là một loại thuế trực thu đánh trực tiếp vào thu nhập thực tế của các tổ chức và cá nhân. Thuế thu nhập gồm: thuế TNDN, thuế TNCN.

- Thuế TNDN là thuế trực thu đánh vào thu nhập chịu thuế của cơ sở, sản xuất kinh doanh trong kỳ.

##### 1.1.2. Đặc điểm của thuế TNDN.

- Thuế TNDN là sắc thuế trực thu nên nó mang đầy đủ những ưu nhược điểm của sắc thuế này, thường mang tính lũy tiến, đảm bảo công bằng trong điều tiết, góp phần đảm bảo công bằng xã hội.

- Tuy là một sắc thuế trực thu song thuế TNDN không gây phản ứng mạnh mẽ cho đối tượng nộp thuế như thuế thu nhập cá nhân, vì nó mơ hồ đối với người chịu thuế.

- Thuế TNDN đánh vào thu nhập chịu thuế của cơ sở SX, KD bởi vậy mức động viên của NSNN đối với loại thuế này phụ thuộc rất lớn vào hiệu quả kinh doanh cũng như quy mô lợi nhuận của doanh nghiệp.

##### 1.1.3. Vai trò của thuế TNDN.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp là công cụ quan trọng để Nhà nước thực hiện chức năng tái phân phối thu nhập, đảm bảo công bằng xã hội. Trong điều kiện nền kinh tế thị trường ở nước ta, tất cả các thành phần kinh tế đều có quyền tự do kinh doanh và bình đẳng trên cơ sở pháp luật. Các doanh nghiệp với lực lượng lao động có tay nghề cao, năng lực tài chính mạnh thì doanh nghiệp đó sẽ có ưu thế và có cơ hội để nhận được thu nhập cao; ngược lại các doanh nghiệp với năng lực tài chính, lực lượng lao động bị hạn chế sẽ nhận được thu nhập thấp, thậm chí không có thu nhập. Để hạn chế nhược điểm đó, Nhà nước sử dụng thuế thu nhập doanh nghiệp làm công cụ điều tiết thu nhập của các chủ thể có thu nhập cao, đảm bảo yêu cầu



đóng góp của các chủ thể kinh doanh vào ngân sách Nhà nước được công bằng, hợp lý.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp là nguồn thu quan trọng của ngân sách Nhà nước. Phạm vi áp dụng của thuế thu nhập doanh nghiệp rất rộng, gồm cá nhân, nhóm kinh doanh, hộ cá thể và các tổ chức kinh tế có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ có phát sinh lợi nhuận. Nền kinh tế thị trường nước ta ngày càng phát triển và ổn định, tăng trưởng kinh tế được giữ vững ngày càng cao, các chủ thể hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngày càng mang lại nhiều lợi nhuận thì khả năng huy động nguồn tài chính cho ngân sách Nhà nước thông qua thuế thu nhập doanh nghiệp ngày càng dồi dào.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp là công cụ quan trọng để góp phần khuyến khích, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển theo chiều hướng kế hoạch, chiến lược, phát triển toàn diện của Nhà nước.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp còn là một trong những công cụ quan trọng của Nhà nước trong việc thực hiện chức năng điều tiết các hoạt động kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ phát triển kinh tế nhất định.

#### *1.1.4. Nội dung cơ bản của thuế TNDN.*

##### *1.1.4.1. Đối tượng nộp thuế.*

Người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp là tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ có thu nhập chịu thuế (sau đây gọi là doanh nghiệp), bao gồm:

- Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật doanh nghiệp nhà nước, Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Luật đầu tư, Luật các tổ chức tín dụng, Luật kinh doanh bảo hiểm, Luật chứng khoán, Luật dầu khí, Luật thương mại và các văn bản pháp luật dưới các hình thức: Công ty cổ phần; Công ty TNHH; Công ty hợp danh; Doanh nghiệp tư nhân; Doanh nghiệp nhà nước, Văn phòng luật sư, Văn phòng công chứng tư; Các bên trong hợp đồng hợp tác kinh doanh; Các bên trong hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí; Xí nghiệp liên doanh dầu khí; Công ty điều hành chung.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập, ngoài công lập có sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập trong tất cả các lĩnh vực.
- Các tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật hợp tác xã.
- Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật nước ngoài (sau đây gọi là doanh nghiệp nước ngoài) có cơ sở thường trú tại Việt Nam.
  - + Chi nhánh, văn phòng điều hành nhà máy, công xưởng, phương tiện vận tải, hầm mỏ, mỏ dầu, khí hoặc địa điểm khai thác tài nguyên thiên nhiên tại Việt Nam.
  - + Địa điểm xây dựng, công trình xây dựng, lắp đặt, lắp ráp.
  - + Cở sở cung cấp dịch vụ bao gồm cả tư vấn dịch vụ thông qua người làm công hay một tổ chức, cá nhân khác,
  - + Đại lý cho doanh nghiệp nước ngoài.
  - + Tổ chức khác ngoài các tổ chức nêu trên tại các điểm 1.1, 1.2, 1.3 và 1.4 khoản 1 phần này có hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa hoặc dịch vụ và có thu nhập chịu thuế.

**(Theo Thông tư 130/2008 hướng dẫn thi hành luật thuế TNDN)**

*1.1.4.2. Phương pháp tính thuế TNDN.*

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ tính thuế bằng thu nhập tính thuế nhân với thuế suất.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định theo công thức sau:

$$\begin{matrix} \text{Thuế TNDN} \\ \text{phải nộp} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{Thu nhập} \\ \text{tính thuế} \end{matrix} \times \begin{matrix} \text{Thuế suất} \\ \text{thuế TNDN} \end{matrix}$$

Trường hợp doanh nghiệp nếu có trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ thì thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định như sau:

$$\begin{matrix} \text{Thuế TNDN} \\ \text{phải nộp} \end{matrix} = \left( \begin{matrix} \text{Thu nhập} \\ \text{tính thuế} \end{matrix} - \frac{\text{Phần trích lập quỹ}}{\text{KH\&CN}} \right) \times \begin{matrix} \text{Thuế suất} \\ \text{thuế TNDN} \end{matrix}$$

Trường hợp doanh nghiệp đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc loại thuế tương tự thuế thu nhập doanh nghiệp ở ngoài Việt Nam thì doanh nghiệp được trừ

số thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp nhưng tối đa không quá số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Kỳ tính thuế được xác định theo năm dương lịch. Trường hợp doanh nghiệp áp dụng năm tài chính khác với năm dương lịch thì kỳ tính thuế xác định theo năm tài chính áp dụng. Kỳ tính thuế đầu tiên đối với doanh nghiệp mới thành lập và kỳ tính thuế cuối cùng đối với doanh nghiệp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển đổi hình thức sở hữu, sáp nhập, chia tách, giải thể, phá sản được xác định phù hợp với kỳ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

- Trường hợp kỳ tính thuế năm đầu tiên của doanh nghiệp mới thành lập kể từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kỳ tính thuế năm cuối cùng đối với doanh nghiệp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển đổi hình thức sở hữu, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, phá sản có thời gian ngắn hơn 03 tháng thì được cộng với kỳ tính thuế năm tiếp theo (đối với doanh nghiệp mới thành lập) hoặc kỳ tính thuế năm trước đó (đối với doanh nghiệp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển đổi hình thức sở hữu, hợp nhất, sáp nhập, chia tách, giải thể, phá sản) để hình thành một kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm đầu tiên hoặc kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm cuối cùng không vượt quá 15 tháng.

- Đơn vị sự nghiệp có phát sinh hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ( tương ứng với mức thuế suất 25%) sau khi thực hiện ưu đãi miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp ( nếu có) mà các đơn vị này hạch toán được doanh thu nhưng không hạch toán và xác định được chi phí, thu nhập của hoạt động kinh doanh thì kê khai nộp thuế TNDN tính theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ cụ thể như sau:

- + Đối với dịch vụ: 5%
- + Đối với kinh doanh hàng hóa: 1%
- + Đối với hoạt động khác: 2%.

- Doanh nghiệp có doanh thu, chi phí, thu nhập chịu thuế và thu nhập tính bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân thị

trường liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh doanh thu, chi phí, thu nhập chịu thuế và thu nhập tính bằng ngoại tệ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Đối với loại ngoại tệ không có tỷ giá hối đoái đối với đồng Việt Nam thì phải quy đổi thông qua một ngoại tệ có tỷ giá hối đoái với đồng Việt Nam.

#### 1.1.4.3. Căn cứ tính thuế TNDN.

##### 1.1.4.3.1. Thu nhập tính thuế.

Thu nhập tính thuế trong kỳ tính thuế được xác định bằng thu nhập chịu thuế trừ thu nhập được miễn thuế và các khoản lỗ được kết chuyển từ các năm trước theo quy định.

Thu nhập tính thuế được xác định theo công thức sau:

$$\text{Thu nhập tính thuế} = \text{Thu nhập chịu thuế} - \text{Thu nhập được miễn thuế} + \text{Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định}$$

##### 1.1.4.3.2. Thu nhập chịu thuế.

Thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ và thu nhập khác.

Thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế xác định như sau:

$$\text{Thu nhập chịu thuế} = \text{Doanh thu} - \text{Chi phí được trừ} + \text{Các khoản thu nhập khác}$$

- Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ bằng doanh thu của hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trừ chi phí được trừ của hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đó.

- Thu nhập khác bao gồm thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng bất động sản; thu nhập từ quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản; thu nhập từ chuyển nhượng, cho thuê, thanh lý tài sản; thu nhập từ lãi tiền gửi, cho vay vốn, bán ngoại tệ; hoàn nhập các khoản dự phòng; thu khoản nợ khó đòi đã xoá nay đòi được; thu khoản nợ phải trả không xác định được chủ; khoản thu nhập từ kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót và các khoản thu nhập khác, kể cả thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh ở ngoài Việt Nam.

#### 1.1.4.3.3. Doanh thu.

Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế được xác định như sau:

- Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế là toàn bộ tiền bán hàng hoá, tiền gia công, tiền cung cấp dịch vụ bao gồm cả khoản trợ giá, phụ thu, phụ trội mà doanh nghiệp được hưởng không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

+ Đối với doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế là doanh thu chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

+ Đối với doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng là doanh thu bao gồm cả thuế giá trị gia tăng.

- Thời điểm xác định doanh thu để tính thu nhập chịu thuế được xác định như sau:

+ Đối với hoạt động bán hàng hoá là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hoá cho người mua.

+ Đối với cung ứng dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ cho người mua hoặc thời điểm lập hóa đơn cung ứng dịch vụ.

- Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế trong một số trường hợp xác định như sau:

+ Đối bán hàng hóa, dịch vụ bán theo phương thức trả góp, trả chậm là tiền bán hàng hóa, dịch vụ trả tiền một lần không bao gồm tiền lãi trả chậm, trả góp.

+ Đối với hàng hoá, dịch vụ dùng để trao đổi; biếu, tặng, cho; tiêu dùng nội bộ được xác định theo giá bán của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương trên thị trường tại thời điểm trao đổi; biếu, tặng, cho; tiêu dùng nội bộ.

+ Đối với hoạt động gia công hàng hoá là tiền thu về hoạt động gia công bao gồm cả tiền công, chi phí về nhiên liệu, động lực, vật liệu phụ và chi phí khác phục vụ cho việc gia công hàng hoá.

+ Đối với hàng hoá của các đơn vị giao đại lý, ký gửi và nhận đại lý, ký gửi theo hợp đồng đại lý, ký gửi bán đúng giá hưởng hoa hồng.

+ Đối với hoạt động cho thuê tài sản là số tiền bên thuê trả từng kỳ theo hợp đồng thuê. Trường hợp bên thuê trả tiền thuê trước cho nhiều năm thì doanh thu để tính thu nhập chịu thuế được phân bổ cho số năm trả tiền trước.

+ Đối với hoạt động tín dụng, hoạt động cho thuê tài chính là tiền lãi cho vay, doanh thu về cho thuê tài chính phải thu phát sinh trong kỳ tính thuế.

+ Đối với hoạt động vận tải là toàn bộ doanh thu vận chuyển hành khách, hàng hoá, hành lý phát sinh trong kỳ tính thuế.

+ Đối với hoạt động cung cấp điện, nước sạch là số tiền cung cấp điện, nước sạch ghi trên hoá đơn giá trị gia tăng. Thời điểm xác định doanh thu để tính thu nhập chịu thuế là ngày xác nhận chỉ số công tơ điện và được ghi trên hoá đơn tính tiền điện, tiền nước sạch.

+ Đối với hoạt động kinh doanh sân golf là tiền bán thẻ hội viên, bán vé chơi golf và các khoản thu khác trong kỳ tính thuế.

+ Đối với hoạt động kinh doanh bảo hiểm và tái bảo hiểm là số tiền phải thu về thu phí bảo hiểm gốc, thu phí về dịch vụ đại lý (giám định tổn thất, xét giải quyết bồi thường, yêu cầu người thứ ba bồi hoàn, xử lý hàng bồi thường 100%); thu phí nhận tái bảo hiểm; thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và các khoản thu khác về kinh doanh bảo hiểm sau khi đã trừ các khoản hoàn hoặc giảm phí bảo hiểm, phí nhận tái bảo hiểm; các khoản hoàn hoặc giảm hoa hồng nhượng tái bảo hiểm.

+ Đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt là giá trị công trình, giá trị hạng mục công trình hoặc giá trị khối lượng công trình xây dựng, lắp đặt nghiệm thu. Trường hợp xây dựng, lắp đặt có bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị là số tiền từ hoạt động xây dựng, lắp đặt bao gồm cả giá trị nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị; Trường hợp xây dựng, lắp đặt không bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị là số tiền từ hoạt động xây dựng, lắp đặt không bao gồm giá trị nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị.

+ Đối với hoạt động vui chơi có thưởng (casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải trí có đặt cược) là số tiền thu được từ hoạt động này bao gồm cả thuế TTĐB trừ số tiền đã thưởng cho khách.

+ Đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán là các khoản thu từ dịch vụ môi giới, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, quản lý quỹ đầu tư, phát hành chứng chỉ quỹ, dịch vụ tổ chức thị trường và các dịch vụ chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

+ Đối với dịch vụ tài chính phái sinh là số tiền thu từ việc cung ứng các dịch vụ tài chính phái sinh thực hiện trong kỳ tính thuế.

*1.1.4.3.4. Các khoản chi phí được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.*

***Doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:***

- Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

***Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế bao gồm:***

- Khoản chi không đáp ứng đủ các điều kiện được quy định ở trên, trừ phần giá trị tổn thất do thiên tai, dịch bệnh và trường hợp bất khả kháng khác không được bồi thường.

+ Khoản tiền phạt do vi phạm hành chính.

+ Khoản chi được bù đắp bằng nguồn kinh phí khác.

+ Phần chi phí quản lý kinh doanh do doanh nghiệp nước ngoài phân bổ cho cơ sở thường trú tại Việt Nam vượt mức tính theo phương pháp phân bổ do pháp luật Việt Nam quy định.

+ Phần chi vượt mức theo quy định của pháp luật về trích lập dự phòng.

+ Phần chi phí nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hóa vượt định mức tiêu hao do doanh nghiệp xây dựng, thông báo cho cơ quan thuế và giá thực tế xuất kho.

Mức tiêu hao hợp lý nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hoá sử dụng vào sản xuất, kinh doanh do doanh nghiệp tự xây dựng. Mức tiêu hao hợp lý được xây dựng từ đầu năm hoặc đầu kỳ sản xuất sản phẩm và thông báo cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp trong thời hạn 3 tháng kể từ khi bắt đầu đi vào sản xuất theo mức tiêu hao được xây dựng. Trường hợp doanh nghiệp trong thời gian sản xuất kinh doanh có điều chỉnh bổ sung mức tiêu hao nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hoá thì doanh nghiệp phải thông báo cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp. Thời hạn cuối cùng của việc thông báo cho cơ quan thuế việc điều chỉnh, bổ sung mức tiêu hao là thời hạn nộp tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp một số nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, hàng hoá Nhà nước đã ban hành định mức tiêu hao thì thực hiện theo định mức của Nhà nước đã ban hành.

+ Phần chi trả lãi tiền vay vốn sản xuất, kinh doanh của đối tượng không phải là tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh tế vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm vay.

+ Trích khấu hao tài sản cố định không đúng quy định của pháp luật:

Chi khấu hao đối với tài sản cố định không sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ.

Chi khấu hao đối với tài sản cố định không có giấy tờ chứng minh được thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp (trừ tài sản cố định thuê mua tài chính).

Chi khấu hao đối với tài sản cố định không được quản lý, theo dõi, hạch toán trong sổ sách kế toán của doanh nghiệp theo chế độ quản lý tài sản cố định và hạch toán kế toán hiện hành.

Phần trích khấu hao vượt mức quy định hiện hành của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Khấu hao đối với tài sản đã hết giá trị sử dụng.

Khấu hao đối với công trình trên đất vừa sử dụng cho sản xuất kinh doanh vừa sử dụng cho mục đích khác thì không được tính khấu hao vào chi phí hợp lý đối



với giá trị công trình trên đất tương ứng phần diện tích không sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Chi phí của doanh nghiệp mua hàng hoá, dịch vụ không có hoá đơn, được phép lập Bảng kê thu mua hàng hoá, dịch vụ mua vào (theo mẫu số 01/TNDN kèm theo Thông tư này) nhưng không lập Bảng kê kèm theo chứng từ thanh toán cho cơ sở, người bán hàng, cung cấp dịch vụ trong các trường hợp: mua hàng hoá là nông sản, lâm sản, thủy sản của người sản xuất, đánh bắt trực tiếp bán ra; mua sản phẩm thủ công làm bằng đay, cói, tre, nứa, lá, song, mây, rơm, vỏ dừa, sọ dừa hoặc nguyên liệu tận dụng từ sản phẩm nông nghiệp của người sản xuất thủ công không kinh doanh trực tiếp bán ra; Bảng kê thu mua hàng hoá, dịch vụ do người đại diện theo pháp luật hoặc người được uỷ quyền của doanh nghiệp ký và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực.

+ Chi tiền lương thuộc một trong số các trường hợp sau:

Chi tiền lương, tiền công, các khoản hạch toán khác để trả cho người lao động nhưng thực tế không chi trả hoặc không có hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

Chi tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp phải trả cho người lao động nhưng hết thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế năm thực tế chưa chi trừ trường hợp doanh nghiệp có trích lập quỹ dự phòng để bổ sung vào quỹ tiền lương của năm sau liền kề nhằm bảo đảm việc trả lương không bị gián đoạn và không được sử dụng vào mục đích khác. Mức dự phòng hàng năm do doanh nghiệp quyết định nhưng không vượt quá 17% quỹ tiền lương thực tế.

Tiền lương, tiền công của chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên (do một cá nhân làm chủ); thù lao trả cho các sáng lập viên, thành viên của hội đồng thành viên, hội đồng quản trị không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ.

+ Phần chi trang phục bằng hiện vật cho người lao động không có hoá đơn; phần chi trang phục bằng hiện vật cho người lao động vượt quá 1.500.000

đồng/người/năm; phần chi trang phục bằng tiền cho người lao động vượt quá 1.000.000 đồng/người/năm.

+ Chi thưởng sáng kiến, cải tiến mà doanh nghiệp không có quy chế quy định cụ thể về việc chi thưởng sáng kiến, cải tiến, không có hội đồng nghiệm thu sáng kiến, cải tiến.

+ Chi mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động.

+ Chi phụ cấp tàu xe đi nghỉ phép không đúng theo quy định của Bộ Luật Lao động; Phần chi phụ cấp cho người lao động đi công tác trong nước và nước ngoài (không bao gồm tiền đi lại và tiền ở) vượt quá 2 lần mức quy định theo hướng dẫn của Bộ Tài chính đối với cán bộ công chức, viên chức Nhà nước.

+ Chi trả lãi tiền vay vốn tương ứng với phần vốn điều lệ còn thiếu.

+ Thuế giá trị gia tăng đầu vào đã được khấu trừ, thuế giá trị gia tăng nộp theo phương pháp khấu trừ, thuế thu nhập doanh nghiệp.

+ Các khoản chi sau không đúng đối tượng, không đúng mục đích hoặc mức chi vượt quá quy định.

Các khoản chi thêm cho lao động nữ được tính vào chi phí được trừ bao gồm:

Chi cho công tác đào tạo lại nghề cho lao động nữ trong trường hợp nghề cũ không còn phù hợp phải chuyển đổi sang nghề khác theo quy hoạch phát triển của DN. Khoản chi này bao gồm: học phí (nếu có) + chênh lệch tiền lương ngạch bậc (đảm bảo 100% lương cho người đi học).

Chi phí tiền lương và phụ cấp (nếu có) cho giáo viên dạy ở nhà trẻ, mẫu giáo do doanh nghiệp tổ chức và quản lý.

Chi phí tổ chức khám sức khỏe thêm trong năm như khám bệnh nghề nghiệp, mãn tính hoặc phụ khoa cho nữ công nhân viên. Chi bồi dưỡng cho lao động nữ sau khi sinh con lần thứ nhất hoặc lần thứ hai.

+ Phần chi quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, hoa hồng môi giới; chi tiếp tân, khánh tiết, hội nghị; chi hỗ trợ tiếp thị, chi hỗ trợ chi phí, chiết khấu thanh toán; chi báo biểu, báo tặng của cơ quan báo chí liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh vượt quá 10% tổng số chi được trừ; đối với doanh nghiệp thành

lập mới là phần chi vượt quá 15% trong ba năm đầu, kể từ khi được thành lập. Tổng số chi được trừ không bao gồm các khoản chi quy định tại điểm này; đối với hoạt động thương mại, tổng số chi được trừ không bao gồm giá mua của hàng hoá bán ra.

+ Phần trích nộp quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn vượt mức quy định. Phần chi đóng góp hình thành nguồn chi phí quản lý cho cấp trên, chi đóng góp vào các quỹ của hiệp hội vượt quá mức quy định của hiệp hội.

+ Chi trả tiền điện, tiền nước đối với những hợp đồng điện nước do chủ sở hữu cho thuê địa điểm sản xuất, kinh doanh ký trực tiếp với đơn vị cung cấp điện, nước không có đủ chứng từ.

+ Các khoản chi không tương ứng với doanh thu tính thuế.

+ Chi trả lãi tiền vay để góp vốn điều lệ hoặc chi trả lãi tiền vay tương ứng với phần vốn điều lệ đã đăng ký còn thiếu theo tiến độ góp vốn ghi trong điều lệ của doanh nghiệp kể cả trường hợp doanh nghiệp đã đi vào sản xuất kinh doanh.

+ Trích, lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp không theo đúng hướng dẫn của Bộ Tài chính về trích lập dự phòng. Trích, lập và sử dụng quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và chi trợ cấp thôi việc cho người lao động không theo đúng chế độ hiện hành.

+ Các khoản chi phí trích trước theo kỳ hạn mà đến kỳ hạn chưa chi hoặc chi không hết. Các khoản trích trước bao gồm: trích trước về sửa chữa lớn tài sản cố định theo chu kỳ, các khoản trích trước đối với hoạt động đã hạch toán doanh thu nhưng còn tiếp tục phải thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng và các khoản trích trước khác.

+ Các khoản chi của hoạt động kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số, kinh doanh chứng khoán và một số hoạt động kinh doanh đặc thù khác không thực hiện đúng theo văn bản hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính.

+ Khoản chi bằng ngoại tệ được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh chi phí bằng ngoại tệ.

#### *1.1.4.3.5. Trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.*

- Doanh nghiệp được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam được trích tối đa 10% thu nhập tính thuế hàng năm để lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

- Trong thời hạn năm năm, kể từ khi trích lập, nếu quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích thì doanh nghiệp phải nộp ngân sách nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập quỹ mà không sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

- Doanh nghiệp không được hạch toán các khoản chi từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế.

- Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp chỉ được sử dụng cho đầu tư khoa học và công nghệ tại Việt Nam.

#### *1.1.4.3.6. Thu nhập miễn thuế.*

- Thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản của tổ chức được thành lập theo Luật hợp tác xã.

- Thu nhập từ việc thực hiện dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ nông nghiệp.

- Thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản phẩm đang trong thời kỳ sản xuất thử nghiệm, sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu áp dụng tại Việt Nam.

- Thu nhập từ hoạt động dạy nghề dành riêng cho người dân tộc thiểu số, người tàn tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đối tượng tệ nạn xã hội.

- Thu nhập được chia từ hoạt động góp vốn, liên doanh, liên kết với doanh nghiệp trong nước, sau khi đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật này.

- Khoản tài trợ nhận được để sử dụng cho hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học, văn hoá, nghệ thuật, từ thiện, nhân đạo và hoạt động xã hội khác tại Việt Nam.

#### *1.1.4.3.7. Xác định lỗ và chuyển lỗ.*

- Lỗ phát sinh trong kỳ tính thuế là số chênh lệch âm về thu nhập chịu thuế.

- Doanh nghiệp sau khi quyết toán thuế mà bị lỗ thì được chuyển lỗ của năm quyết toán thuế trừ vào thu nhập chịu thuế của những năm sau. Thời gian chuyển lỗ tính liên tục không quá 5 năm, kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Quá thời hạn 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ nếu số lỗ phát sinh chưa bù trừ hết thì sẽ không được giảm trừ tiếp vào thu nhập của các năm tiếp sau.

- Doanh nghiệp có lỗ từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản chỉ được chuyển số lỗ vào thu nhập tính thuế của hoạt động này.

#### *1.1.4.3.8. Ưu đãi thuế TNDN.*

- Ưu đãi về thuế suất.

+ Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, khu công nghệ cao; doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đặc biệt quan trọng của Nhà nước, sản xuất sản phẩm phần mềm được áp dụng thuế suất 10% trong thời gian mười lăm năm.

+ Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao và môi trường được áp dụng thuế suất 10%.

+ Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn được áp dụng thuế suất 20% trong thời gian mười năm.

- Ưu đãi về thời gian miễn thuế, giảm thuế.

+ Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đặc biệt quan trọng của Nhà nước, sản xuất sản phẩm phần mềm; doanh nghiệp thành lập mới hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao và môi trường được miễn thuế tối đa không quá bốn năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá chín năm tiếp theo.

#### *1.1.4.3.9. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.*

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%, trừ trường hợp:

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và tài nguyên quý hiếm khác tại Việt Nam từ 32% đến 50%. Căn cứ vào vị trí khai thác, điều kiện khai thác và trữ lượng mỏ doanh nghiệp có dự án đầu tư tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và tài nguyên quý hiếm khác gửi hồ sơ dự án đầu tư đến Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định mức thuế suất cụ thể cho từng dự án, từng cơ sở kinh doanh. Tài nguyên quý hiếm khác tại khoản này bao gồm: bạch kim, vàng, bạc, thiếc, vonfram, antimoan, đá quý, đất hiếm.

- Và các trường hợp được áp dụng thuế suất ưu đãi.

#### *1.1.5. Thủ tục đăng ký, kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế TNDN.*

##### *1.1.5.1. Đăng ký thuế TNDN.*

Cơ sở kinh doanh có trách nhiệm đăng ký thuế TNDN cùng với việc nộp thuế giá trị gia tăng. Tổng công ty có đơn vị hạch toán phụ thuộc khi đăng ký phải ghi rõ tên, địa chỉ của đơn vị phụ thuộc ở địa phương khác, nơi đơn vị chính đóng trụ sở thì phải đăng ký với cơ quan thuế nơi đóng trụ sở.

##### *1.1.5.2. Kê khai thuế TNDN.*

- Cơ sở kinh doanh có trách nhiệm kê khai và nộp tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp theo mẫu số 02A/TNDN cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý chậm nhất vào ngày 25 tháng 01 hàng năm hoặc ngày 25 của tháng kế tiếp tháng kết thúc kỳ tính thuế đối với cơ sở kinh doanh có kỳ tính thuế là năm tài chính khác năm dương

lịch.

- Đối với cơ sở kinh doanh chưa thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn chứng từ, số thuế phải nộp hàng tháng được tính theo chế độ khoán doanh thu và tỷ lệ thu nhập chịu thuế phù hợp với từng ngành nghề do cơ quan thuế có thẩm quyền ấn định.

#### *1.1.5.3. Nộp thuế.*

- Cơ sở kinh doanh phải tạm nộp số thuế hàng quý theo Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc theo số thuế cơ quan thuế ấn định đầy đủ, đúng hạn vào Ngân sách nhà nước chậm nhất không quá ngày cuối cùng của tháng cuối quý.

- Việc xác định ngày nộp thuế của cơ sở kinh doanh được thực hiện như sau:

+ Đối với cơ sở kinh doanh nộp thuế bằng chuyển khoản qua Ngân hàng, tổ chức tín dụng khác thì ngày nộp thuế là ngày Ngân hàng, tổ chức tín dụng khác ký nhận trên Giấy nộp tiền vào ngân sách.

+ Đối với cơ sở kinh doanh nộp thuế bằng tiền mặt thì ngày nộp thuế là ngày cơ quan Kho bạc nhận tiền thuế hoặc cơ quan thuế cấp Biên lai thuế.

#### *1.1.5.4. Quyết toán thuế TNDN.*

- Cơ sở kinh phải thực hiện quyết toán thuế hàng năm với cơ quan thuế đầy đủ các khoản:

+Doanh thu.

+Chi phí hợp lý.

+Thu nhập chịu thuế.

+Số thuế thu nhập phải nộp.

+Số thuế thu nhập đã tạm nộp trong năm.

+Số thuế đã nộp ở nước ngoài do các khoản thu nhập từ nước ngoài.

+Số thuế nộp thiếu hoặc nộp thừa.

- Năm quyết toán thuế theo năm dương lịch. Nếu cơ sở kinh doanh được phép áp dụng năm tài chính thì quyết toán theo năm tài chính. Trong thời hạn 60 ngày kể từ kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính, doanh nghiệp phải nộp báo cáo

quyết toán thuế trong thời hạn 60 ngày, nếu nộp thừa được trừ vào số thuế của kỳ tiếp theo.

- Trường hợp sát nhập, chia tách, phá sản, cơ sở kinh doanh phải nộp quyết toán thuế trong vòng 45 ngày kể từ khi có quyết định chia tách, giải thể, phá sản, hợp nhất.

## **1.2. Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN).**

### *1.2.1. Yêu cầu quản lý thuế TNDN.*

Thuế TNDN là một phần quan trọng không ngừng vận động cùng với sự phát triển của một doanh nghiệp, sự tồn tại của nó chứng tỏ doanh nghiệp làm ăn có lãi, do vậy để việc quản lý thuế TNDN cần phải quản lý trên các mặt như:

- Quản lý khoản doanh thu tính thuế: Đây là số tiền thu được khi bán hàng hóa dịch vụ giúp DN biết được trong năm hoạt động có tốt hay không, bán được nhiều hay ít.

- Quản lý các khoản chi phí hợp lí: Đây là các khoản chi phí phát sinh của mỗi DN trong quá trình hoạt động, quản lý tốt các chi phí tránh thất thoát lãng phí cho doanh nghiệp.

- Quản lý các khoản thu nhập khác: Đây là số tiền mà doanh nghiệp thu được từ các hoạt động khác ngoài sản xuất kinh doanh hàng hóa dịch vụ.

- Quản lý thuế TNDN phải nộp: Đây là số tiền trích từ lợi nhuận mà trong năm doanh nghiệp hoạt động có được, khoản thuế này hàng năm chiếm tỉ trọng lớn nhất trong nguồn thu của Ngân sách Nhà Nước vì vậy quản lý chặt chẽ số thuế này là vấn đề hết sức quan trọng.

Thông qua việc quản lý thuế TNDN không chỉ giúp doanh nghiệp quản lý toàn diện mọi hoạt động xảy ra trong năm, mà còn giúp doanh nghiệp cải thiện việc đầu tư kinh doanh đồng thời giúp doanh nghiệp thực hiện tốt các quy định đối với Nhà nước.

### *1.2.2. Nhiệm vụ kế toán thuế TNDN.*

#### *1.2.2.1. Nhiệm vụ của kế toán thuế nói chung.*



Kế toán thuế là một bộ phận trong phòng kế toán với nhiệm vụ lập hồ sơ, báo cáo theo quy định của luật thuế mà đơn vị có trách nhiệm phải nộp loại thuế đó. Nhiệm vụ cụ thể đó được chia thành các nội dung sau:

- Lập hồ sơ đăng ký thuế theo đúng các quy định và nộp hồ sơ cho cơ quan thuế đúng thời hạn, tất cả các loại thuế đều đăng ký cùng một loại hồ sơ.
- Hạch toán doanh thu, chi phí theo quy định của Luật thuế TNDN, lập tờ khai các loại thuế có phát sinh tại đơn vị.
- Lập dự toán thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho từng quý và năm.
- Lập giấy nộp tiền vào NSNN, chuyển cho bộ phận kế toán tiền mặt, tiền gửi ngân hàng nộp thuế vào Kho bạc Nhà nước theo đúng thời hạn quy định.
- Lập báo cáo quyết toán thuế cuối năm.
- Giải trình các căn cứ lập tờ khai, báo cáo quyết toán thuế theo yêu cầu của cơ quan thuế.

Như vậy, công tác kế toán thuế giúp doanh nghiệp hoàn thành tốt nghĩa vụ nộp thuế đối với Nhà nước, tránh việc bị truy thu thuế hay bị xử phạt vì nộp thuế chậm, đồng thời giúp Nhà nước nhanh chóng thu được thuế bổ sung cho NSNN cung cấp kịp thời cho các hoạt động kinh tế xã hội nhằm phát triển đất nước.

#### *1.2.2.2. Nhiệm vụ của kế toán thuế TNDN.*

- Hàng tháng: kế toán viên tập hợp chứng từ gốc, theo dõi sổ sách các khoản doanh thu, chi phí, thu nhập khác phát sinh trong tháng.
- Hàng quý: dựa vào các chứng từ, sổ sách ghi chép lũy kế hàng tháng kế toán viên tính ra số thuế TNDN phải nộp tạm tính cho từng quý, lập tờ khai thuế TNDN tạm tính theo quý, báo cáo quý cho phần thuế TNDN.
- Cuối năm: thông qua các số thuế TNDN tạm tính cho từng quý kế toán viên tổng hợp tính lại số thuế TNDN mà đơn vị phải nộp cho năm hoạt động vừa qua, điều chỉnh lại số thuế phải nộp cho phù hợp. Lập tờ khai thuế TNDN phải nộp, báo cáo quyết toán thuế TNDN, báo cáo kết quả kinh doanh, bảng cân đối kế toán.

Trên đây là toàn bộ nhiệm vụ của kế toán thuế TNDN, tuy nhiên trên thực tế kế toán thuế TNDN còn phải làm nhiều nhiệm vụ khác như: lập giấy xin chi tiền để

nộp thuế, lập các báo cáo nội bộ về thuế gửi Ban Giám Đốc... Cho dù phải thực hiện toàn bộ công việc kế toán thuế TNDN hoặc chỉ làm một phần trong đó thì yêu cầu mỗi cán bộ kế toán phải có một trình độ chuyên môn vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, khách quan, trung thực... bởi vì kế toán thuế TNDN rất khó nhưng cũng rất dễ, đòi hỏi cán bộ kế toán thuế phải biết dung hòa giữa chế độ kế toán và các quy định của Nhà Nước với yêu cầu của chủ doanh nghiệp.

### 1.2.3. Kế toán thuế TNDN.

#### 1.2.3.1. Kế toán doanh thu, thu nhập, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

##### 1.2.3.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu.

###### ❖ **TK511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.**

Tài khoản này sử dụng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán hoạt động SXKD.

- Doanh thu của khối lượng sản phẩm (Thành phẩm, bán thành phẩm), hàng hoá, dịch vụ đã được xác định là đã bán trong kỳ kế toán:

+ Đối với sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ và doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo giá bán chưa có thuế GTGT, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 131, . . . (Tổng giá thanh toán)

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Giá bán chưa có thuế GTGT)

Có TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp (33311).

###### ❖ **TK512: Doanh thu bán hàng nội bộ.**

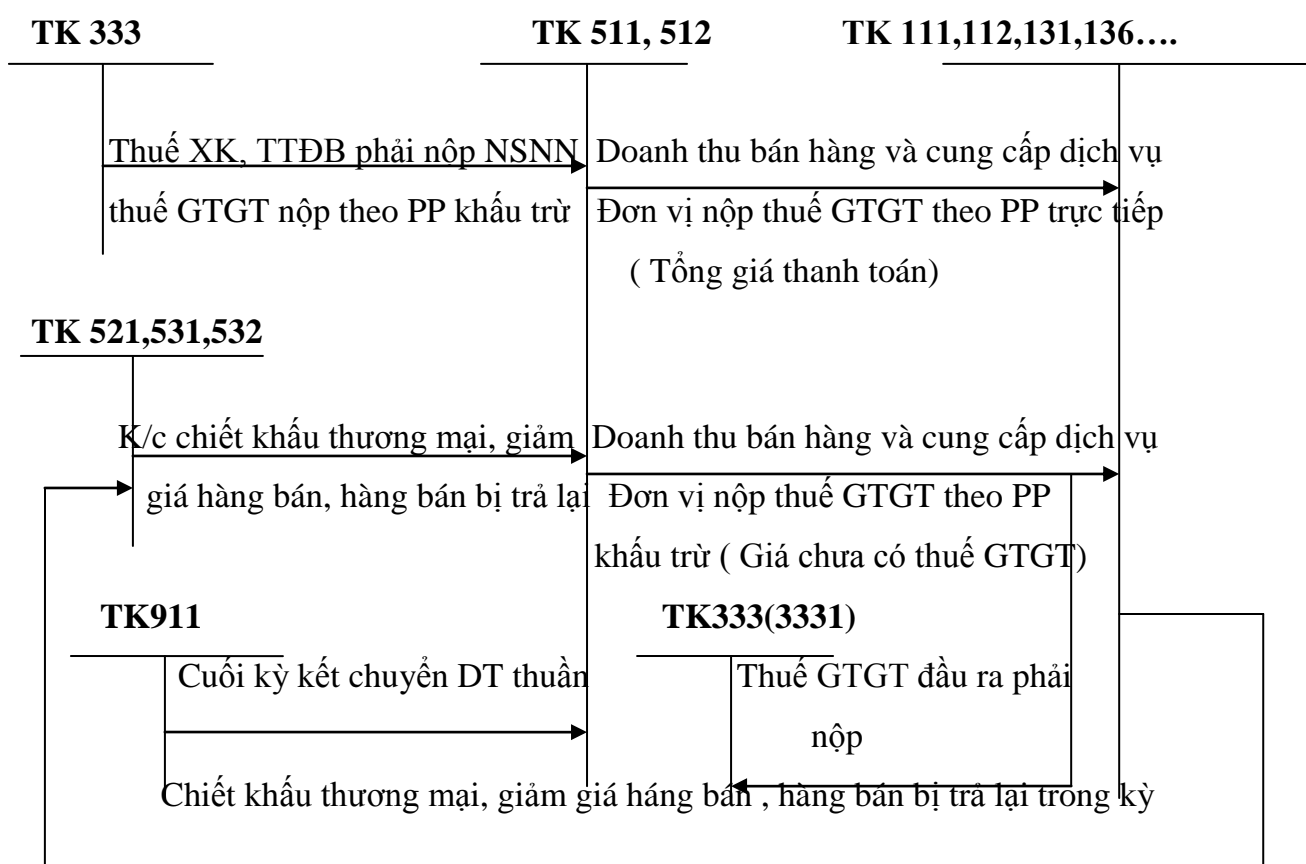
Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ các doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá nội bộ.

###### ❖ **TK521: Chiết khấu thương mại.**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (Sản phẩm, hàng hoá), dịch vụ với khối lượng lớn và theo thoả thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (Đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng).

❖ **TK531 : Hàng bán bị trả lại.**

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hoá bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách



**Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu.**

1.2.3.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán.

❖ **TK632:** Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (Đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

- Khi xuất các sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ, ghi:

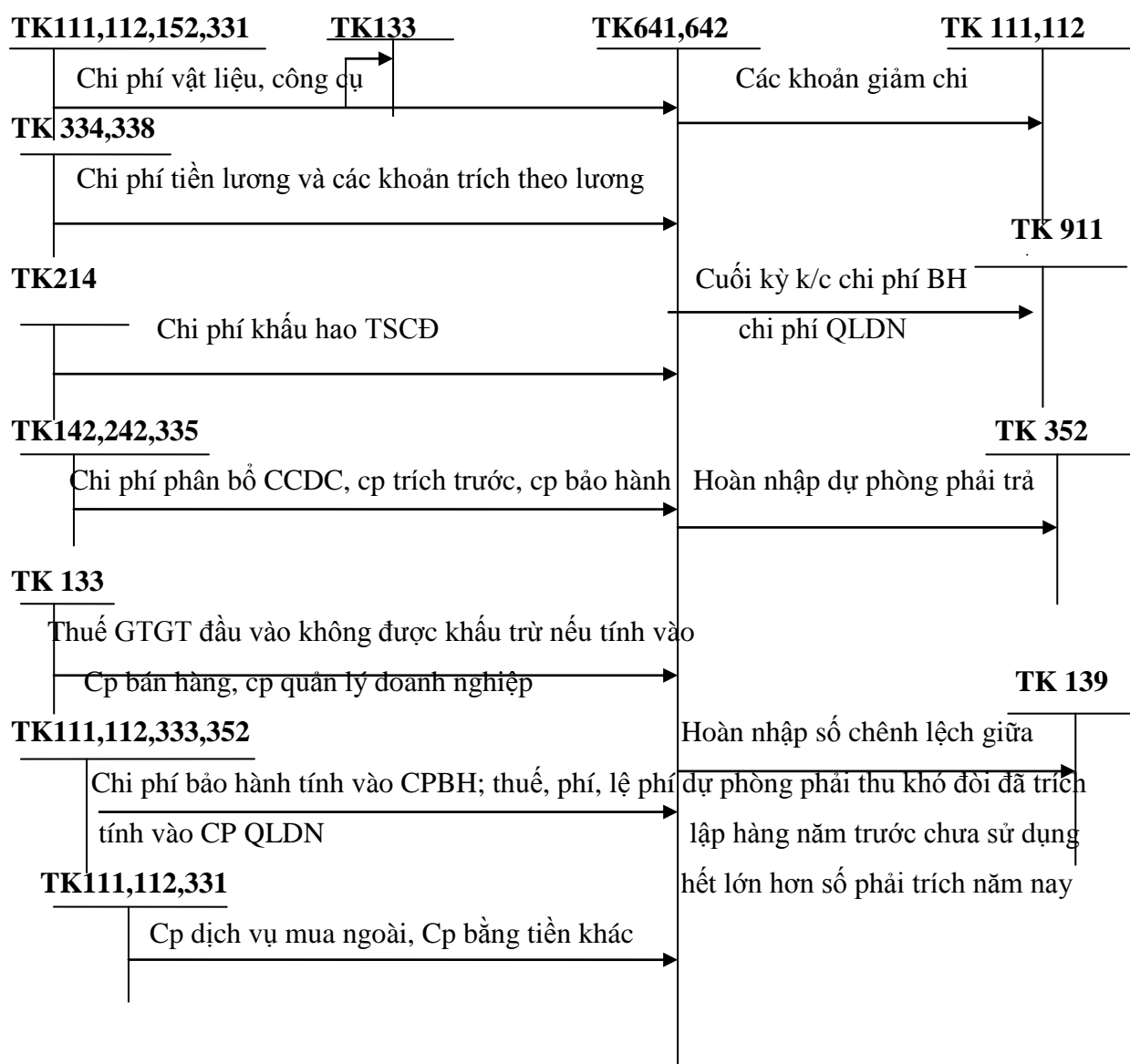


*1.2.3.1.3. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.***❖ TK641: Chi phí bán hàng.**

Chi phí này phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp.

**❖ TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp.**

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, . . .), công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài....



**Sơ đồ 1.3: Kế toán chi phí BH, chi phí QLDN**

*1.2.3.1.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.*

**❖ TK515: Doanh thu hoạt động tài chính.**

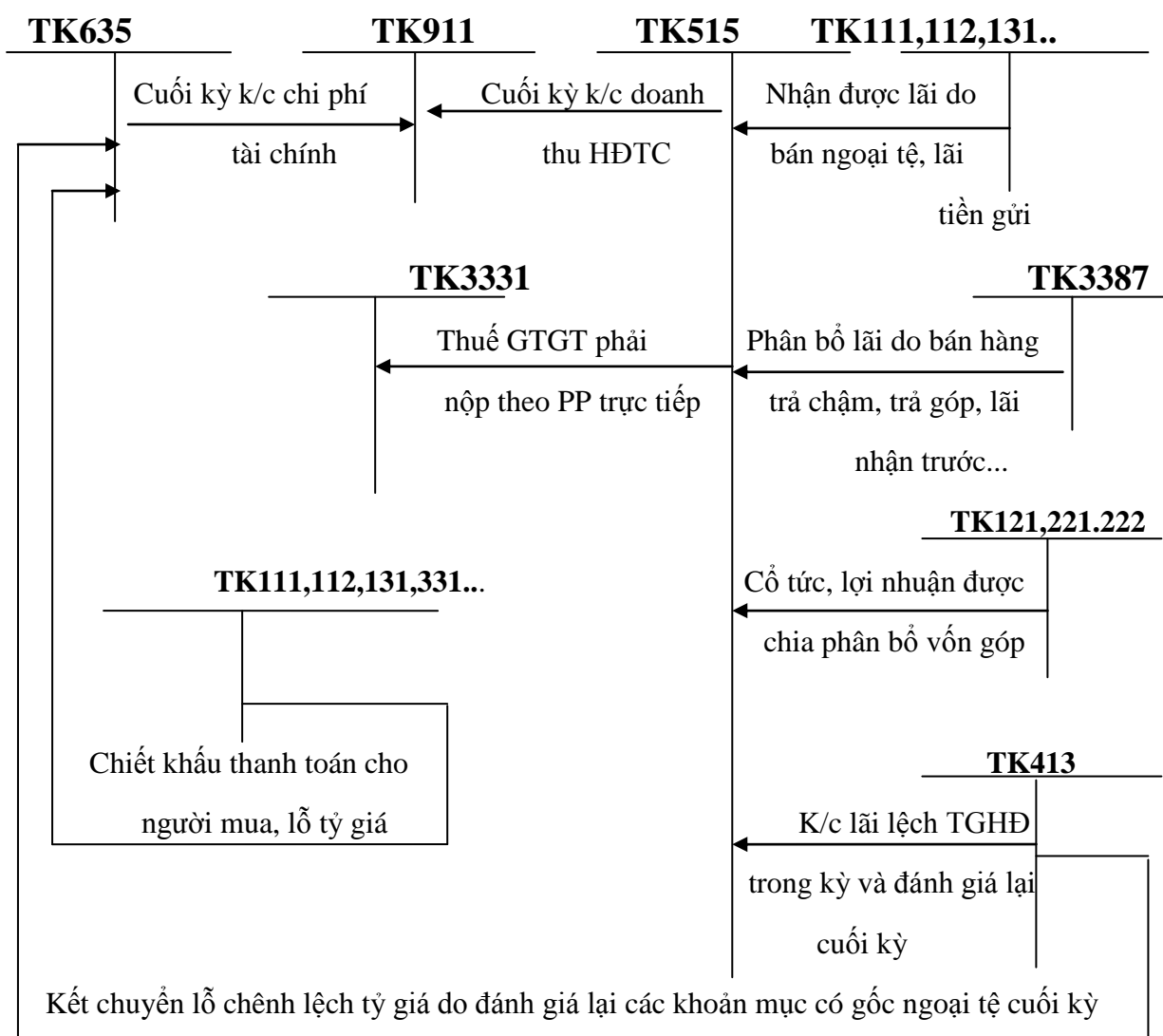
Phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

**❖ TK635: Chi phí tài chính.**

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi

phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...

Có TK 221, 222, 223.



**Sơ đồ 1.4: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.**

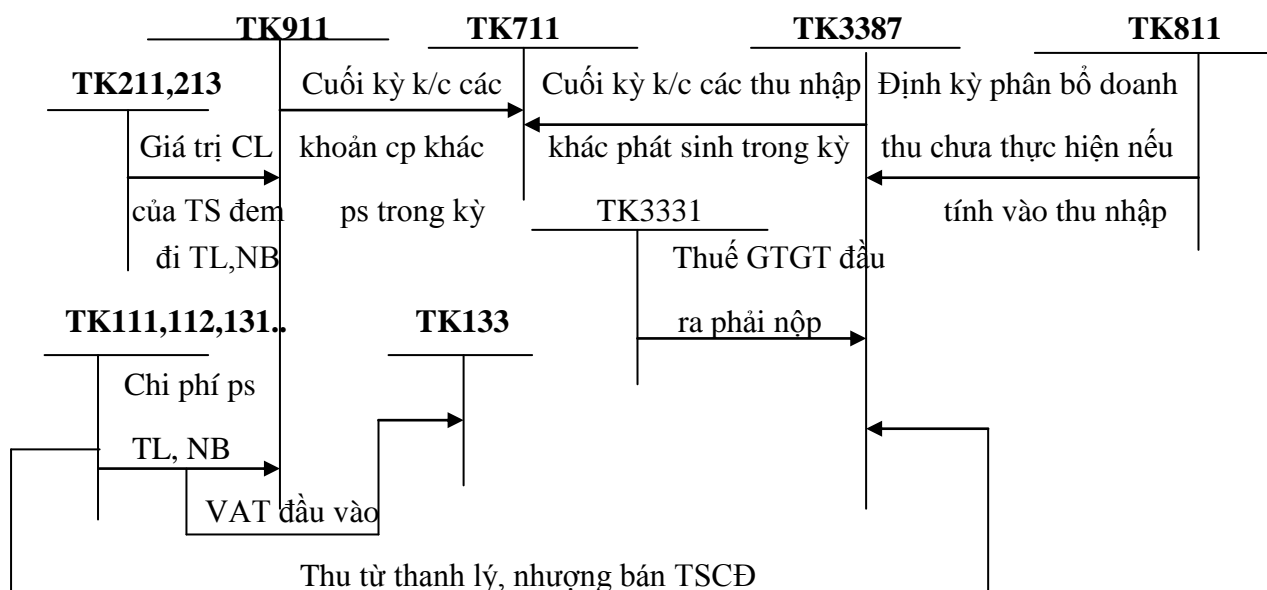
*1.2.3.1.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.*

**❖ TK711: Thu nhập khác.**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Gồm: thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ, thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản, thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ...

❖ **TK811: Chi phí khác.**

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp (Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý và nhượng bán TSCĐ, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế, các khoản chi phí khác).



**Sơ đồ 1.5: Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.**

1.2.3.1.6. *Kế toán xác định kết quả kinh doanh.*

❖ **TK911: Xác định kết quả kinh doanh.**

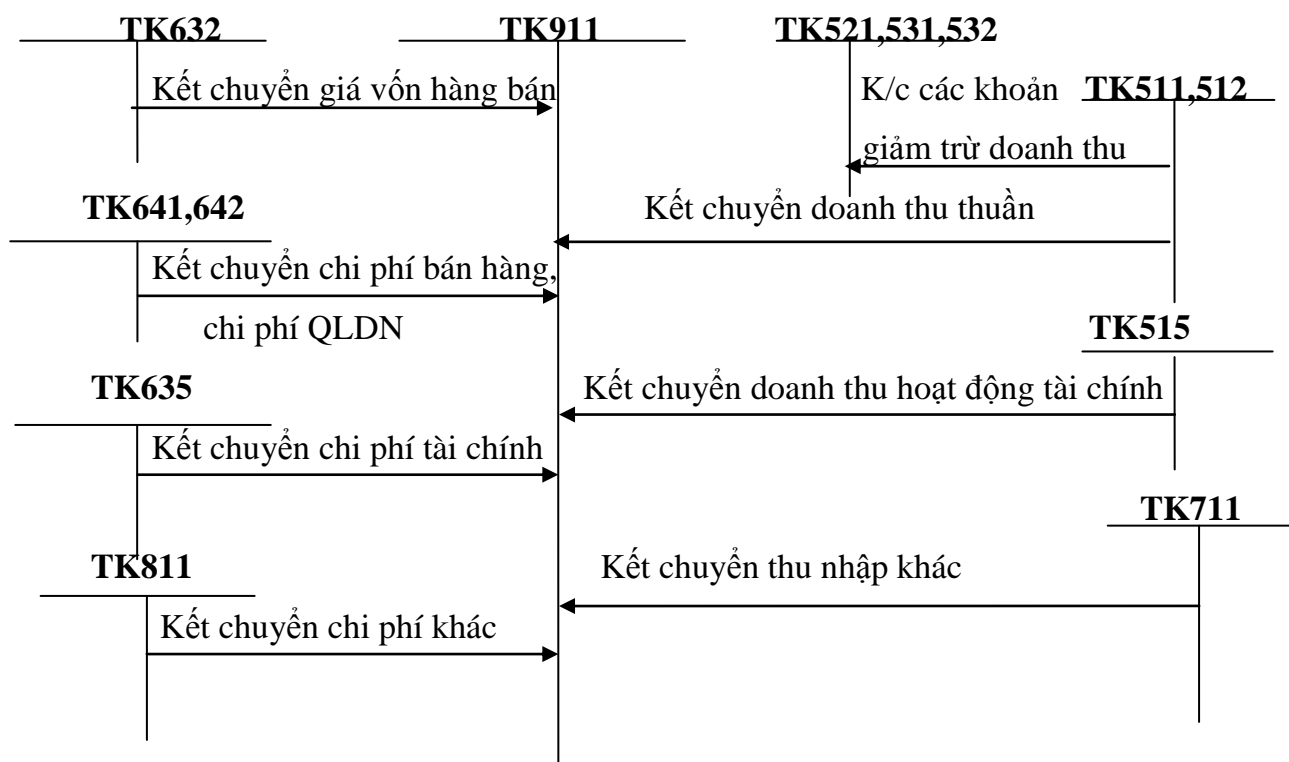
Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- *Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh* là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (Gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.



- *Kết quả hoạt động tài chính* là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- *Kết quả hoạt động khác* là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.



**Sơ đồ 1.6: Kết toán xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.**

1.2.3.2. *Kế toán “Thuế thu nhập doanh nghiệp” và “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành”, “Lợi nhuận chưa phân phối”*

1.2.3.2.1. *Chứng từ, sổ sách kế toán.*

- Đối với thuế TNDN, kế toán phải mở sổ kế toán chi tiết 3334 để theo dõi số thuế tạm nộp, số thuế thực tế phải nộp và tính ra số thuế còn phải nộp hoặc còn được khấu trừ vào kỳ kinh doanh tiếp theo. Căn cứ để ghi sổ chi tiết “Thuế TNDN phải nộp” là các chứng từ hoá đơn thanh toán, báo cáo quyết toán thuế duyệt y

- “Quyết toán thuế TNDN” mẫu số 02/ TNDN ghi rõ các chỉ tiêu về số thuế TNDN phải nộp, số tạm nộp và số thuế còn phải nộp cuối kỳ cho cơ quan thuế kèm theo tờ khai chi tiết doanh thu, chi phí, thu nhập của doanh nghiệp.

- Bảng cân đối kế toán: Số thuế TNDN nộp thừa hoặc còn phải nộp (số dư có hoặc nợ tài khoản 3334) được phản ánh ở mục I (nợ ngắn hạn) bên nguồn vốn của bảng cân đối.

- Báo cáo kết quả kinh doanh : Chỉ tiêu thuế thu nhập doanh nghiệp (mã số 70) căn cứ vào SPS bên có tài khoản 3334 “Thuế thu nhập doanh nghiệp”.

*1.2.3.2.2. Tài khoản kế toán.*

Để phản ánh tình hình tính thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, kế toán sử dụng tài khoản 3334 “Thuế thu nhập doanh nghiệp”, tài khoản 8211 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành” và tài khoản 421 “Lợi nhuận chưa phân phối”.

a. Tài khoản 3334- Thuế TNDN

- Nội dung: Phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp, đã nộp và còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Kết cấu:

<b>Nợ</b>	<b>TK 3334</b>	<b>Có</b>
<b>SPS giảm</b>		<b>SPS tăng</b>
+ Số thuế TNDN đã nộp vào NSNN + Số chênh lệch giữa số thuế tạm nộp lớn hơn số thuế phải nộp thực tế theo quyết toán.		+ Số thuế TNDN phải nộp vào NSNN
<b>SDCK</b>		<b>SDCK</b>
Số thuế TNDN nộp thừa cho NSNN		Số thuế TNDN còn phải nộp

b. Tài khoản 8211- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

- Nội dung: Phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm của doanh nghiệp.

- Kết cấu:

Nợ	TK 8211	Có
	<b>SPS tăng</b>	<b>SPS giảm</b>
	+ Thuế TNDN phải nộp tính vào + Thuế TNDN hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của cá năm trước được ghi tăng cp thuế TNDN hiện hành	+ Số thuế TNDN hiện hành phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN hiện hành tạm nộp + Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện.... +Kết chuyển chi phí thuế TNDN sang 911

*1.2.3.3. Trình tự hạch toán.*

- Hàng quý, khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, kế toán phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm phải nộp vào ngân sách Nhà nước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, ghi:

Nợ TK 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Có TK 3334 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp vào NSNN, ghi:

Nợ TK 3334 - Thuế thu nhập doanh nghiệp

Có các TK 111, 112...

- Cuối năm tài chính, căn cứ vào số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán thuế hoặc số thuế do cơ quan thuế thông báo phải nộp:

+ Nếu số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm lớn hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp, kế toán phản ánh bổ sung số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành còn phải nộp, ghi:

Nợ TK 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Có TK 3334 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp vào NSNN, ghi:

Nợ TK 3334 - Thuế thu nhập doanh nghiệp

Có các TK 111,112. . .

+ Nếu số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp, kế toán ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, ghi:

Nợ TK 3334 - Thuế thu nhập doanh nghiệp

Có TK 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

- Kết chuyển chi phí thuế thu nhập hiện hành, ghi:

+ Nếu TK 8211 có số phát sinh Nợ lớn hơn SPS Có thì số chênh lệch, ghi:

Nợ TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

+ Nếu TK 8211 có số phát sinh Nợ < số phát sinh Có thì số chênh lệch, ghi:

Nợ TK 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Có TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

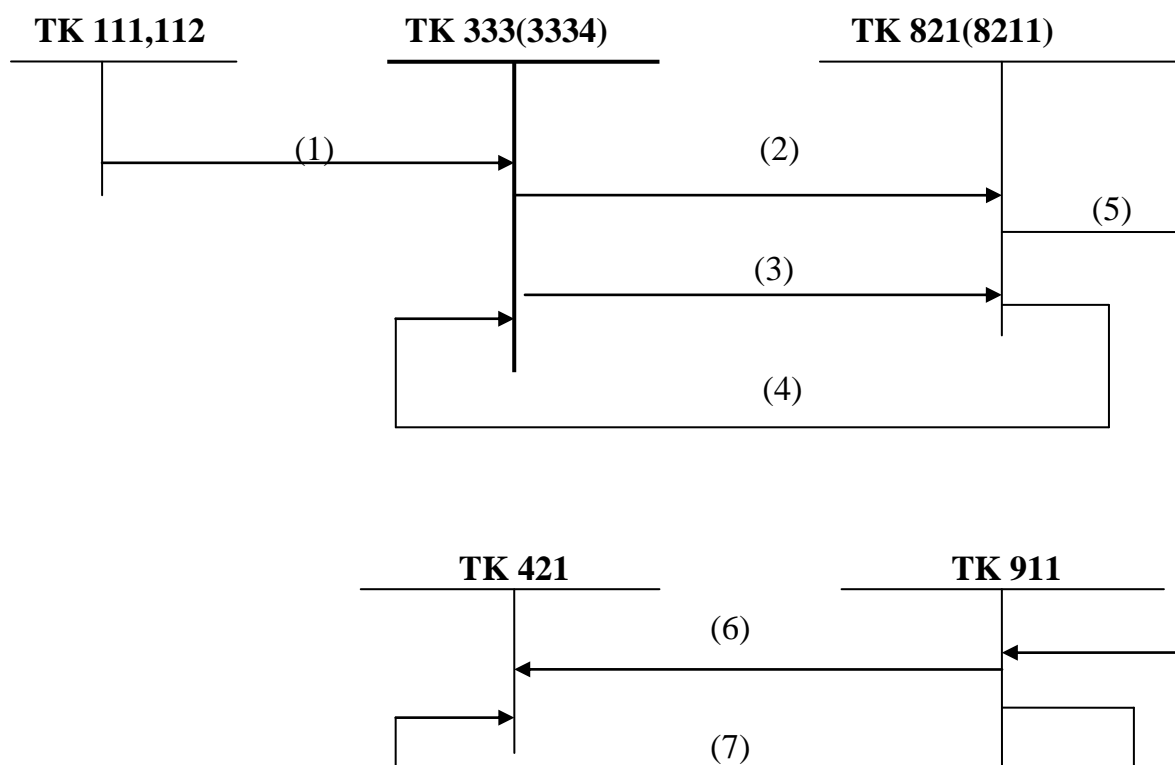
- Kết chuyển kết quả từ hoạt động kinh doanh sau khi trừ đi chi phí thuế

TNDN hiện hành:

Nợ TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối năm nay (4212).

Quy trình hạch toán thuế TNDN được thể hiện trên sơ đồ sau:



**Sơ đồ 1.7: Kế toán thuế TNDN.**

**Ghi chú:**

- (1): Khi nộp thuế TNDN vào NSNN.
- (2): Thuế TNDN tạm phải nộp theo kế hoạch hàng quý.
- (3): Nếu số thuế TNDN thực tế phải nộp xác định cuối năm lớn hơn số tạm nộp hàng quý trong năm.
- (4): Chênh lệch giữa số thuế TNDN tạm nộp hàng quý trong năm lớn hơn số thuế TNDN thực tế phải nộp và số thuế TNDN được miễn giảm.
- (5): Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành.
- (6): Kết chuyển lãi.
- (7): Kết chuyển lỗ.

*1.2.3.4. Hình thức kế toán áp dụng của doanh nghiệp.*

Theo mỗi hình thức kế toán khác nhau, sổ sách kế toán sử dụng trong kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp cũng khác nhau. Quy trình ghi sổ diễn ra như sau:

❖ **Hình thức kế toán Nhật ký chung**

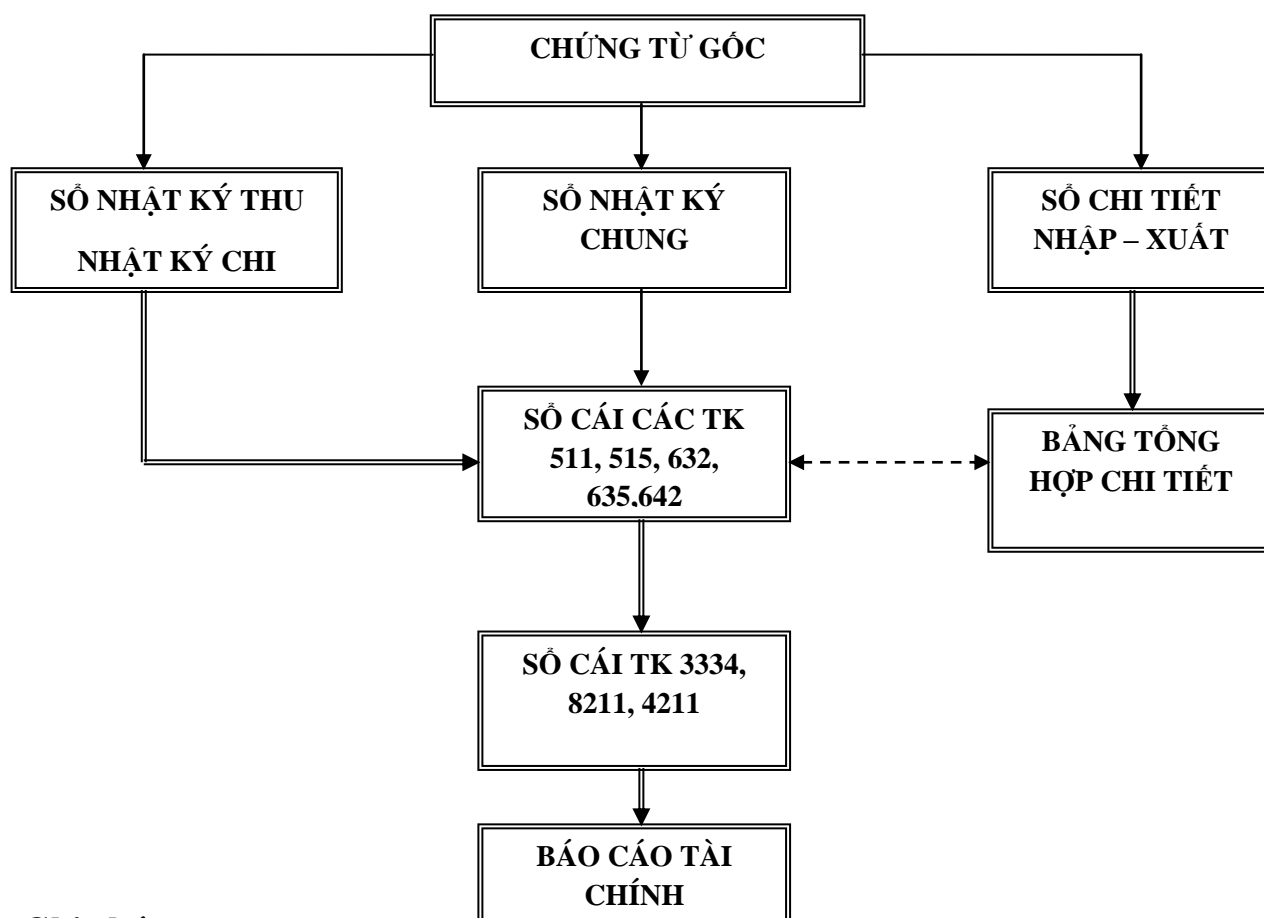
*\*Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung.*

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

*\*Quy trình hạch toán thể hiện qua sơ đồ sau:*



**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

**→Diễn giải:**

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Nhật ký chung và sổ chi phí kinh doanh. Căn cứ vào Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái các tài khoản doanh thu và chi phí.

- Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên Nhật ký chung, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái.

- Cuối quý, tổng hợp số tiền trên Sổ Cái các TK 511, 515, 632, 635, 642 của quý tạm tính số thuế TNDN phải nộp của quý đó vào Sổ Cái TK 3334, 8211. Lập báo cáo thuế cho mỗi quý.

**CHƯƠNG II****THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐÔNG Á.****2.1. Khái quát về công ty TNHH Thương Mại Đông Á.**

Tên công ty	: CÔNG TY TNHH TM ĐÔNG Á
Tên nước ngoài	: DONG A TRADING COMPANY LIMITED
Tên viết tắt	: DONG A TRADICO
Địa chỉ trụ sở chính	: 51 <sup>A</sup> Lương Khánh Thiện- Ngô Quyền- HP
Điện thoại	: 0313.501268/ Fax: 0313.528859
Giấy đăng ký kinh doanh số	: 0202002842
Mã số thuế	: 0200639795
Vốn điều lệ	: 6.000.000.000 đồng
Loại hình doanh nghiệp	: công ty trách nhiệm hữu hạn.

**2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.**

Được thành lập vào năm 2005 với lượng vốn ban đầu khá hạn hẹp nên công ty chủ yếu làm về thương mại mua bán máy điều hòa, thời gian đầu đi vào hoạt động còn gặp nhiều khó khăn, mặc dù đã có doanh thu nhưng vì doanh thu không đủ bù đắp chi phí nên đã không có lợi nhuận, mà ngược lại lợi nhuận còn âm.

- Đến năm 2007 chuyển sang kinh doanh vận tải, dịch vụ chở cước bao gồm cả lái xe đã mang lại lợi nhuận nhưng chưa đạt mức cao.

- Trải qua 4 năm kinh doanh đã thay đổi 2 ngành nghề kinh doanh nhưng không đạt được kết quả mong muốn công ty quyết định chuyển sang ngành nghề kinh doanh mới.

- Từ 1/2009 nhận thấy sự phát triển và nhu cầu của thị trường đối với lĩnh vực ô tô rất cao vì vậy công ty chuyển sang kinh doanh buôn bán ô tô các loại...đã đem lại cho công ty nhiều thành công lớn và tạo dựng uy tín trên thị trường hiện nay.

Có thể nói để đứng vững trên thị trường và không ngừng phát triển là kết quả của những cố gắng hết sức to lớn của ban Giám đốc cũng như toàn thể cán bộ công nhân viên trong toàn công ty.



### 2.1.2. Đặc điểm ngành nghề kinh doanh.

Theo giấy đăng ký kinh doanh số 0202002842 công ty được tiến hành các hoạt động sau :

- Mua bán điều hòa.
- Kinh doanh vận tải, chở cước....
- Buôn bán các loại ô tô, XNK ô tô.

Hiện tại công ty tiến hành nhập các loại ô tô trong và ngoài nước như Kia morning, Deawoo lacetti, Huyndain...từ các đại lý phân phối ô tô của các hãng, bán lẻ cho người sử dụng trong nước.

Công ty quản lý và khai thác toàn bộ tài sản, vật tư, tiền vốn đã có. Tổ chức bộ máy, tổ chức SXKD nhằm khai thác hết tiềm năng của công ty đảm bảo công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động, SXKD hiệu quả để đóng góp một phần lợi nhuận cho công ty.

### 2.1.3. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý công ty.

Về đặc điểm bộ máy quản lý, công ty TNHH Thương mại Đông Á có bộ máy quản lý gián tiếp được sắp xếp phù hợp với khả năng và có thể kiêm nhiệm nhiều việc.

Công ty thực hiện tổ chức quản lý theo chế độ 1 thủ trưởng.

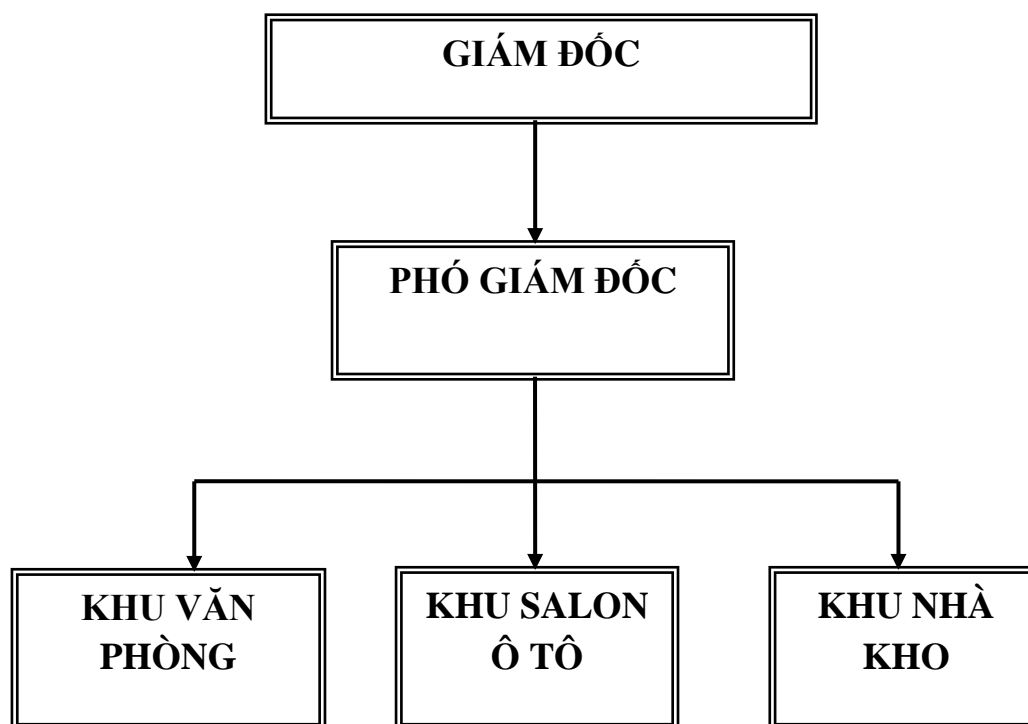
- Đứng đầu là giám đốc công ty, người có quyền lãnh đạo cao nhất, chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động kinh doanh; giúp việc cho giám đốc trong việc quản lý có 1 phó giám đốc (Phó giám đốc phụ trách kinh doanh).

- Ban quản lý kinh doanh của công ty bao gồm 4 phòng chính với chức năng và nhiệm vụ khác nhau.

- + Phòng kinh doanh
- + Phòng kế toán
- + Phòng bảo vệ

Các bộ phận kinh doanh được chia thành hai bộ phận:

- \* Bộ phận bán buôn
- \* Bộ phận bán lẻ.



**Sơ đồ 1.8: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty.**

**a. Giám đốc:** Là người đứng đầu bộ máy quản lý của công ty, chịu trách nhiệm trước mọi hoạt động kinh doanh trong công ty. Giám đốc ngoài uỷ quyền cho phó giám đốc còn trực tiếp chỉ huy bộ máy của công ty thông qua các trưởng phòng ban.

**b. Phó giám đốc :** Giúp việc cho giám đốc, phụ trách kiểm soát hoạt động các khu và có trách nhiệm lập kế hoạch và quản lý nguồn hàng vào và ra của công ty.

**c. Khu văn phòng:** Gồm các phòng ban trong công ty như phòng kinh doanh(xử lý vấn đề về khách hàng nhà cùn cấp..), phòng kế toán (xử lý công việc kế toán ghi chép, lập báo cáo tài chính..). phòng bảo vệ (trong coi giám sát các khu, phòng cháy...) mỗi một phòng ban đều đảm nhiệm những chức năng nhất định đảm bảo cho công ty hoạt động tốt nhất.

**d. Khu salon ô tô:** Nơi để mẫu xe giới thiệu cho khách hàng và bảo hành.

**e. Khu nhà kho:** Đây là nơi bảo quản các loại xe ô tô khi nhập về.

## **.2.2. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Thương Mại Đông Á.**

### *2.2.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán.*

Công ty TNHH Thương mại Đông Á có qui mô nhỏ, địa bàn hoạt động tổ chức kinh tế tập trung tại một địa điểm. Công ty thực hiện tổ chức kế toán tập trung và áp dụng hình thức kế toán nhật ký toán hàng tồn kho của công ty được tiến hành theo phương pháp nhập trước xuất trước, ở các gian hàng không tổ chức bộ máy kế toán riêng mà chỉ bố trí nhân viên làm nhiệm vụ hướng dẫn kiểm tra công tác hạch toán ban đầu, thu nhận kiểm tra chứng từ, ghi chép sổ sách, hạch toán nghiệp vụ, chuyên chứng từ báo cáo về phòng kế toán tổng hợp để xử lý và tiến hành công tác kế toán. Tại các kho hàng tuân thủ chế độ ghi chép ban đầu, căn cứ vào phiếu nhập kho, xuất kho để ghi vào thẻ kho, cuối tháng báo cáo lên phòng kế toán. Bên cạnh đó, công ty còn áp dụng khoa học kỹ thuật và công tác hạch toán kế toán như ghi chép, lưu và tra các số liệu bằng máy tính.

#### **- Phòng kế toán gồm:**

+ **Kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp:** Là người chịu trách nhiệm chung toàn bộ công tác kế toán, giao dịch hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra công việc của các nhân viên trong phòng, là kế toán tổng hợp, chịu trách nhiệm trước giám đốc, cơ quan thuế về những thông tin kế toán cung cấp.

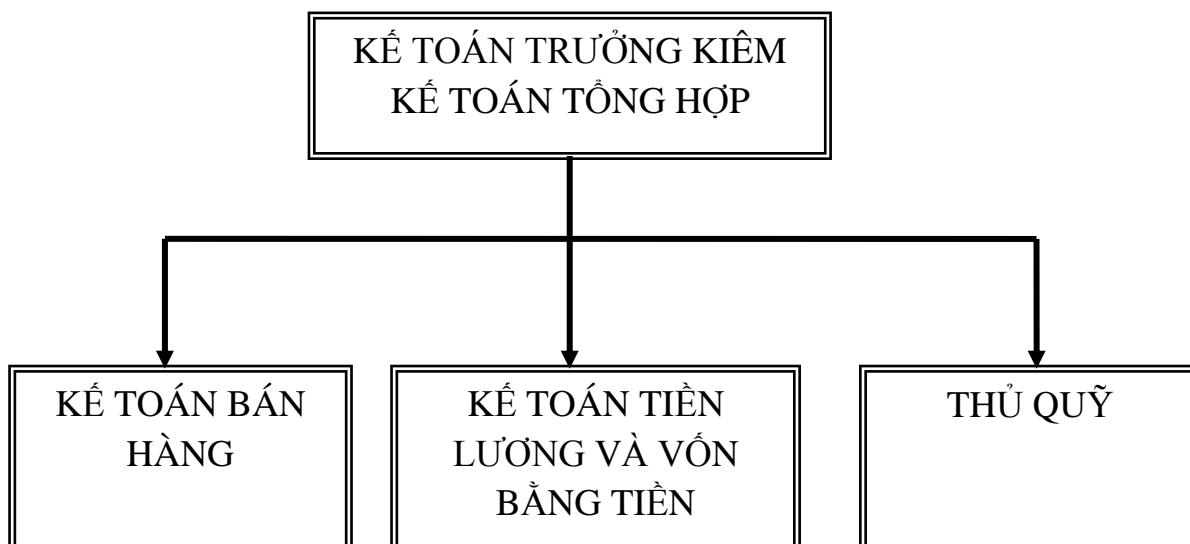
+ **Kế toán bán hàng:** Theo dõi chi tiết xuất nhập và tồn kho hàng hoá, cuối tháng cần có chứng từ gốc để lập báo cáo tổng hợp nhập xuất, tồn kho hàng hoá.

+ **Kế toán tiền lương và vốn bằng tiền:** Thanh toán số tiền lương phải trả cho từng người trên cơ sở tiền lương thực tế. Và theo dõi vốn bằng tiền như tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền vay, đồng thời theo dõi tình hình tăng giảm và trích khấu hao tài sản cố định.

+ **Thủ quỹ:** Theo dõi tình hình thu chi và quản lý tiền mặt căn cứ vào các chứng từ hợp pháp, hợp lệ để tiến hành xuất, nhập quỹ và ghi chép sổ quỹ. Thủ quỹ hàng ngày phải lập báo cáo thu, chi, tồn quỹ. Cơ cấu bộ máy kế toán của công

ty khá chặt chẽ, mỗi nhân viên có chức năng nhiệm vụ riêng và có quan hệ chặt chẽ để hoàn thành công việc chung của phòng.

- **Bộ máy kế toán của công ty có thể được biểu hiện bằng sơ đồ sau:**



**Sơ đồ 1.9: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.**

### 2.2.2. Tổ chức công tác kế toán và hình thức ghi sổ kế toán.

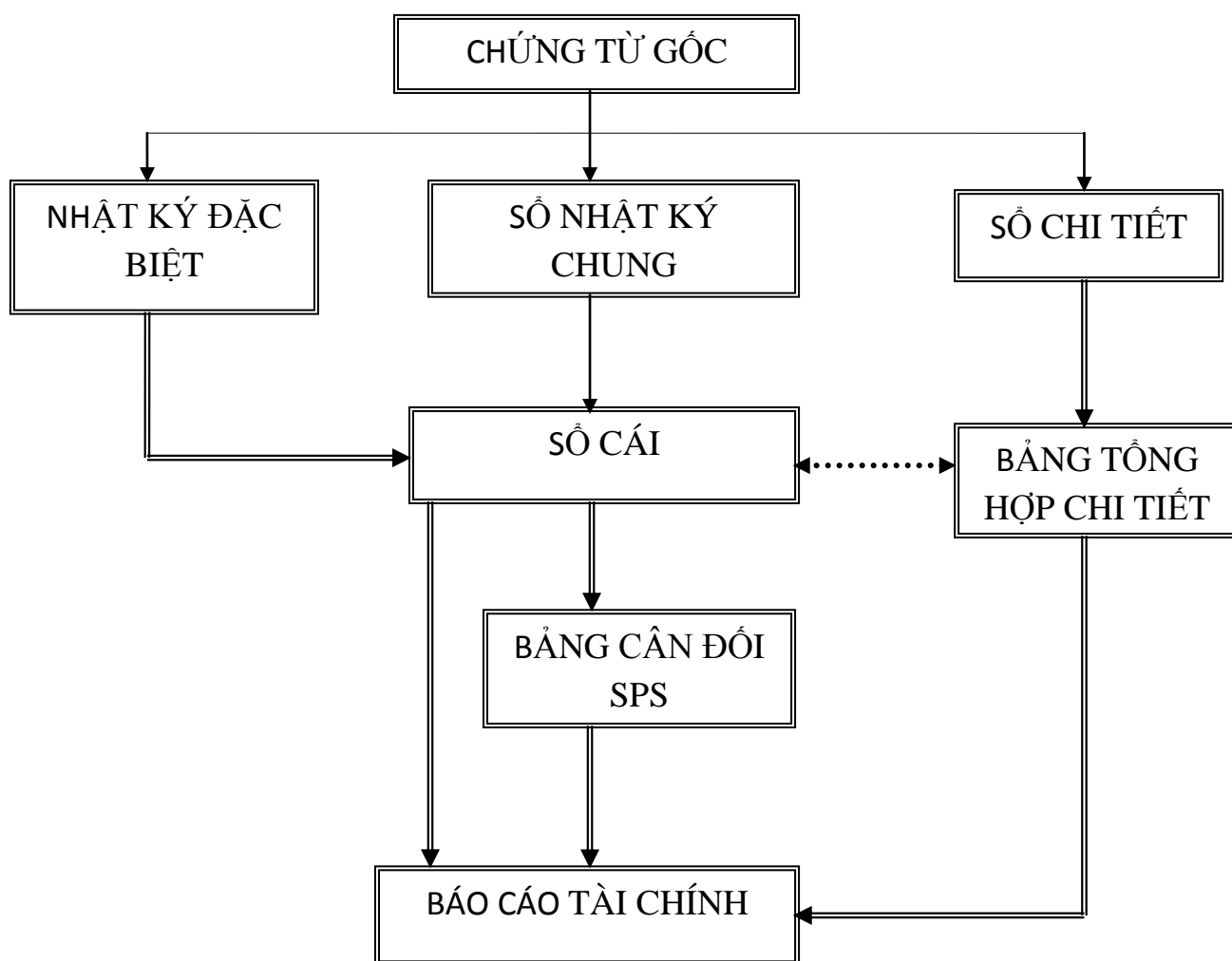
Để đáp ứng được yêu cầu quản lý, tạo điều kiện cho công tác hạch toán thuận lợi, công ty đã áp dụng hình thức kế toán “**Nhật ký chung**”. Theo hình thức này, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được tập hợp từ chứng từ gốc, sau đó kế toán tiến hành ghi vào sổ nhật ký chung theo thứ tự thời gian. Sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái tài khoản kế toán phù hợp. Đồng thời với việc ghi sổ nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, Thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Cuối tháng, quý, năm cộng các số liệu trên sổ Cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập các Báo Cáo Tài Chính.

- Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ Cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết
- Bảng tổng hợp chi tiết

- Bảng cân đối số phát sinh.



Sơ đồ 1.10 : Hệ thống kế toán theo hình thức Nhật ký chung

**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày —————>
- Ghi định kỳ ( cuối tháng hoặc cuối quý) ══════=>
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ◀.....▶

Hàng ngày khi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, căn cứ vào các chứng từ gốc, kê toán vào các sổ nhật ký chuyên dùng, đồng thời vào sổ quỹ và các sổ thẻ chi tiết, rồi từ nhật ký chuyên dùng vào nhật ký chung và từ nhật ký chung vào sổ cái. Cuối tháng kê toán tổng hợp số liệu từ các sổ thẻ chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết rồi đối chiếu với sổ cái, từ sổ cái để lập báo cáo kê toán với hình thức nhập ký chung. Nhờ đó đảm bảo cung cấp số liệu chính xác, đầy đủ, phục vụ cho yêu cầu quản lý.

### 2.2.3. Tổ chức vận dụng chứng từ kế toán.

Trong toàn bộ chứng từ kế toán do công ty lập hay từ bên ngoài về đều được tập hợp tại phòng kế toán. Các thành viên trong phòng tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, tính chính xác, tính hợp pháp của chứng từ, từ những chứng từ đã có đầy đủ thủ tục pháp lý cũng như tính hợp lệ sẽ được ghi sổ kế toán, còn lại sẽ được lưu giữ bổ sung sau.

Về hóa đơn bán hàng, Công ty sử dụng hóa đơn GTGT theo đúng quy định hiện hành của Tổng Cục thuế và Bộ tài chính.

Hiện nay, Công ty sử dụng hầu hết các chứng từ trong hệ thống chứng từ kế toán do Bộ tài chính ban hành, có thể chia thành các loại chứng từ sau:

Loại 1: Chứng từ về lao động tiền lương: Bảng chấm công, bảng TTTL.

Loại 2: Chứng từ về hàng tồn kho: Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho, biên bản kiểm nghiệm...

Loại 3: Chứng từ về bán hàng (Hóa đơn GTGT, Hóa đơn thu mua hàng...)

Loại 4: Chứng từ về tiền tệ: Phiếu thu, Phiếu chi, Giấy đề nghị tạm ứng, Giấy thanh toán tiền tạm ứng, Biên lai thu tiền, Biên lai kiểm kê quỹ.

### 2.2.4. Tổ chức vận dụng tài khoản kế toán.

Việc sử dụng tài khoản kế toán được Công ty tuân thủ theo quy định của hệ thống tài khoản kế toán Việt Nam được ban hành tại quyết định 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

### 2.2.5. Tổ chức hệ thống sổ kế toán.

♦ Công ty áp dụng hình thức sổ “Nhật ký chung”, rất thuận tiện, phù hợp với quy mô của Công ty, đảm bảo việc cung cấp thông tin nhanh, chính xác kịp thời.

Các loại sổ kế toán chủ yếu:

- + Sổ Nhật ký chung
- + Sổ Cái
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

♦ Hình thức ghi sổ: kế toán ghi sổ theo hình thức nhật ký chung.

♦ Công ty áp dụng chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC.

Hệ thống báo cáo tài chính theo quyết định này gồm:

- + Bảng cân đối kế toán ( mẫu số B-01/DNN)
- + Bảng báo cáo kết quả kinh doanh ( mẫu số B-02/DNN)
- + Bảng lưu chuyển tiền tệ ( mẫu số B-03/DNN)
- + Thuyết minh báo cáo tài chính ( mẫu số B-09/DNN).

## 2.3. Thực trạng tính hình thực hiện công tác kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty TNHH Thương Mại Đông Á.

### 2.3.1. Mức thuế suất được áp dụng.

#### ➤ Mức thuế suất 25%:

Đây là mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp do Nhà nước ban hành theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 3/6/2008.

### 2.3.2. Phương pháp tính thuế.

Công ty TNHH Thương Mại Đông Á áp dụng tính thuế theo phương pháp chung trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Nhà nước ban hành.

♦ Số thuế TNDN phải nộp được tính theo công thức:

Thuế TNDN phải nộp = Tổng LN kế toán trước thuế x t % TNDN

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế = Lợi nhuận thuần từ HĐKD + Lợi nhuận khác

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận thuần} &= \text{Lợi nhuận} + \text{Doanh thu} - \text{Chi phí} - \text{Chi phí} - \text{Chi phí} \\ \text{từ HĐKD} & \quad \text{gộp} \quad \text{HĐTC} \quad \text{HĐTC} \quad \text{bán hàng} \quad \text{QLDN} \\ \text{Lợi nhuận gộp} &= \text{Doanh thu} - \text{Các khoản giảm trừ} - \text{Giá vốn hàng bán} \\ & \quad \text{hàng bán} \quad \text{doanh thu} \end{aligned}$$

♦ Các chứng từ liên quan việc kê khai thuế TNDN:

- Hóa đơn GTGT bán hàng (ghi nhận doanh thu, thu nhập)
- Hóa đơn GTGT đầu vào phát sinh chi phí ( chi phí BH, chi phí QLDN...)
- + Sổ cái các TK 511, 515, 632, 641, 642, 711, 811, 8211, 3334
- + Báo cáo kết quả kinh doanh
- + Tờ khai thuế TNDN tạm tính hàng quý
- + Tờ khai quyết toán thuế TNDN.

### 2.3.3. Tài khoản sử dụng.

Để hạch toán thuế TNDN công ty sử dụng TK 3334 và TK 8211.

- TK 3334: Thuế thu nhập doanh nghiệp
- TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- TK 8211: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

### 2.3.4. Hạch toán ban đầu kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp.

#### 2.3.4.1. Kế toán tổng hợp doanh thu và chi phí.

Như chúng ta đã biết thuế TNDN được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN, trong đó thu nhập chịu thuế được xác định bằng doanh thu trừ chi phí hợp lệ cộng thu nhập khác.

Do vậy, để có thể hiểu được công tác kế toán thuế TNDN trước hết cần tìm hiểu kế toán doanh thu, chi phí, thu nhập khác có ảnh hưởng như thế nào đến thuế TNDN.

#### ➤ Kế toán tổng hợp doanh thu và doanh thu hoạt động tài chính.

- + Doanh thu bán hàng hóa dịch vụ.

Công ty TNHH Thương Mại Đông Á kinh doanh chủ yếu là ô tô trong và ngoài nước nên đây là doanh thu bán hàng mà công ty thu được.



Kế toán căn cứ vào hoá đơn GTGT, thông báo chấp nhận thanh toán, phiếu thu hoặc giấy báo có của Ngân hàng để hạch toán, lập sổ theo dõi.

+ Doanh thu hoạt động tài chính.

Qua khảo sát thực tế cho thấy công ty Đông Á hạch toán doanh thu hoạt động tài chính thường là phần lãi số dư tài khoản ngân hàng ở ngân hàng công ty mở tài khoản. Khi phát sinh các khoản doanh thu hoạt động tài chính, kế toán căn cứ vào sổ phụ và giấy báo Có của ngân hàng để hạch toán.

**❖Hạch toán các nghiệp vụ phát sinh liên quan doanh thu bán hàng và doanh thu hoạt động tài chính trong năm 2011.**

- Ngày 4/1/2011 xuất kho bán xe kia morning slx ( sx 2009 đã qua sử dụng) cho khách hàng Nguyễn Thu Hà theo hóa đơn thuế GTGT số AA/11P-0089401. Tổng giá thanh toán là: 350.000.000đ thuế GTGT 10%.

Nợ TK 131 : 350.000.000

Có TK 511 : 318.181.818

Có TK 3331 : 31.818.182.

- Ngày 15/1/2011 xuất kho bán xe kia morning slx ( sx năm 2010 hàng nhập khẩu) cho khách hàng Trần Lan Hương theo hóa đơn GTGT số AA/11P- 0089402. Tổng giá thanh toán là: 405.000.000đ thuế GTGT 10%.

Nợ TK 131 : 405.000.000

Có TK 511 : 368.181.818

Có TK 3331 : 36.818.182.

- Ngày 31/1/2011 tiền lãi gửi ngân hàng tháng 1/2011 là 111.804đ theo sổ phụ ngân hàng.

Nợ TK 112 : 111.804

Có TK 515 : 111.804

**Biểu 01: Hóa đơn GTGT đầu ra**

<b>CỤC THUẾ TP. HẢI PHÒNG</b>			Mẫu số: <b>01GTKT3/001</b>		
<b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			Ký hiệu: <b>AA/11P</b>		
Liên 3: Nội bộ			Số: <b>0089401</b>		
Ngày 04 tháng 01 năm 2011					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thương Mại Đông Á Mã số thuế: 0200639795 Địa chỉ: 51A Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng Điện thoại: 013.3501268 Số tài khoản:.....					
Họ tên người mua hàng : Nguyễn Thu Hà Đơn vị mua hàng: ..... Mã số thuế: ..... Địa chỉ: Đại Đình- Ngọc Kỳ - Tứ Kỳ - Hải Dương Hình thức thanh toán: .....					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>C</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3=1x2</b>
	Xe ô tô con loại 05 chỗ hiệu Kia morning slx	Chiếc	01	318.181.818	318.181.818
	Nơi sản xuất Hàn Quốc				
	Năm SX 2008				
	Màu đen đã qua sử dụng				
	SK :KLABA69EDBK055374				
	SM :F16DHZ19369KA				
Cộng tiền hàng : 318.181.818					
Thuế suất GTGT : 10% Tiền thuế GTGT : 31.818.182					
Tổng cộng tiền thanh toán: 350.000.000					
Số tiền viết bằng chữ: Ba trăm năm mươi triệu đồng chẵn./.					
Người mua hàng ( Ký, ghi rõ họ tên)			Người bán hàng ( Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)		

<b>CỤC THUẾ TP. HẢI PHÒNG</b>		Mẫu số: <b>01GTKT3/001</b>			
<b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		Ký hiệu: <b>AA/11P</b>			
Liên 3: Nội bộ		Số: <b>0089402</b>			
Ngày 15 tháng 01 năm 2011					
Đơn vị bán hàng: .....					
Mã số thuế:.....					
Địa chỉ:.....					
Điện thoại:.....Số tài khoản:.....					
Họ tên người mua hàng : .....					
Đơn vị mua hàng: ... Trần Lan Hương.....					
Mã số thuế: .....					
Địa chỉ: 856 Đà Nẵng – Ngô Quyền – Hải Phòng.....					
Hình thức thanh toán: .....					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Xe ô tô con loại 05 chỗ hiệu Kia morning slx	Chiếc	01	368.181.818	368.181.818
	Nơi sản xuất Hàn Quốc				
	Năm SX 2010				
	Màu đen mới 100%				
	SK :KNAPC811BBKD10265				
	SM :GHKDAH306494				
	TỜ KHAI NK 8820(8/06/2010)				
Cộng tiền hàng : 368.181.818					
Thuế suất GTGT : 10% Tiền thuế GTGT : 36.818.182					
Tổng cộng tiền thanh toán: 405.000.000					
Số tiền viết bằng chữ: Bốn trăm lẻ năm triệu đồng chẵn./.					
Người mua hàng ( Ký, ghi rõ họ tên)			Người bán hàng ( Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)		

**Biểu 02: Trích sổ phụ ngân hàng và giấy báo có tháng 1/2011.**

NGÂN HÀNG TMCP QUỐC TẾ VIỆT NAM HẢI PHÒNG

MST: 0300733752-002

**SỔ PHỤ**

Ngày 31/1/2011

Sổ chi tiết tài khoản

Số Tài Khoản : 701270406000465

Statement of Account For

A/C No.

CONG TY TNHH THUONG MAI DONG A

Loại TK/Loại tiền : VND

Type/Ccy

**Số dư đầu : 93.071.084**

**Opening Balance as of**

So CT	Ngày GD	Ngày H.Luc	Loại GD	Ma GD	PS Nợ	PS Có	Nội Dung
Seq.No	Tran Date	Effect Date	Tran	Num.Tran	Withdrawal	Deposit	Remarks
1732657	10/1/2011	10/1/2011	LD	5403	0.00	111.804	Lãi TG tháng 1
<b>Doanh số giao dịch :</b>					<b>0.00</b>	<b>111.804</b>	
<b>Transaction Summary</b>							
<b>Số dư cuối :</b>					<b>93.182.888</b>		

NGÂN HÀNG TMCP QUỐC TẾ VIỆT SỔ : FT1732657

NAM HẢI PHÒNG

Ngày 31/01/2011

MST: 0300733752-002

**GIẤY BÁO CÓ**

Kính gửi Công ty TNHH Thương mại Đông Á Loại tiền : VND

Địa chỉ: Số 51A – Lương Khánh Thiện – Lê Loại TK : TG THANH TOÁN

Chân – Hải Phòng

Số bút toán hạch toán : LD 0435700126

Tài khoản : 701270406000465

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có TK của quý khách số tiền chi tiết như sau:

Nội dung : Lãi tiền gửi tháng 1/2011

Số tiền: **111.804**

Số tiền( viết bằng chữ) : **Một trăm mười một nghìn tám trăm lẻ bốn đồng./.**

**Người lập phiếu**

**Kiểm Soát**

**Kế toán trưởng**

(Ký tên, đóng dấu)

(Ký tên, đóng dấu)

(Ký tên, đóng dấu)

**Biểu 03: Trích nhật ký chung doanh thu bán hàng và doanh thu hoạt động tài chính năm 2011.**

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM ĐÔNG Á

Mẫu số S03a -DNN

Địa chỉ: Số 51<sup>A</sup> Lương Khánh Thiện - HP

(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2011

Đơn vị tính : VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	CHỨNG TỪ		Diễn giải	Tài khoản		Số Tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
...	...	....	...	...	...	....	....
4/01/2011	HĐBH 0089401	4/01	Bán xe Kia Morning slx hàng trong nước cho khách hàng Nguyễn Thu Hà	131		350.000.000	
			Doanh thu bán hàng		511		318.181.818
			Thuế GTGT đầu ra		3331		31.818.182
....	....	....	...	...	...	...	....
15/01/2011	HĐBH 0089402	15/01	Bán xe Kia Morning slx hàng nhập khẩu cho Trần Lan Hương	131		405.000.000	

			Doanh thu bán xe		511		368.181.818
			Thuế GTGT đầu ra		3331		36.818.182
...	.....	.....	...	.....	.....	...	...
31/01/2011	BC03	31/01	Lãi tiền gửi ngân hàng tháng 1	112	515	111.804	111.804
...	...	...	...	..	...	...	...
03/04/2011	HĐBH 0089408	3/04	Bán xe Kia sportage tlx hàng NK cho khách hàng Vương Tuấn Anh	131		865.000.000	
			Doanh thu bán xe		511		786.363.636
			Thuế GTGT đầu ra		3331		78.636.364
...	...	...	...	...	...	...	...
13/04/2011	HĐBH 0089409	13/04	Bán xe Rio M/T sx năm 2010 cho Cty TNHH Dũng Thịnh Phát	131		420.000.000	
			Doanh thu bán xe		511		381.818.182
			Thuế GTGT đầu ra		3331		38.181.818
...	...	...	...	...	...	.....	...
29/04/2011	BC16	29/04	Lãi tiền gửi ngân hàng tháng 4	112	515	188.467	188.467
...	...	...	...	...	...	...	...

3/07/2011	HĐBH 0089415	3/07	Bán xe Daewoo lacetti se hàng nhập khẩu cho KH Dương Phúc Lợi	131		518.000.000	
			Doanh thu bán xe		511		470.909.091
			Thuế GTGT đầu ra		3331		47.090.909
...	...	...	...	...	...	...	...
12/07/2011	HĐBH 0089416	12/07	Bán xe Daewoo lacetti se hàng nhập khẩu cho KH Đào Minh Trường	131		518.000.000	
			Doanh thu bán xe		511		470.909.091
			Thuế GTGT đầu ra		3331		47.090.909
...	...	...	...	...	...	...	...
31/07/2011	BC31	31/07	Lãi tiền gửi ngân hàng tháng 7	112	515	320.000	320.000
...	...	...	...	...	...	...	...
04/10/2011	HĐBH 0089423	04/10	Bán xe Kia morning slx hàng nhập khẩu cho khách hàng Nguyễn Đình Minh	131		410.000.000	
			Doanh thu bán xe		511		372.727.273
			Thuế GTGT đầu ra		3331		37.272.727
...	...	...	...	...	...	...	...

11/10/2011	HĐBH 0089424	11/10	Bán xe Daewoo Lacetti cdx DT1.8L hàng NK cho Quách Tiến Sơn	131		680.000.000	
			Doanh thu bán xe		511		618.181.818
			Thuế GTGT đầu ra		3331		61.818.182
...	...	...	...	...	...	...	...
31/10/2011	BC43	31/10	Lãi tiền gửi ngân hàng tháng 10	112	515	315.687	315.687
...	...	...	...	...	...	...	...

**Tổng số phát sinh: 101.556.932.255**

**Người ghi sổ**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**

*(Ký, họ tên)*



**Biểu 04: Trích sổ cái TK511 năm 2011**

**Mẫu sổ cái tài khoản**

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM ĐÔNG Á

**Mẫu số S03b -DNN**

Địa chỉ: Số 51<sup>A</sup> Lương Khánh Thiện - HP

*(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**SỔ CÁI**

Năm 2011

TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Ngày tháng ghi sổ	CHỨNG TỪ		Diễn Giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>					
			<b>Số phát sinh trong tháng 1</b>					
4/01/2011	HĐBH 0089401	4/01	Doanh thu bán xe Kia morning slx hàng trong nước cho khách hàng Nguyễn Thu Hà			131		318.181.818
15/01/2011	HĐBH 0089402	15/01	Bán xe Kia morning slx hàng nhập khẩu cho khách hàng Trần Lan Hương			131		368.181.818
			<b>Cộng phát sinh tháng 1</b>					<b>686.363.636</b>
			<b>Cộng lũy kế quý I/ 2011</b>					<b>2.690.909.090</b>

3/04/2011	HĐBH 0089408	3/04	Doanh thu bán xe Kia sportage tlx hàng nhập khẩu cho khách hàng Vương Tuấn Anh			131		786.363.636
13/04/2011	HĐBH 0089409	13/04	Doanh thu bán xe Rio M/T hàng trong nước sx năm 2010 cho Cty TNHH Dũng Thịnh Phát			131		381.818.182
...	...	...	...			...	...	...
			<b>Cộng lũy kế quý II/ 2011</b>					<b>3.605.454.546</b>
3/07/2011	HĐBH 0089415	3/07	Bán xe Daewoo Lacetti se hàng nhập khẩu cho khách hàng Dương Phúc Lợi			131		470.909.091
12/07/2011	HĐBH 0089416	12/07	Bán xe Daewoo Lacetti se hàng nhập khẩu cho khách hàng Đào Minh Trường			131		470.909.091
...	...	...	...			..	...	...
			<b>Cộng lũy kế quý III/ 2011</b>					<b>3.521.818.183</b>
04/10/2011	HĐBH 0089423	04/10	Doanh thu bán xe Kia morning slx hàng NK cho khách hàng Nguyễn Đình Minh			131		372.727.273
...	...	...	...			...	...	...
11/10/2011	HĐBH 0089424	11/10	Bán xe Daewoo Lacetti cdx DT1.8L hàng nhập khẩu cho Quách Tiến Sơn			131		618.181.818
...	...	...	...			...	...	...

			<b>Cộng lũy kế quý IV/ 2011</b>					<b>3.370.909.091</b>
31/12/2011	PKT-KC1	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng			911	13.189.090.910	
			<b>Phát sinh lũy kế cả năm 2011</b>				<b>13.189.090.910</b>	<b>13.189.090.910</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>					

**Người ghi số**

( Ký, họ tên)

**Kê toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

( Ký, họ tên, đóng dấu

**Biểu 05: Trích sổ cái TK515 năm 2011**

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM ĐÔNG Á

**Mẫu số S03b -DNN**

Địa chỉ: Số 51<sup>A</sup> Lương Khánh Thiện - HP

*(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**SỔ CÁI**

Năm 2011

TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Ngày tháng ghi sổ	CHỨNG TỪ		Diễn Giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>					
			<b>Số phát sinh trong tháng</b>					
31/01/2011	BC03	31/01	Lãi tiền gửi ngân hàng tháng 1			112		111..804
...	...	...	...			...		...
31/03/2011	BC12	31/03	Lãi tiền gửi ngân hàng tháng 3			112		178.945
			<b>Cộng phát sinh quý I/2011</b>					<b>443.075</b>

29/04/2011	BC16	29/04	Lãi tiền gửi ngân hàng tháng 4			112		188.467
31/05/2011	BC21	31/05	Lãi tiền gửi ngân hàng tháng 5			112		195.816
...	...	...	...			...	...	...
			<b>Cộng phát sinh quý II/2011</b>					<b>598.283</b>
31/07/2011	BC31	31/07	Lãi tiền gửi ngân hàng tháng 7					320.000
...	...	...	...			...	...	...
			<b>Cộng phát sinh quý III/2011</b>					<b>887.374</b>
31/10/2011	BC43	31/10	Lãi tiền gửi ngân hàng tháng 10			112		315.687
...	...	...	...			...	...	...
			<b>Cộng phát sinh quý IV/2011</b>					<b>1.105.422</b>
31/12/2011	PKT-KC2	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động TC			911	3.034.154	
			<b>Phát sinh lũy kế cả năm 2011</b>				<b>3.034.154</b>	<b>3.034.154</b>

**Người ghi sổ**  
( Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
( Ký, họ tên, đóng dấu)

➤ **Kế toán chi phí hợp lý, hợp lệ được trừ để tính thu nhập chịu thuế.**

Qua khảo sát thực tế chi phí hợp lý, hợp lệ của công ty Đông Á được xác định để loại trừ ra khỏi tính thuế TNDN bao gồm:

- Giá vốn hàng bán
- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí tài chính.

❖ **Hạch toán các nghiệp vụ phát sinh liên quan các khoản chi phí của công ty trong năm 2011.**

- Ngày 4/1/2011 xuất kho bán xe kia morning slx ( sx 2008 đã qua sử dụng) cho khách hàng Nguyễn Thu Hà theo hóa đơn thuế GTGT số AA/11P-0089401. Tổng giá thanh toán là: 350.000.000đ thuế GTGT 10%.

Nợ TK 632 : 284.801.376

Nợ TK 156 : 284.801.376

- Ngày 10/1/2011 trả lãi tiền vay bằng tiền mặt theo phiếu chi số 01, số tiền: 15.000.000đ.

Nợ TK 635 : 15.000.000

Có TK 112 : 15.000.000

- Ngày 15/1/2011 xuất kho bán xe kia morning slx ( sx năm 2010 hàng nhập khẩu) cho khách hàng Trần Lan Hương theo hóa đơn GTGT số AA/11P-0089402. Tổng giá thanh toán là: 405.000.000đ thuế GTGT 10%.

Nợ TK 632 : 343.227.273

Có TK 156 : 343.227.273

- Ngày 20/1/2011 trả tiền điện, nước tháng 1 năm 2011 bằng tiền mặt theo hóa đơn GTGT, tổng tiền thanh toán: 3.300.000đ thuế GTGT 10%.

Nợ TK 642 : 3.000.000

Nợ TK 133 : 300.000

Có TK 111 : 3.300.000.

- Ngày 23/1/2011 chi tiền in catalogue quảng cáo bằng tiền mặt, tổng số tiền thanh toán 11.000.000đ thuế GTGT 10%. Căn cứ hóa đơn GTGT số TT/11P-0168178

Nợ TK 642 : 10.000.000

Nợ TK 133 : 1.000.000

Có TK 111 : 11.000.000.

- Ngày 31/1/2011 trích KHTSCĐ tháng 1/2011, số tiền: 5.750.000đ.

Nợ TK 642 : 5.750.000

Có TK 214 : 5.750.000.

- Ngày 31/1/2011 lương CNV tháng 1/2011, số tiền: 30.000.000đ.

Nợ TK 642 : 30.000.000

Có TK 334 : 30.000.000

Nợ TK 334 : 30.000.000

Có TK 111 : 30.000.000

- Ngày 31/1/2011 trả phí tiền gửi ngân hàng tháng 1/2011 số tiền: 30.000đ căn cứ sổ phụ ngân hàng ngân hàng số: 1732653, giấy báo nợ.

Nợ TK 635 : 30.000

Có TK 112 : 30.000

**Biểu 06: Phiếu xuất kho.**

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM ĐÔNG Á

Mẫu số 02 – VT

Địa chỉ: 51<sup>A</sup> Lương Khánh Thiện - HP

( Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Nợ 632

Ngày 04 tháng 1 năm 2011

Có 156

Số : 01

- Họ và tên người nhận hàng: Hoàng Tuấn Anh
- Địa chỉ: Phòng kế toán
- Lý do xuất kho: xuất bán ô tô cho bà Nguyễn Thu Hà
- Xuất tại kho : 51<sup>A</sup> Lương Khánh Thiện - HP

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Xe Kia morning đã qua sử dụng sx 2008		Chiếc	01	01	284.801.376	284.801.376
	Cộng			01	01		284.801.376

- Tổng số tiền( Viết bằng chữ) : Hai trăm tám tư triệu tám trăm lẻ một nghìn ba trăm bảy sáu đồng ./.
- Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 04 tháng 01 năm 2011

**Người lập phiếu**      **Người nhận hàng**      **Thủ kho**      **Kế toán trưởng**      **Giám đốc**  
 (Ký, họ tên)                      (Ký, họ tên)                      (Ký, họ tên)                      (Ký, họ tên)                      (Ký, họ tên)



**Biểu 07: Phiếu chi – trả lãi vay tháng 1/2011**

Đơn vị: Công ty TNHH TM ĐÔNG Á	Quyển số: 01	Mẫu số 02-
Địa chỉ: Số 51 <sup>A</sup> Lương Khánh Thiện- HP	Số: 01	TTQĐ
<b>Phiếu chi</b>		số:48/2006/QĐ-
<i>Ngày 10 tháng 01 năm 2011</i>		BTC
<b>Nợ TK 635</b>		Ngày 14 tháng 9
<b>CóTK111</b>		năm 2006 của Bộ
		trởng Bộ Tài
		chính
Họ tên người nhận:	<i>Trần Văn Thắng</i>	
Địa chỉ:	<i>Phòng kế toán</i>	
Lý do chi:	<i>Trả tiền lãi vay tháng 1/2011</i>	
Số tiền: <b>15.000.000</b>	<i>(viết bằng chữ): Mười năm triệu đồng chẵn</i>	
Kèm theo: <b>01</b> Chứng từ gốc	Đã nhận đủ tiền:	
<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán</b>	<b>Người lập</b>
<b>trưởng</b>	<b>phiếu</b>	<b>Thủ quỹ</b>
<b>Người nhận tiền</b>		
( Ký, họ tên, đóng dấu )	( Ký, họ tên )	( Ký, họ tên )
	( Ký, họ tên )	( Ký, họ tên )

**Biểu 08: Trích sổ phụ ngân hàng và giấy báo nợ tháng 1/2011.**

NGÂN HÀNG TMCP QUỐC TẾ VIỆT NAM HẢI PHÒNG

MST: 0300733752-002

**SỔ PHỤ**

Ngày 13/01/2011

Sổ chi tiết tài khoản Số Tài Khoản : 701270406000465

Statement of Account For A/C No.

CONG TY TNHH THUONG MAI DONG A Loại TK/L loại tiền : VND

**Số dư đầu : 1.262.020.084**

**Opening Balance as of**

So CT	Ngày GD	Ngày H.Luc	Loại GD	Ma GD	PS Nợ	PS Có	Nội Dung
Seq.No	Tran Date	Effect Date	Tran	Num.Tran	Withdrawal	Deposit	Remarks
1732653	10/1/2011	10/1/2011	LĐ - IN	5403	165.000	0.00	Phí dịch vụ kiểm đếm

**Doanh số giao dịch : 165.000 0.00**

**Transaction Summary**

**Số dư cuối : 1.261.855.084**

NGÂN HÀNG TMCP QUỐC TẾ SỐ : FT1732653

VIỆT NAM HẢI PHÒNG Ngày 13/1/2011

MST: 0300733752-002

**GIẤY BÁO NỢ**

Kính gửi Công ty TNHH Thương mại Loại tiền : VND

Đông Á Loại TK : TG THANH TOÁN

Địa chỉ: Số 51A – Lương Khánh Thiện – Số bút toán HT : LĐ – IN 0435700122

Lê Chân – Hải Phòng

Tài khoản : 701270406000465

Chúng tôi xin thông báo đã ghi nợ TK của quý khách số tiền chi tiết như sau:

Nội dung : Thu phí dịch vụ kiểm đếm tháng 1/2011 Số tiền: **165.000**

Số tiền( viết bằng chữ) : **Một trăm sáu lăm nghìn đồng chẵn./.**

**Người lập phiếu**

**Kiểm Soát**

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

**Mẫu phiếu xuất kho:**

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM ĐÔNG Á  
 Địa chỉ: 51<sup>A</sup> Lương Khánh Thiện - HP

Mẫu số 02 – VT  
 ( Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC  
 ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Nợ 632

Ngày 15 tháng 1 năm 2011

Có 156

Số : 02

- Họ và tên người nhận hàng: Hoàng Tuấn Anh
- Địa chỉ: Phòng kế toán
- Lý do xuất kho: xuất bán ô tô cho bà Trần Lan Hương
- Xuất tại kho : 51<sup>A</sup> Lương Khánh Thiện - HP

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Xe Kia morning slx mới sx 2010		Chiếc	01	01	343.227.273	343.227.273
	Cộng			01	01		343.227.273

- Tổng số tiền( Viết bằng chữ) : Ba trăm bốn ba triệu hai trăm hai bảy nghìn hai trăm bảy ba đồng ./.

- Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 15 tháng 01 năm 2011

**Người lập  
phiếu**

**Người nhận  
hàng**

**Thủ kho**

**Kế toán  
trưởng**

**Giám  
đốc**

**Biểu 09: Phiếu chi – Thanh toán tiền điện, nước, điện thoại tháng 1/2011.**

Đơn vị: Công ty TNHH TM ĐÔNG Á	Quyển số: 01	Mẫu số 02-TTQĐ
Địa chỉ: Số 51 <sup>A</sup> Lương Khánh Thiện- HP	Số: 02	số:48/2006/QĐ-
<b>Phiếu chi</b>	<b>Nợ TK 642</b>	BTC Ngày 14 tháng
<i>Ngày 20 tháng 01 năm 2011</i>	<b>Nợ TK 133</b>	9 năm 2006 của Bộ
	<b>Có TK 111</b>	trởng Bộ Tài chính
Họ tên người nhận: <i>Nguyễn Văn Đông</i>		
Địa chỉ: <i>Phòng kế toán</i>		
Lý do chi: <i>Nộp tiền điện, nước, điện thoại, internet T1/2011</i>		
Số tiền: <b>3.300.000</b>		
<i>(viết bằng chữ): Ba triệu ba trăm nghìn đồng chẵn</i>		
Kèm theo: 01 Chứng từ gốc		
Đã nhận đủ tiền:		
<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Người lập phiếu</b>
( Ký, họ tên, đóng dấu )	( Ký, họ tên )	( Ký, họ tên )
		<b>Thủ quỹ</b>
		( Ký, họ tên )
		<b>Người nhận tiền</b>
		( Ký, họ tên )

**Biểu 10: Phiếu chi – Thanh toán tiền làm catalogue quảng cáo tháng 1/2011.**

Đơn vị: Công ty TNHH TM ĐÔNG Á	Quyển số :01	
Địa chỉ: Số 51 <sup>A</sup> Lương Khánh Thiện- HP	Mẫu số 02-TTQĐ	
	Số: 03 số:48/2006/QĐ-BTC	
<b>Phiếu chi</b>	<b>Nợ TK 642</b>	
<i>Ngày 23 tháng 01 năm 2011</i>	<b>Nợ TK 133</b>	
	<b>Có TK 111</b>	
	Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
Họ tên người nhận: <b>Trần Văn Thắng</b>		
Địa chỉ: <b>Phòng kế toán</b>		
Lý do chi: <b>Chi tiền in catalogue quảng cáo</b>		
Số tiền: <b>11.000.000</b> (viết bằng chữ): <b>Mười một triệu đồng chẵn.</b>		
Đã nhận đủ tiền:		
Kèm theo: <b>01</b> Chứng từ gốc		
<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán</b>	<b>Người nhận</b>
<b>trưởng</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>tiền</b>
( Ký, họ tên, đóng dấu )	( Ký, họ tên )	( Ký, họ tên )
	<b>Thủ quỹ</b>	
	( Ký, họ tên )	

**Biểu 11: Bảng thanh toán tiền lương toàn công ty tháng 1/2011.**

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM ĐÔNG Á

Mẫu số S02 -LĐTL

Địa chỉ: 51<sup>A</sup> Lương Khánh Thiện - HP

(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG**

**Tháng 1 năm 2011**

Đơn vị tính: VND

STT	Họ tên	Chức vụ	Lương TG	Trợ cấp	Tổng lương	BHXH	Cộng	Thực lĩnh
						...		
1	Hoàng Quốc Hoàn	GĐ	3.000.000	1.000.000	4.000.000	-	-	4.000.000
2	Ngô N.B Xuân	PGĐ	2.700.000	800.000	3.500.000	-	-	3.500.000
3	Ngô Thị Tâm	KTT	2.400.000	600.000	3.000.000	-	-	3.000.000
4	Phạm Thị Mai	TQ	1.800.000	500.000	2.300.000	-	-	2.300.000
5	Nguyễn Văn Đông	KT	1.800.000	500.000	2.300.000	-	-	2.300.000
6	Phạm Thị Hồng	KT	1.800.000	500.000	2.300.000	-	-	2.300.000
7	Nguyễn Văn Đồng	NVKD	1.700.000	500.000	2.200.000	-	-	2.200.000
8	Trần Văn Thắng	NVKD	1.700.000	500.000	2.200.000	-	-	2.200.000
9	Vũ Thu Hương	NVBH	1.700.000	500.000	2.200.000	-	-	2.200.000
10	Phan Tuấn Anh	NVBH	1.700.000	500.000	2.200.000	-	-	2.200.000
11	Đào Xuân Tam	BV	1.500.000	400.000	1.900.000	-	-	1.900.000
12	Nguyễn Văn Tuấn	BV	1.500.000	400.000	1.900.000	-	-	1.900.000
	<b>Cộng</b>		<b>23.300.000</b>	<b>6.700.000</b>	<b>30.000.000</b>	-	-	<b>30.000.000</b>

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Ba mươi triệu đồng chẵn.

**Ngày 31 tháng 01 năm 2011**

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

*(Ký, họ tên)*

*(Ký, họ tên)*

*(Ký, họ tên)*

**Biểu 12: Bảng tính và phân bổ khấu hao tháng 1/2011.****BẢNG TÍNH KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH***Tháng 1 năm 2011*

<b>S T T</b>	<b>Loại TSCĐ</b>	<b>Nguyên giá TSCĐ</b>	<b>Thời gian sử dụng (dự kiến năm)</b>	<b>Mức trích khấu hao</b>	<b>HMLK</b>	<b>GTCL</b>	<b>Thuộc bộ phận trích</b>
1	Nhà VP công ty	675.000.000	15	3.750.000	135.000.000	540.000.000	642
2	Nhà kho	360.000.000	15	2.000.000	72.000.000	288.000.000	642
	<b>Cộng</b>	<b>1.035.000.000</b>		<b>5.750.000</b>	<b>207.000.000</b>	<b>828.000.000</b>	

**Ngày 31 tháng 01 năm 2011****Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 13: Trích nhật ký chung của TK632, 635, 642 năm 2011.**

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 51<sup>A</sup> Lương Khánh Thiện - HP

**Mẫu số S03a -DNN**

*(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC*

*ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2011

Đơn vị tính : VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	CHỨNG TỪ		Diễn giải	Tài khoản		Số Tiền	
	Số hiệu	Ngày		Nợ	Có	Nợ	Có
...	...	....	...	...	...	...	...
4/01/2011	PX01	4/1	Xuất kho bán xe Kia morning slx ( sx 2008 đã qua sử dụng) cho khách hàng Nguyễn Thu Hà	632	156	284.801.376	284.801.376
...	...	...	...	...	...	...	...
10/01/2011	Q1/PC01	10/1	Trả lãi tiền vay dài hạn tháng 1	635	112	15.000.000	15.000.000
...	...	...	...	...	...	...	...
13/01/2011	BN01	13/1	Phí dịch vụ kiểm đếm tháng 1	635	112	165.000	165.000
...	...	...	...	...	...	...	...



15/01/2011	PX02	15/1	Xuất kho bán xe kia morning slx ( sx năm 2010 hàng nhập khẩu)	632	156	343.227.273	343.227.273
...	...	....	...	...	...	....	....
20/1/2011	Q1/PC02	20/1	Trả tiền điện, nước,internet,điện thoại cố định T1/2011	642	111	3.000.000	3.000.000
			VAT đầu vào	133	111	300.000	300.000
...	...	...	...	...	...	...	...
23/1/2011	Q1/PC03	23/1	Chi tiền in cataloge quảng cáo, làm logo và banner...	642		10.000.000	
			VAT đầu vào	133		1.000.000	
					111		11.000.000
....	...	....	...	...	...	...	....
31/01/2011	KHCB01	31/01	Trích khấu hao TSCĐ T1/2011	642	214	5.750.000	5.750.000
	BL01		Lương nhân viên T1/2011	642	334	30.000.000	30.000.000
	Q1/PC04		Trả lương nhân viên tháng 1/2011	334	111	30.000.000	30.000.000
	BN04		Phí tiền gửi tháng 1	635	112	30.000	30.000
...	...	...	...	...	...	...	...

3/04/2011	PX08	3/04	Xuất kho bán xe Kia sportage tlx hàng NK cho khách hàng Vương Tuấn Anh	632	156	753.175.235	753.175.235
...	...	...	...	...	...	...	...
9/04/2011	BN18	9/04	Trả phí dịch vụ kiểm đếm tháng 4	635	112	165.000	165.000
10/04/2011	Q1/PC13	10/04	Trả tiền lãi vay dài hạn tháng 4	635	112	15.000.000	15.000.000
...	...	...	...	...	...	...	...
13/04/2011	PX09	13/04	Xuất kho bán xe Rio M/T sản xuất năm 2010 hàng trong nước cho Công ty TNHH Dũng Thịnh Phát	632		361.636.363	
					156		361.636.363
...	...	...	...	...	...	...	...
20/04/2011	Q1/PC15	20/04	Trả tiền điện, nước, điện thoại... tháng 4/2011	642	111	3.500.000	3.500.000
			Thuế GTGT đầu vào	133	111	350.000	350.000
...	...	...	...	...	...	...	...
29/04/2011	KHCB04	29/04	Trích khấu hao TSCĐ tháng 4/2011	642	214	5.750.000	5.750.000
	BL04		Lương công nhân viên tháng 4	642	334	30.000.000	30.000.000
	BN19		Trả phí tiền gửi tháng 4	635	112	30.000	30.000
	Q1/PC18		Chi tiền nghỉ 30/4, 1/5 cho nhân viên	642	111	15.000.000	15.000.000

...	...	...	...	...	...	...	...
16/05/2011	HD56163	16/05	Trả tiền phí D/O, vệ sinh, phí TN	642	111	2.541.500	2.541.500
	/PC20		Thuế GTGT đầu vào	133	111	254.150	254.150
	HD32128		Phí lưu bãi, phí bốc xếp...	642		2.285.000	
	/PC21		Thuế GTGT đầu vào	133		228.500	
					111		2.513.500
...	...	...	...	...	...	...	...
3/07/2011	PX15	03/07	Xuất kho bán xe Daewoo Lacetti se sản xuất 2010 hàng nhập khẩu cho khách hàng Dương Phúc Lợi	632		440.910.707	
					156		440.910.707
...	...	...	...	...	...	...	...
10/07/2011	Q1/PC29	10/07	Trả tiền lãi vay dài hạn tháng 7	635	112	15.000.000	15.000.000
12/07/2011	PX16	12/07	Xuất kho bán xe Daewoo Lacetti se hàng NK cho Đào Minh Trường	632	156	440.910.707	440.910.707
...	...	...	...	...	...	...	...
16/07/2011	BN26	16/07	Trả tiền phí chuyển khoản	635	112	1.056.346	1.056.346

18/07/2011	BN27	18/07	Trả phí dịch vụ kiểm đếm tháng 7	635	112	165.000	165.000
...	...	...	....	...	...	...	...
20/07/2011	Q1/PC30	20/07	Trả tiền điện, nước, điện thoại... tháng 7/2011	642	111	3.500.000	3.500.000
			Thuế GTGT đầu ra	133	111	350.000	350.000
...	...	...	...	...	...	...	...
31/07/2011	KHCB07	31/07	Trích khấu hao TSCĐ tháng 7	642	214	5.750.000	5.750.000
	BL07		Lương CNV tháng 7	642	334	30.000.000	30.000.000
	BN31		Trả phí tiền gửi tháng 7	635	112	30.000	30.000
...	...	...	...	...	...	...	...
4/10/2011	PX23	4/10	Xuất kho bán xe Kia morning slx sản xuất năm 2010 hàng nhập khẩu cho Nguyễn Đình Minh	632		346.537.402	
					156		346.537.402
...	...	...	...	....	...	...	...
10/10/2011	Q1/PC38	10/10	Trả lãi tiền vay dài hạn tháng 10	635	112	15.000.000	15.000.000
11/10/2011	PX24	11/10	Xuất kho bán xe Daewoo Lacetti cdx 1.8L hàng nhập khẩu năm 2010 cho khách hàng Quách Tiến Sơn	632		577.638.320	
					156		577.638.320

...	...	...	...	...	...	...	...
16/10/2011	BN47	16/10	Trả phí dịch vụ kiểm đếm tháng 10	635	112	165.000	165.000
...	...	...	...	...	...	...	...
20/10/2011	Q1/PC40	20/10	Trả tiền điện, nước, điện thoại... tháng 10	642	111	3.200.000	3.200.000
			Thuế GTGT đầu ra	133	111	320.000	320.000
...	...	...	...	...	...	...	...
30/10/2011	KHCB10	30/10	Trích khấu hao TSCĐ tháng 10	642	214	5.750.000	5.750.000
	BL10		Lương công nhân viên tháng 10	642	334	30.000.000	30.000.000
	BN48		Phí tiền gửi ngân hàng	635	112	30.000	30.000
...	...	...	...	...	...	...	...
12/11/2011	HĐ57982	12/11	Chi tiền dịch tài liệu kỹ thuật	642	111	800.000	800.000
	Q1/PC43		Thuế GTGT đầu vào	133	111	80.000	80.000
...	...	...	...	...	...	...	...
31/12/2011	Q2/PC03	31/12	Chi thưởng tết dương lịch	642	111	20.000.000	20.000.000
...	...	...	...	...	...	...	...

**Tổng số phát sinh: 101.556.932.255**  
**Giám đốc**

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Biểu 14: Trích sổ cái TK 632 năm 2011.**

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM ĐÔNG Á

**Mẫu số S03b -DNN**

Địa chỉ: Số 51<sup>A</sup> Lương Khánh Thiện - HP (Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm 2011

TK 632 – Giá vốn hàng bán

Ngày tháng ghi sổ	CHỨNG TỪ		Diễn Giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>					
			<b>Số phát sinh trong tháng 1</b>					
4/01/2011	PX01	4/01	Xuất kho bán xe Kia morning slx hàng trong nước cho khách hàng Nguyễn Thu Hà			156	284.801.376	
15/01/2011	PX02	15/01	Xuất kho bán xe Kia morning slx hàng NK cho khách hàng Trần Lan Hương			156	343.227.273	
			<b>Cộng phát sinh tháng 1</b>				<b>628.028.649</b>	
			<b>Cộng lũy kế quý I/ 2011</b>				<b>2.489.602.753</b>	
3/04/2011	PX08	3/04	Xuất kho bán xe Kia sportage tlx hàng NK cho khách hàng Vương Tuấn Anh			156	753.175.235	
13/04/2011	PX09	13/04	Xuất kho bán xe Rio M/T hàng TN năm 2010 cho Công ty TNHH Dũng Thịnh Phát			156	361.636.363	
...	...	...	...			...	....	...

			<b>Cộng lũy kế quý II/2011</b>				<b>3.407.534.252</b>	
3/07/2011	PX15	3/07	Xuất kho bán xe Daewoo Lacetti se hàng nhập khẩu cho khách hàng Dương Phúc Lợi			156	440.910.707	
12/07/2011	PX16	12/07	Xuất kho bán xe Daewoo Lacetti se hàng nhập khẩu cho Đào Minh Trường			156	440.910.707	
...	...	...	...			...	...	...
			<b>Cộng lũy kế phát sinh quý III/2011</b>				<b>3.286.520.049</b>	
4/10/2011	PX23	4/10	Xuất kho bán xe Kia morning slx sx 2010 hàng nhập khẩu cho Nguyễn Đình Minh			156	346.537.402	
11/10/2011	PX24	11/10	Xuất kho bán xe Daewoo Lacetti cdx 1.8L hàng NK cho khách hàng Quách Tiến Sơn			156	577.638.320	
...	...	...	...			...	...	...
			<b>Cộng lũy kế phát sinh quý IV/2011</b>				<b>3.142.362.097</b>	
31/12/2011	PKT-KC3	31/12	Kết chuyển giá vốn cuối kỳ			911		12.326.019.151
			<b>Lũy kế phát sinh cả năm</b>				<b>12.326.019.151</b>	<b>12.326.019.151</b>

**Người ghi số**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 15: Trích sổ cái TK 635 năm 2011.**

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM ĐÔNG Á

Mẫu số S03b -DNN

Địa chỉ: Số 51<sup>A</sup> Lương Khánh Thiện - HP

(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm 2011

TK 635 – Chi phí tài chính

Ngày, tháng ghi sổ	CHỨNG TỪ		Diễn Giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>					
			<b>Số phát sinh trong tháng 1</b>					
10/01/2011	Q1/PC01	10/01	Trả lãi tiền vay dài hạn tháng 1			112	15.000.000	
13/01/2011	BN01	13/01	Phí dịch vụ kiểm đếm tháng 1			112	165.000	
31/01/2011	BN04	31/01	Phí tiền gửi tháng 1			112	30.000	
			<b>Cộng phát sinh tháng 1</b>				<b>15.195.000</b>	
			<b>Cộng lũy kế quý I/ 2011</b>				<b>45.585.000</b>	
9/04/2011	BN18	9/04	Trả phí dịch vụ kiểm đếm tháng 4			112	165.000	
10/04/2011	Q1/PC13	10/04	Trả tiền lãi vay dài hạn tháng 4			112	15.000.000	



29/04/2011	BN19	29/04	Trả phí tiền gửi tháng 4		112	30.000	
...	...	...	....		...	...	...
			<b>Cộng lũy kế quý II/2011</b>			<b>46.641.346</b>	
10/07/2011	Q1/PC29	10/07	Trả tiền lãi vay dài hạn tháng 7		112	15.000.000	
16/07/2011	BN26	16/07	Trả tiền phí chuyển khoản		112	1.056.346	
18/07/2011	BN27	18/07	Trả phí dịch vụ kiểm đếm tháng 7		112	165.000	
31/07/2011	BN31	31/07	Trả phí tiền gửi tháng 7		112	30.000	
...	...	...	...		...	...	...
			<b>Cộng lũy kế quý III/2011</b>			<b>45.618.000</b>	
10/10/2011	Q1/PC38	10/10	Trả lãi tiền vay dài hạn tháng 10		112	15.000.000	
16/10/2011	BN47	16/10	Phí dịch vụ kiểm đếm tháng 10		112	165.000	
30/10/2011	BN48	30/10	Phí tiền gửi tháng 10		112	30.000	
...	...	...	...		...	...	...
			<b>Cộng lũy kế quý IV/2011</b>			<b>45.585.000</b>	
31/12/2011	PKT-KC4	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính		911		183.429.346
			<b>Lũy kế phát sinh cả năm</b>			<b>183.429.346</b>	<b>183.429.346</b>

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 16: Trích sổ cái TK 642 năm 2011.**

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM ĐÔNG Á

Mẫu số S03b -DNN

Địa chỉ: Số 51<sup>A</sup> Lương Khánh Thiện - HP

(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm 2011

TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Ngày tháng ghi sổ	CHỨNG TỪ		Diễn Giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>					
			<b>Số phát sinh trong tháng 1</b>					
20/1/2011	Q1/PC02	20/01	Trả tiền điện, nước,internet,điện thoại....tháng1			111	3.000.000	
23/1/2011	Q1/PC03	23/01	Chi tiền in cataloge quảng cáo, làm logo và banner...			111	10.000.000	
31/1/2011	KHCB01	31/01	Trích khấu hao TSCĐ T1/2011			214	5.750.000	
	BL01		Lương nhân viên T1/2011			334	30.000.000	

			<b>Cộng phát sinh tháng 1</b>				<b>48.750.000</b>	
			<b>Cộng lũy kế quý I/ 2011</b>				<b>130.020.000</b>	
20/4/2011	Q1/PC15	20/04	Trả tiền điện, nước, điện thoại... tháng 4/2011			111	3.500.000	
29/4/2011	KHCB04	29/04	Trích khấu hao TSCĐ tháng 4/2011			214	5.750.000	
	BL04		Lương công nhân viên tháng 4			334	30.000.000	
	Q1/PC18		Chi tiền nghỉ 30/4, 1/5 cho nhân viên			111	15.000.000	
...	...	...	...			...	...	...
16/5/2011	HD56163 /PC20	16/05	Trả tiền phí D/O, vệ sinh, phí tắc nghẽn			111	2.541.500	
	HD32128 /PC21		Phí lưu bãi, phí bốc xếp...			111	2.285.000	
...	...	...	...			...	...	...
			<b>Cộng lũy kế quý II/ 2011</b>				<b>136.906.772</b>	
20/07/2011	Q1/PC30	20/07	Trả tiền điện, nước, điện thoại... tháng 7/2011			111	3.500.000	
31/07/2011	KHCB07	31/07	Trích khấu hao TSCĐ tháng 7			214	5.750.000	
	BL07		Lương CNV tháng 7			334	30.000.000	
...	...	...	...			...	...	...

			<b>Cộng lũy kế quý III/ 2011</b>				<b>118.250.000</b>	
20/10/2011	Q1/PC40	20/10	Trả tiền điện, nước, điện thoại... tháng 10			111	3.200.000	
30/10/2011	KHCB10	30/10	Trích khấu hao TSCĐ tháng 10			214	5.750.000	
	BL10		Lương công nhân viên tháng 10			334	30.000.000	
...	...	...	...			...	...	...
12/11/2011	HĐ57982 Q1/PC43	12/11	Chi tiền dịch tài liệu kỹ thuật			111	800.000	
...	...	...	....			...	...	...
31/12/2011	Q2/PC03	31/12	Chi thưởng tết dương lịch			111	20.000.000	
			<b>Cộng lũy kế quý IV/ 2011</b>				<b>146.194.500</b>	
31/12/2011	PKT-KC5	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp cuối kỳ			911		531.371.272
			<b>Lũy kế phát sinh cả năm</b>				<b>531.371.272</b>	<b>531.371.272</b>

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

#### 2.3.4.2. Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty TNHH Thương Mại Đông Á phản ánh thuế thu nhập doanh nghiệp trên TK 3334- Thuế thu nhập doanh nghiệp, TK 8211- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Hết mỗi quý trong năm công ty sẽ tiến hành kết chuyển doanh thu và chi phí để tạm tính số thuế TNDN tạm nộp mỗi quý.

#### ❖ **Hạch toán số thuế TNDN tạm nộp quý I năm 2011.**

Căn cứ theo số liệu tổng hợp doanh thu và chi phí của quý I đã trình bày ở trên ta thực hiện tính số thuế TNDN tạm nộp trong quý I năm 2011, ta có tờ khai thuế TNDN tạm tính quý I năm 2011 dưới đây.

**Biểu 17: Tờ khai thuế TNDN tạm tính quý I/2011.**

**TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠM TÍNH**

**(Mẫu số 01A/TNDN)**

*(Dành cho người nộp thuế khai theo thu nhập thực tế phát sinh)*

[01] Kỳ tính thuế: Quý 1 năm 2011

[02] Lần đầu:  [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: **Cong ty TNHH Thương mai Dong A**

[05] Mã số thuế: **0200639795**

*Đơn vị tiền: đồng Việt Nam*

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	
1	Doanh thu phát sinh trong kỳ	[21]	2,691,352,165
2	Chi phí phát sinh trong kỳ	[22]	2,665,207,753
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận phát sinh trong kỳ ([23]=[21]-[22])</b>	<b>[23]</b>	<b>26,144,412</b>
4	Điều chỉnh tăng lợi nhuận theo pháp luật thuế	[24]	0
5	Điều chỉnh giảm lợi nhuận theo pháp luật thuế	[25]	0
<b>6</b>	<b>Thu nhập chịu thuế ([26]=[23]+[24]-[25])</b>	<b>[26]</b>	<b>26,144,412</b>
7	Thu nhập miễn thuế	[27]	0
8	Số lỗ chuyển kỳ này	[28]	0
<b>9</b>	<b>Thu nhập tính thuế ([29]=[26]-[27]-[28])</b>	<b>[29]</b>	<b>26,144,412</b>
10	Thuế suất thuế TNDN (%)	[30]	25.000
11	Thuế TNDN dự kiến miễn, giảm	[31]	0
<b>12</b>	<b>Thuế TNDN phải nộp trong kỳ ([32]=[29]x[30]-[31])</b>	<b>[32]</b>	<b>6,536,103</b>
0	<b>Gia hạn nộp theo QĐ 21/2011/QĐ-TTg; QĐ 54/2011/QĐ-TTg</b>		

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ:**

**Biểu 18: Phiếu chi – Nộp thuế TNDN tạm tính quý I/2011.**

Đơn vị: Công ty TNHH TM ĐÔNG Á	Quyển số: 01	Mẫu số 02-	
Địa chỉ: Số 51 <sup>A</sup> Lương Khánh Thiện- HP	Số:14	TTQĐ	
<b>Phiếu chi</b>		số:48/2006/QĐ-	
<i>Ngày 12 tháng 04 năm 2011</i>		BTC	
	<b>Nợ TK 3334</b>	Ngày 14 tháng 9	
	<b>Có TK 111</b>	năm 2006 của Bộ	
		trởng Bộ Tài	
		chính	
Họ tên người nhận:	<i>Ngô Thị Tâm</i>		
Địa chỉ:	<i>Phòng kế toán</i>		
Lý do chi:	<i>Chi tiền nộp thuế TNDN tạm tính quý I/2011</i>		
Số tiền:	<b>6.536.103</b>		
<i>(viết bằng chữ): Sáu triệu năm trăm ba sáu nghìn một trăm lẻ ba đồng.</i>			
Kèm theo: <b>01</b> Chứng từ gốc	Đã nhận đủ tiền:		
<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán</b>	<b>Người lập</b>	<b>Người nhận</b>
<b>trưởng</b>	<b>phiếu</b>	<b>Thủ quỹ</b>	<b>tiền</b>
( Ký, họ tên, đóng dấu )	( Ký, họ tên )	( Ký, họ tên )	( Ký, họ tên )

**❖Hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2011.**

+ Cuối năm kế toán, kế toán viên thực hiện tổng hợp doanh thu và các chi phí phát sinh trong kỳ để tính ra số thuế TNDN phải nộp năm 2011. Đồng thời, căn cứ trên số thuế TNDN tạm tính mỗi quý mà kế toán đã làm thực hiện điều chỉnh số thuế TNDN còn phải nộp sao cho khớp với số thuế TNDN phải nộp cả năm 2011 mà kế toán viên đã tính.

**Biểu 19 : Kết chuyển doanh thu bán hàng.**

Công ty TNHH TM Đông Á

MST 0200639795

PHIẾU KẾ TOÁN

<b>Số CT : KC1</b>		
<b>Ngày CT : 31/12/2011</b>		
<b>Diễn giải : KC doanh thu bán hàng</b>	<b>Ngày GS: 31/12/2011</b>	
<b>Tài khoản</b>	<b>Phát sinh nợ</b>	<b>Phát sinh có</b>
911 – Xác định kết quả kinh doanh		13.189.090.910
511 – Doanh thu bán hàng	13.189.090.910	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

**Biểu 20: Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính.**

Công ty TNHH TM Đông Á

MST 0200639795

PHIẾU KẾ TOÁN

<b>Số CT : KC2</b>		
<b>Ngày CT : 31/12/2011</b>		
<b>Diễn giải : KC doanh thu HĐTC</b>	<b>Ngày GS: 31/12/2011</b>	
<b>Tài khoản</b>	<b>Phát sinh nợ</b>	<b>Phát sinh có</b>
911 – Xác định kết quả kinh doanh		3.034.154
515 – Doanh thu hoạt động tài chính	3.034.154	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng



**Biểu 21: Kết chuyển giá vốn hàng bán.**

Công ty TNHH TM Đông Á

MST 0200639795

**PHIẾU KẾ TOÁN**

**Số CT** : KC3

**Ngày CT** : 31/12/2011

**Diễn giải** : KC giá vốn hàng bán

**Ngày GS:** 31/12/2011

**Tài khoản**

**Phát sinh nợ**

**Phát sinh có**

632 – Giá vốn hàng bán

12.326.019.151

911 – Xác định kết quả kinh doanh

12.326.019.151

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

**Biểu 22: Kết chuyển chi phí tài chính.**

Công ty TNHH TM Đông Á

MST 0200639795

**PHIẾU KẾ TOÁN**

**Số CT** : KC4

**Ngày CT** : 31/12/2011

**Diễn giải** : KC chi phí tài chính

**Ngày GS:** 31/12/2011

**Tài khoản**

**Phát sinh nợ**

**Phát sinh có**

635 – Chi phí tài chính

183.429.346

911 – Xác định kết quả kinh doanh

183.429.346

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

**Biểu 23: Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp.**

Công ty TNHH TM Đông Á

MST 0200639795

PHIẾU KẾ TOÁN

<b>Số CT</b> : KC5		
<b>Ngày CT</b> : 31/12/2011		
<b>Diễn giải</b> : KC chi phí QLDN		<b>Ngày GS:</b> 31/12/2011
	<b>Tài khoản</b>	<b>Phát sinh nợ</b> <b>Phát sinh có</b>
642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp		531.371.272
911 – Xác định kết quả kinh doanh		531.371.272

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

**Biểu 24: Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2011.**

Công ty TNHH TM Đông Á

MST 0200639795

PHIẾU KẾ TOÁN

<b>Số CT</b> : ĐCT		
<b>Ngày CT</b> : 31/12/2011		
<b>Diễn giải</b> : Điều chỉnh thuế TNDN		<b>Ngày GS:</b> 31/12/2011
	<b>Tài khoản</b>	<b>Phát sinh nợ</b> <b>Phát sinh có</b>
8211 – Chi phí thuế TNDN hiện hành		10.029.221
3334 – Thuế thu nhập doanh nghiệp		10.029.221

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

**Biểu 25 : Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.**

Công ty TNHH TM Đông Á

MST 0200639795

**PHIẾU KẾ TOÁN**

<b>Số CT</b> : KC6		
<b>Ngày CT</b> : 31/12/2011		
<b>Diễn giải</b> : KC chi phí thuế TNDN		<b>Ngày GS:</b> 31/12/2011
<b>Tài khoản</b>	<b>Phát sinh nợ</b>	<b>Phát sinh có</b>
8211 – Thu thu nhập doanh nghiệp hiện hành		37.826.324
911 – Xác định kết quả kinh doanh	37.826.324	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

**Biểu 26: Kết chuyển lãi.**

Công ty TNHH TM Đông Á

MST 0200639795

**PHIẾU KẾ TOÁN**

<b>Số CT</b> : KC7		
<b>Ngày CT</b> : 31/12/2011		
<b>Diễn giải</b> : KC lãi		<b>Ngày GS:</b> 31/12/2011
<b>Tài khoản</b>	<b>Phát sinh nợ</b>	<b>Phát sinh có</b>
911 – Xác định kết quả kinh doanh		113.478.971
4212 – Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	113.478.971	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

**Biểu 27: Trích sổ nhật ký chung TK3334, 821,421...năm 2011.**

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM ĐÔNG Á

Mẫu số S03a -DNN

Địa chỉ: Số 51<sup>A</sup> Lương Khánh Thiện - HP

(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2011

Đơn vị tính : VND

Ngày tháng ghi sổ	CHỨNG TỪ		Diễn giải	Tài khoản		Số Tiền	
	SH	Ngày		Nợ	Có	Nợ	Có
...	...	....	...	...	...	.....	.....
31/03/2011	TKTT01	31/3	Thuế TNDN tạm tính quý I	8211	3334	6.536.103	6.536.103
...	...	...	...	...	..	.....	.....
12/04/2011	Q1/PC14	12/4	Chi tiền thuế TNDN tạm nộp quý I/2011	3334	111	6.536.103	6.536.103
30/06/2011	TKTT02	30/6	Thuế TNDN tạm tính quý II/2011	8211	3334	3.000.000	3.000.000
...	...	...	.....	...	..	.....	.....
12/07/2011	Q1/PC30	12/7	Chi tiền thuế TNDN tạm nộp quý II/2011	3334	111	3.000.000	3.000.000
30/09/2011	TKTT03	30/9	Thuế TNDN tạm tính quý III/2011	8211	3334	10.000.000	10.000.000
...	...	...	...	...	..	.....	.....

12/10/2011	Q1/PC39	12/10	Chi tiền thuế TNDN tạm nộp quý III/2011	3334	111	10.000.000	10.000.000
...	...	...	...	...	...	...	...
31/12/2011	TKTT04	31/12	Thuế TNDN tạm tính quý IV/2011	8211	3334	8.000.000	8.000.000
31/12/2011	PKT-KC1	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	13.189.090.910	13.189.090.910
31/12/2011	PKT-KC2	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	3.034.154	3.034.154
31/12/2011	PKT-KC3	31/12	Kết chuyển giá vốn	911	632	12.326.019.151	12.326.019.151
31/12/2011	PKT-KC4	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	183.429.346	
31/12/2011	PKT-KC5	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý	911	642	531.371.272	
31/12/2011	PKT-ĐCT	31/12	Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp năm 2011	8211	3334	10.029.221	10.029.221
31/12/2011	PKT-KC6	31/12	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	911	8211	37.826.324	37.826.324
31/12/2011	PKT-KC7	31/12	+ Kết chuyển lãi	911	421	113.478.971	113.478.971

**Tổng số phát sinh: 101.556.932.255**

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

**Biểu 28: Trích sổ cái TK 911 năm 2011.**

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM ĐÔNG Á

**Mẫu số S03b -DNN**

Địa chỉ: Số 51<sup>A</sup> Lương Khánh Thiện - HP (Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

911- Xác định kết quả kinh doanh

Năm 2011

Ngày tháng ghi sổ	CHỨNG TỪ		Diễn Giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
			<b>Số phát sinh</b>			
31/12/2011	KC1	31/12	KC doanh thu BH	511		13.137.272.728
31/12/2011	KC2	31/12	KC doanh thu HĐTC	515		3.034.154
31/12/2011	KC3	31/12	KC giá vốn hàng bán	632	12.326.019.151	
31/12/2011	KC4	31/12	KC chi phí tài chính	635	183.429.346	
31/12/2011	KC5	31/12	KC chi phí quản lý DN	642	531.371.272	
31/12/2011	KC6	31/12	KC thuế TNDN	8211	37.826.324	
31/12/2011	KC7	31/12	KC lãi	421	113.478.971	
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>13.140.306.882</b>	<b>13.140.306.882</b>
			<b>Tồn cuối kỳ</b>			

**Ngày 31 tháng 12 năm 2011**

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

**Biểu 29: Trích sổ cái TK821 năm 2011.**

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM ĐÔNG Á

Mẫu số S03b -DNN

Địa chỉ: Số 51<sup>A</sup> Lương Khánh Thiện - HP (Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2011

Ngày tháng ghi sổ	CHỨNG TỪ		Diễn Giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
			<b>Số phát sinh</b>			
31/3/2011	TKTT 01	31/3	Số thuế TNDN tạm tính quý I/2011	3334	6.536.103	
30/6/2011	TKTT 02	30/6	Số thuế TNDN tạm tính quý II/2011	3334	3.000.000	
30/9/2011	TKTT 03	30/9	Số thuế TNDN tạm tính quý III/2011	3334	10.000.000	
31/12/2011	TKTT 04	31/12	Số thuế TNDN tạm tính quý IV/2011	3334	8.000.000	
31/12/2011	PKT- ĐCT	31/12	Điều chỉnh số thuế TNDN cả năm	3334	10.029.221	
31/12/2011	PKT- KC6	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		37.826.324
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>37.826.324</b>	<b>37.826.324</b>
			<b>Tồn cuối kỳ</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

**Biểu 30: Sổ chi tiết TK3334 – Thuế thu nhập doanh nghiệp.**

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM ĐÔNG Á

Mẫu số S38 -DNN

Địa chỉ: 51<sup>A</sup> Lương Khánh Thiện - HP (Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 3334 – Thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm: 2011

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>					-
			<b>Số phát sinh</b>					
31/03	TKTT01	31/03	Số thuế TNDN tạm tính quý I/2011	8211		6.536.103		6.536.103
12/04	Q1/PC14	12/04	Tạm nộp thuế TNDN quý I/2011	111	6.536.103			-



30/06	TKTT02	30/06	Số thuế TNDN tạm tính quý II/2011	8211		3.000.000		3.000.000
12/07	Q1/PC30	12/07	Tạm nộp thuế TNDN quý II/2011	111	3.000.000			-
30/09	TKTT03	30/09	Số thuế TNDN tạm tính quý III/2011	8211		10.000.000		10.000.000
12/10	Q1/PC39	12/10	Tạm nộp thuế TNDN quý III/2011	111	10.000.000			-
31/12	TKTT04	31/12	Số thuế TNDN tạm tính quý IV/2011	8211		8.000.000		8.000.000
31/12	PKT-ĐCT		Điều chỉnh số thuế TNDN năm 2011	8211		10.029.221		18.029.221
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>19.536.103</b>	<b>37.826.324</b>		
			<b>Số dư cuối kỳ</b>					<b>18.290.221</b>

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Biểu 31: Trích sổ cái TK 421 tháng 12/2011.**

**Mẫu sổ cái tài khoản**

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM ĐÔNG Á

**Mẫu số S03b -DNN**

Địa chỉ: Số 51<sup>A</sup> Lương Khánh Thiện - HP (Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

421- Lợi nhuận chưa phân phối

Năm 2011

Ngày tháng ghi sổ	CHỨNG TỪ		Diễn Giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	Ngày tháng		Tr an g số	ST T dò ng		Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>					<b>175.874.187</b>
			<b>Số phát sinh</b>					
....	...	...	...	...	...	...	....	....
31/12	KC 7	31/12	Kết chuyển lãi năm 2011			911		113.478.971
			<b>Cộng số phát sinh</b>					<b>113.478.971</b>
			<b>Tồn cuối kỳ</b>					<b>289.353.158</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

**Biểu 32: Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2011**

Mẫu báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Mẫu số B02 – DNN

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐÔNG Á

Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-

BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**Năm 2011**

Chỉ tiêu	MS	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	13.189.090.910	8.023.824.948
2.Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>13.189.090.910</b>	<b>8.023.824.948</b>
4.Giá vốn hàng bán	11	VI27	12.326.019.151	7.187.516.368
<b>5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>863.071.759</b>	<b>836.308.580</b>
6.Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI26	3.034.154	1.735.875
7.Chi phí tài chính	22	VI27	183.429.346	155.754.222
Trong đó:Chi phí lãi vay (18%năm)	23		180.000.000	150.000.000
8.Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		531.371.272	578.956.900
<b>9.Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>151.305.295</b>	<b>99.861.583</b>
10.Thu nhập khác	31		-	-
11.Chi phí khác	32		-	-
12.Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		-	-
<b>13.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>151.305.295</b>	<b>99.861.583</b>
<b>14.Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>51</b>		<b>37.826.324</b>	<b>24.965.396</b>
<b>15.Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>113.478.971</b>	<b>74.896.187</b>

### 2.3.5. *Kê khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.*

#### 2.3.5.1. *Kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp.*

##### ➤ **Lập tờ khai thuế TNDN tạm tính theo quý.**

Hàng quý sau khi xác định số thuế TNDN tạm tính hàng quý, trên cơ sở đó kế toán lập tờ khai thuế TNDN tạm tính theo quý theo mẫu số 01A/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 áp dụng đối với NNT thực hiện đầy đủ chế độ sổ sách, hoá đơn, chứng từ và xác định được chi phí thực tế phát sinh của kỳ tính thuế. Hoặc tờ khai mẫu số 01B/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 áp dụng đối với NNT không xác định được chi phí thực tế phát sinh của kỳ tính thuế.

Sau khi lập xong tờ khai thuế TNDN tạm tính hàng quý, phòng kế toán Công ty gửi cho cơ thuế. Theo quy định thời gian gửi tờ khai thuế TNDN tạm tính theo quý cho cơ quan thuế chậm nhất là ngày 30 của quý tiếp theo quý phát sinh nghĩa vụ nộp thuế.

##### ✧ ***Quy trình lập tờ khai thuế TNDN:***

Để thuận lợi cho việc lập tờ khai thuế nhanh và chính xác hiện nay Công ty TNHH Thương Mại Đông Á đang sử dụng phần mềm “ Hỗ trợ kê khai thuế” do Tổng cục thuế xây dựng và cung cấp miễn phí cho các tổ chức và cá nhân có nghĩa vụ nộp thuế.

Phần mềm “ Hỗ trợ kê khai thuế” cung cấp cho Công ty các chức năng sau:

- Lập tờ khai thuế và điền thông tin trên các tờ khai thuế và các phụ lục kê khai theo đúng quy định tại các văn bản pháp luật thuế.

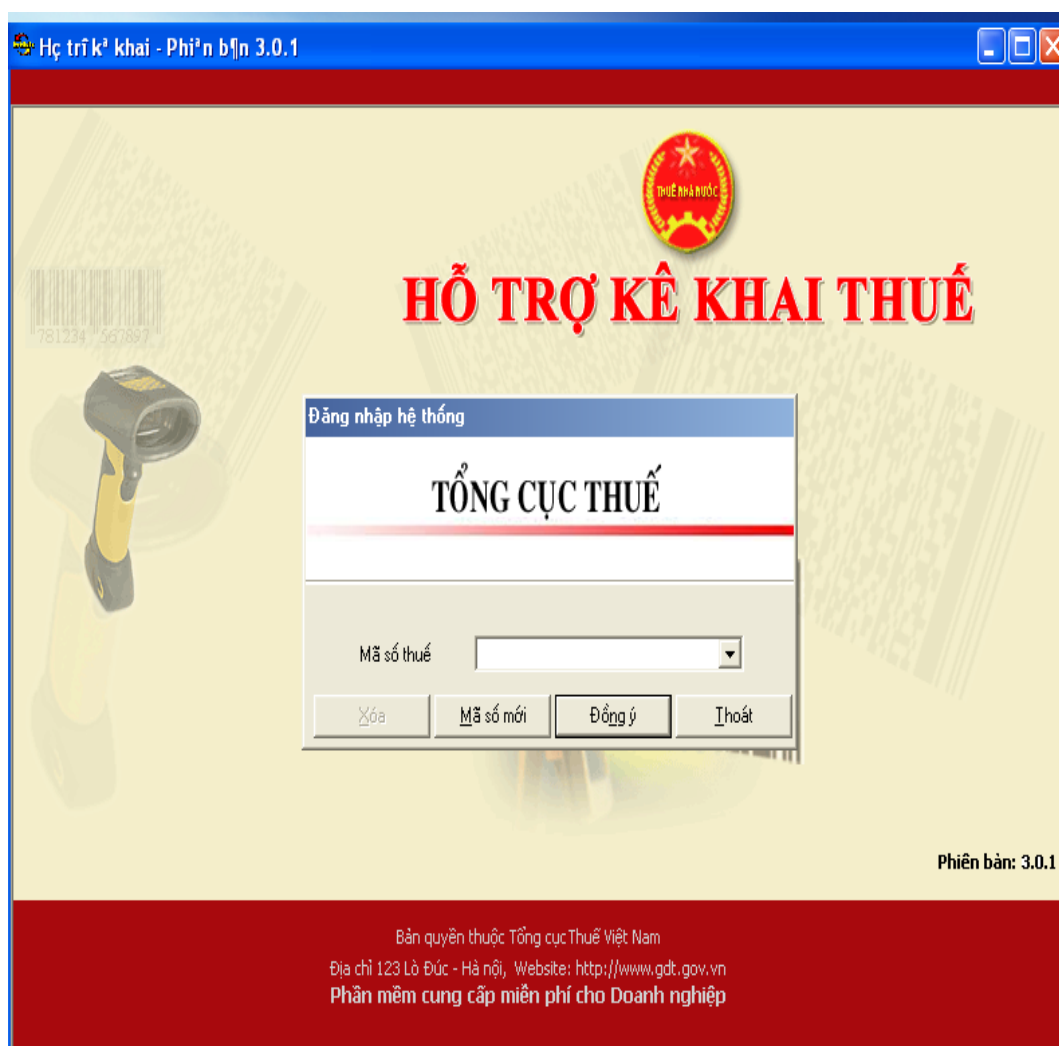
- Các nội dung hướng dẫn việc tính thuế, kê khai thuế đối với từng sắc thuế nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp kê khai thuế một cách chính xác và nhanh chóng.

Phần mềm này được xây dựng trên cơ sở công nghệ mã vạch 2 chiều ( mã hóa thông tin thành các mã vạch) sẽ kết xuất và in các tờ khai thuế có mã vạch đã mã hóa để doanh nghiệp gửi tờ khai đó cho cơ quan thuế. Thông qua các mã vạch đã

mã hóa thông tin trên tờ khai, cơ quan thuế đảm bảo sẽ ghi nhận, xử lý thông tin kê khai của tổ chức cá nhân nộp thuế đầy đủ, chính xác và nhanh chóng.

Sau khi kê khai cơ sở kinh doanh cần phải in tờ khai có mã vạch 2 chiều, ký tên đóng dấu và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành ( in thành na bộ, cơ quan thuế sẽ lưu giữ lại 2 bộ, bộ còn lại sẽ lưu giữ tại Công ty để phục vụ công tác thanh kiểm tra sau này).

Hiện nay Công ty TNHH Thương Mại Đông Á đang sử dụng phần mềm Hỗ trợ kê khai phiên bản 3.0.1 với giao diện như hình sau:



Hình 2.1

***Giới thiệu về cách sử dụng phần mềm kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp.***

Sau khi bật phần mềm lên, kế toán viên sẽ thấy giao diện như hình trên. Kế toán sẽ điền mã số thuế của Công ty vào phần “ Mã số thuế”. Sau đó kích vào chữ “ Đồng ý “

Mã số thuế của công ty TNHH Thương mại Đông Á là 0200639795



**Hình 2.2**

Nếu như lần đầu tiên sử dụng phần mềm sẽ hiện lên giao diện sau:

**Hình 2.3**

Trên giao diện này bắt buộc người sử dụng phải điền đầy đủ thông tin về doanh nghiệp mình. Một số thông tin bắt buộc như:

- Người nộp thuế: ở đây điền là “ Công ty TNHH Thương mại Đông Á”
- Địa chỉ trụ sở: ở đây điền là “ 51A Lương Khánh Thiện”
- Quận/huyện: ở đây điền là “ Ngô Quyền”
- Tỉnh/thành phố: ở đây điền là “ Hải Phòng”
- Điện thoại, fax, email, ngành nghề kinh doanh, số TK ngân hàng, người gửi tờ khai có thể bỏ qua.
- Ngày bắt đầu năm tài chính: ở đây điền là “01/01”
- Cơ quan thuế cấp Cục: sẽ có cho mình lựa chọn, tùy theo doanh nghiệp mình ở tỉnh hay thành phố nào trên toàn quốc, ở đây ta chọn “ HPH – Cục thuế TP Hải Phòng”
- Cơ quan thuế quản lý: là chi cục thuế các quận, huyện và thành phố, ở đây ta chọn “ Chi cục Thuế Quận Ngô Quyền”

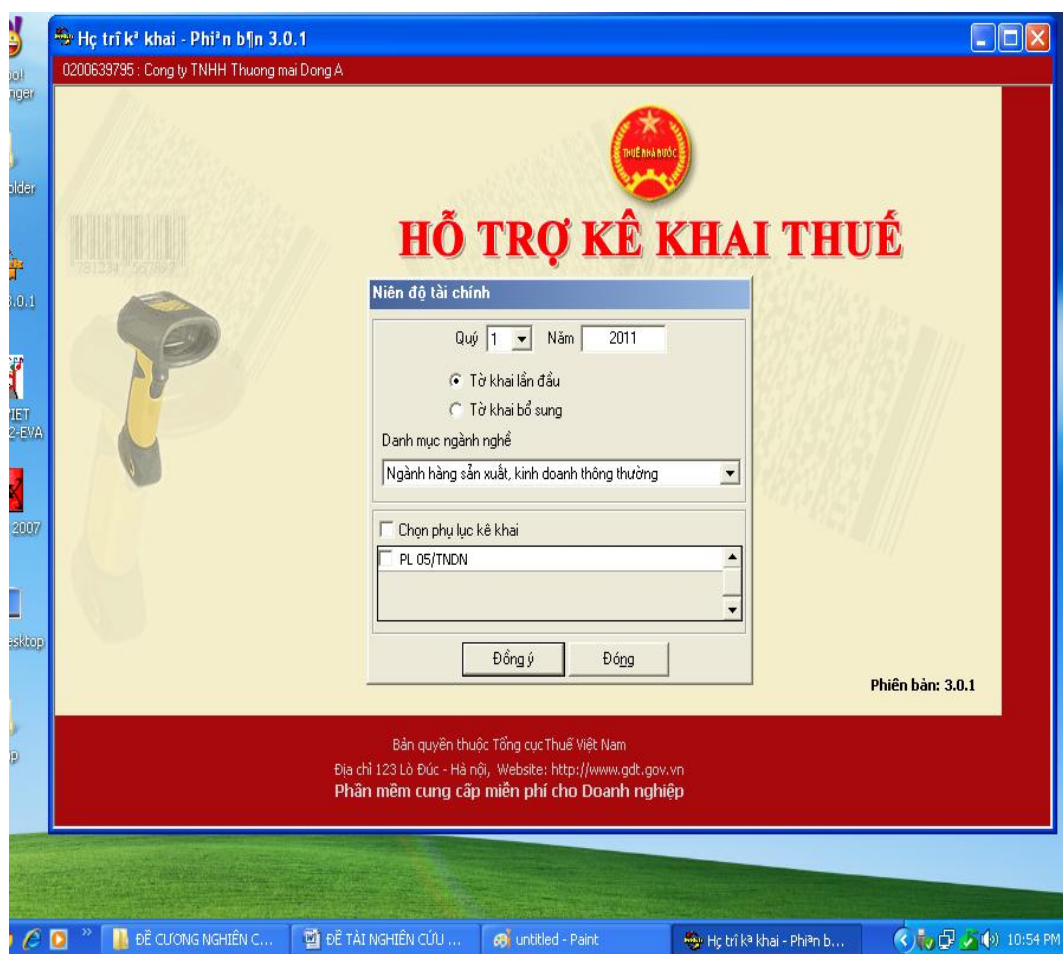
Tiếp đó kế toán kích chuột vào chữ “ Ghi ” sau khi có dòng chữ “ Đã ghi dữ liệu thành công “, kế toán đóng giao diện đó lại bằng cách kích vào chữ “ Đóng “ sau đó một giao diện mới sẽ hiện ra.



**Hình 2.4**

Lúc này kế toán sẽ chọn dòng “ Tờ khai thuế TNDN tạm tính (01A/TNDN) “. Giao diện tiếp theo là:





**Hình 2.5**

Kê khai cho quý nào thì kế toán chọn quý đó, ở phần phụ lục kê khai nếu doanh nghiệp có cơ sở hạch toán phụ thuộc thì kế toán sẽ chọn “ PL 05/TNDN “ nếu không có thì không chọn mà kích “ Đồng ý “ sẽ xuất hiện tờ khai thuế TNDN tạm tính quý cần kê khai như giao diện sau:

Hệ trợ kê khai - Phiên bản 3.0.1

Nhập tờ khai

**TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠM TÍNH**  
(Mẫu số 01A/TNDN)  
(Dành cho người nộp thuế khai theo thu nhập thực tế phát sinh)

[01] Kỳ tính thuế: Quý 1 năm 2011

[02] Lần đầu:  [03] Bổ sung lần thứ

Doanh nghiệp có cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc

[04] Tên người nộp thuế: **Công ty TNHH Thương mại Đông A**

[05] Mã số thuế: **0200639795**

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Số tiền
1	Doanh thu phát sinh trong kỳ	[21] 0
2	Chi phí phát sinh trong kỳ	[22] 0
3	<b>Lợi nhuận phát sinh trong kỳ ((23)=[21]-[22])</b>	<b>[23] 0</b>
4	Điều chỉnh tăng lợi nhuận theo pháp luật thuế	[24] 0
5	Điều chỉnh giảm lợi nhuận theo pháp luật thuế	[25] 0
6	<b>Thu nhập chịu thuế ((26)=[23]+[24]-[25])</b>	<b>[26] 0</b>
7	Thu nhập miễn thuế	[27] 0
8	Số lỗ chuyển kỳ này	[28] 0
9	<b>Thu nhập tính thuế ((29)=[26]-[27]-[28])</b>	<b>[29] 0</b>
10	Thuế suất thuế TNDN (%)	[30] 0,000
11	Thuế TNDN dự kiến miễn, giảm	[31] 0
12	<b>Thuế TNDN phải nộp trong kỳ ((32)=[29]*[30]-[31])</b>	<b>[32] 0</b>

Gia hạn nộp theo QĐ 21/2011/QĐ-TTg

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ:**

Họ và tên:  Người ký:

Chứng chỉ hành nghề số:  Ngày ký:

Tờ khai

Thêm phụ lục Nhập lại Ghi In Xóa Kết xuất Đóng

Hình 2.6

Tại đây kế toán kê khai các mục yêu cầu trong tờ khai thuế TNDN tạm tính quý cần kê khai. Gồm:

1. Doanh thu phát sinh trong kỳ.
2. Chi phí phát sinh trong kỳ.
3. Lợi nhuận phát sinh trong kỳ.
4. Điều chỉnh tăng lợi nhuận theo pháp luật thuế.
5. Điều chỉnh giảm lợi nhuận theo pháp luật thuế.
6. Thu nhập chịu thuế.
7. Thu nhập miễn thuế.
8. Số lỗ chuyển kỳ này.
9. Thu nhập tính thuế.
10. Thuế suất thuế TNDN.
11. Thuế TNDN dự kiến miễn, giảm
12. Thuế TNDN phải nộp trong kỳ.

Tờ khai thuế TNDN tạm tính quý I của Công ty TNHH Thương Mại Đông Á

**Biểu 33: Tờ khai thuế TNDN tạm tính quý I năm 2011.**

**TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠM TÍNH**

(Mẫu số 01A/TNDN)

(Dành cho người nộp thuế khai theo thu nhập thực tế phát sinh)

[01] Kỳ tính thuế: Quý 1 năm 2011

[02] Lần đầu:

[X]

[03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế:

Cong ty TNHH Thương mai Dong A

[05] Mã số thuế:

0200639795

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	
1	Doanh thu phát sinh trong kỳ	[21]	2,691,352,165
2	Chi phí phát sinh trong kỳ	[22]	2,665,207,753
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận phát sinh trong kỳ ([23]=[21]-[22])</b>	<b>[23]</b>	<b>26,144,412</b>
4	Điều chỉnh tăng lợi nhuận theo pháp luật thuế	[24]	0
5	Điều chỉnh giảm lợi nhuận theo pháp luật thuế	[25]	0
<b>6</b>	<b>Thu nhập chịu thuế ([26]=[23]+[24]-[25])</b>	<b>[26]</b>	<b>26,144,412</b>
7	Thu nhập miễn thuế	[27]	0
8	Số lỗ chuyên kỳ này	[28]	0
<b>9</b>	<b>Thu nhập tính thuế ([29]=[26]-[27]-[28])</b>	<b>[29]</b>	<b>26,144,412</b>
10	Thuế suất thuế TNDN (%)	[30]	25.000
11	Thuế TNDN dự kiến miễn, giảm	[31]	0
<b>12</b>	<b>Thuế TNDN phải nộp trong kỳ ([32]=[29]x[30]-[31])</b>	<b>[32]</b>	<b>6,536,103</b>
0	<b>Gia hạn nộp theo QĐ 21/2011/QĐ-TTg; QĐ 54/2011/QĐ-TTg</b>		

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ:**

✿ Nội dung và phương pháp lập tờ khai thuế TNDN tạm tính theo quý.

Kê khai thuế TNDN tạm nộp theo quý thực tế phát sinh ( mẫu số 01A/TNDN)

Cách xác định các chỉ tiêu trong tờ khai:

- **Chỉ tiêu [10] - Doanh thu thực tế phát sinh trong kỳ** là tổng doanh thu thực tế phát sinh chưa có thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ bán ra 3 tháng trong kỳ tính thuế, bao gồm: doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác. Chỉ tiêu này được xác định như sau:

+ Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ là doanh thu thuần từ cung cấp hàng hoá, dịch vụ của cơ sở kinh doanh trong kỳ tính thuế (bao gồm cả doanh thu xuất khẩu, doanh thu bán cho các doanh nghiệp chế xuất và xuất khẩu tại chỗ).

+ Doanh thu hoạt động tài chính là các khoản doanh thu thuần từ hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền vay, lãi tiền gửi, tiền bản quyền, thu nhập từ cho thuê tài sản, cổ tức, lợi nhuận được chia, lãi từ bán ngoại tệ, lãi do chuyển nhượng vốn, hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán trong kỳ tính thuế.

+ Thu nhập khác là các khoản thu nhập khác ngoài các khoản thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính của cơ sở kinh doanh (đã trừ thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp) và thu nhập từ hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ tính thuế.

**- [10]: 2.691.352.165**

- **Chỉ tiêu [11]** – Chi phí thực tế phát sinh trong kỳ là toàn bộ các khoản chi phí hợp lý thực tế phát sinh liên quan đến doanh thu thực tế phát sinh trong kỳ tính thuế. Chỉ tiêu này bao gồm: Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; Chi phí hoạt động tài chính và các khoản chi phí khác. Chỉ tiêu này được xác định cụ thể như sau:

+ Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ là toàn bộ các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong kỳ tính thuế tương ứng với doanh thu phát sinh trong kỳ được xác định để tính lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh.

+ Chi phí hoạt động tài chính là những khoản chi phí hoạt động tài chính trong kỳ tính thuế, bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, khoản lập và hoàn lập dự phòng, giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ về chênh lệch tỉ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ.

+ Các khoản chi phí khác là những khoản chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

**- [11]: 2.655.207.753**

- **Chỉ tiêu [12]** - Lợi nhuận phát sinh trong kỳ được xác định bằng doanh thu thực tế phát sinh trong quý trừ đi (-) chi phí thực tế phát sinh trong quý, cụ thể:  $\text{Chỉ tiêu [12]} = \text{Chỉ tiêu [10]} - \text{Chỉ tiêu [11]}$ .

**- [12]: 26.144.412**

- **Chỉ tiêu [13]** - Điều chỉnh tăng lợi nhuận theo pháp luật thuế, chỉ tiêu này phản ánh toàn bộ các điều chỉnh về doanh thu hoặc chi phí được ghi nhận theo chế độ kế toán, nhưng không phù hợp với quy định của Luật thuế TNDN, làm tăng tổng lợi nhuận phát sinh của cơ sở kinh doanh, ví dụ như: chi phí khấu hao TSCĐ không đúng quy định, chi phí lãi tiền vay vượt mức khống chế theo quy định, chi phí không có hoá đơn, chứng từ theo chế độ quy định, các khoản thuế bị truy thu và tiền phạt về vi phạm hành chính đã tính vào chi phí, chi phí không liên quan đến doanh thu, thu nhập chịu thuế TNDN ...

**- [13]: 0**

- **Chỉ tiêu [14]** - Điều chỉnh giảm lợi nhuận theo pháp luật thuế phản ánh tổng số tiền của tất cả các khoản điều chỉnh dẫn đến giảm lợi nhuận phát sinh trong kỳ tính thuế như: lợi nhuận từ hoạt động không thuộc diện chịu thuế TNDN, giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế quý trước, chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng ...

**- [14]: 0**

- **Chỉ tiêu [15]** - Lỗ được chuyển trong kỳ là số lỗ của kỳ trước và lỗ của các năm trước chuyển sang theo qui định của pháp luật thuế.

- **[15]: 0**

- **Chỉ tiêu [16]** - Thu nhập chịu thuế được xác định bằng lợi nhuận phát sinh trong kỳ cộng với (+) điều chỉnh tăng lợi nhuận theo pháp luật thuế trừ đi (-) điều chỉnh giảm lợi nhuận theo pháp luật thuế và trừ đi (-) lỗ được chuyển trong quý.

- **[16]: 26.144.412**

- **Chỉ tiêu [17]** - Thuế suất thuế TNDN

Theo quy định tại Điều 10 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với cơ sở kinh doanh áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 25%. Thuế suất đối với hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và tài nguyên quý hiếm khác từ 32% đến 50%.

Cơ sở kinh doanh hoặc dự án kinh doanh thực tế đạt được các điều kiện ưu đãi theo quy định của pháp luật thuế TNDN thì được áp dụng mức thuế suất ưu đãi 10%, 20% tùy theo từng trường hợp cụ thể.

- **[17]: 25%**

- **Chỉ tiêu [18]** - Thuế TNDN dự kiến miễn, giảm là tổng hợp số thuế TNDN dự kiến được miễn giảm trong kỳ tính thuế được xác định căn cứ vào điều kiện thực tế cơ sở kinh doanh đang được hưởng ưu đãi thuế, bao gồm:

+ Miễn giảm theo Luật thuế TNDN (nếu có).

+ Giảm thuế TNDN theo TT 03/2009/TT-BTC: Áp dụng đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ (kể cả thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất, chuyển nhượng bất động sản, thu nhập khác). Số thuế TNDN giảm bằng (=) số thuế TNDN phải nộp sau khi trừ (-) miễn, giảm (nếu có) nhân (x) 30%.

Trường hợp doanh nghiệp đang được hưởng ưu đãi về thuế TNDN, và là đối tượng được giảm 30% thuế TNDN phải nộp theo TT 03/2009/TT-BTC thì số thuế ghi vào chỉ tiêu này [chỉ tiêu 18] là tổng hợp số thuế dự kiến được miễn giảm.

- **[18]: 0**

- **Chỉ tiêu [19]** - Thuế TNDN phải nộp trong kỳ là số thuế TNDN tạm nộp trong kỳ và bằng thu nhập chịu thuế nhân với (x) thuế suất thuế TNDN trừ đi (-) thuế TNDN dự kiến miễn, giảm. Cụ thể: Chỉ tiêu [19] = Chỉ tiêu [16] x Chỉ tiêu [17] - Chỉ tiêu [18].

- [19]: 6.536.103

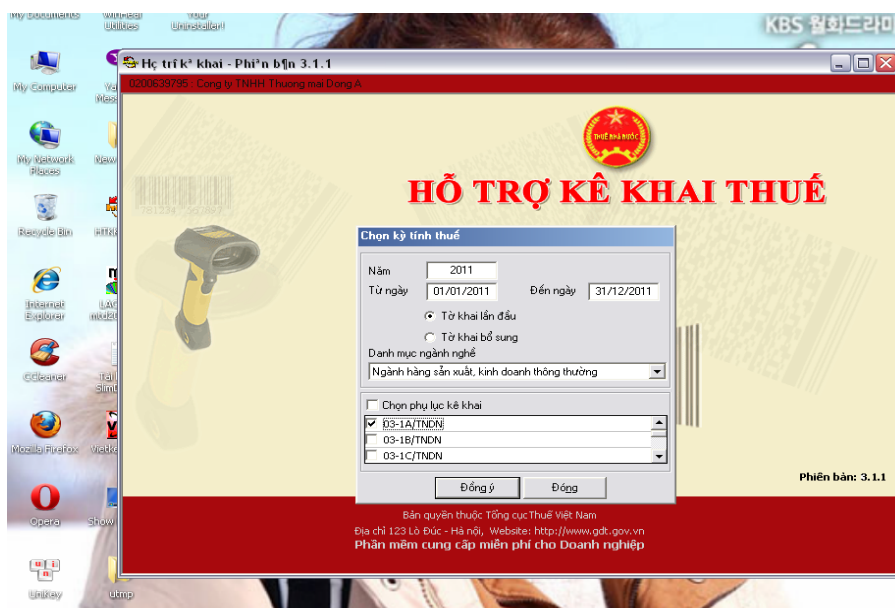
➤ **Lập quyết toán thuế TNDN theo mẫu số 03/TNDN.**

Cuối năm tài chính công ty phải xác định số thuế TNDN phải nộp trong năm đó, nhờ việc tạm tính thuế TNDN hàng quý nên công tác quyết toán thuế TNDN cuối năm trở nên thuận lợi và nhanh chóng hơn. Sau khi tổng hợp số thuế TNDN tạm nộp mỗi quý để xác định ra số thuế TNDN phải nộp cả năm tài chính, kế toán sẽ lập quyết toán thuế TNDN theo mẫu số 03/TNDN do Bộ tài chính phát hành.

Sau khi lập quyết toán thuế TNDN năm, phòng kế toán Công ty gửi cho cơ quan thuế kèm theo các phụ lục đi kèm của mỗi loại hình doanh nghiệp. Theo quy định thời gian gửi quyết toán thuế TNDN năm cho cơ quan thuế chậm nhất là ngày 60 của năm tài chính tiếp theo.

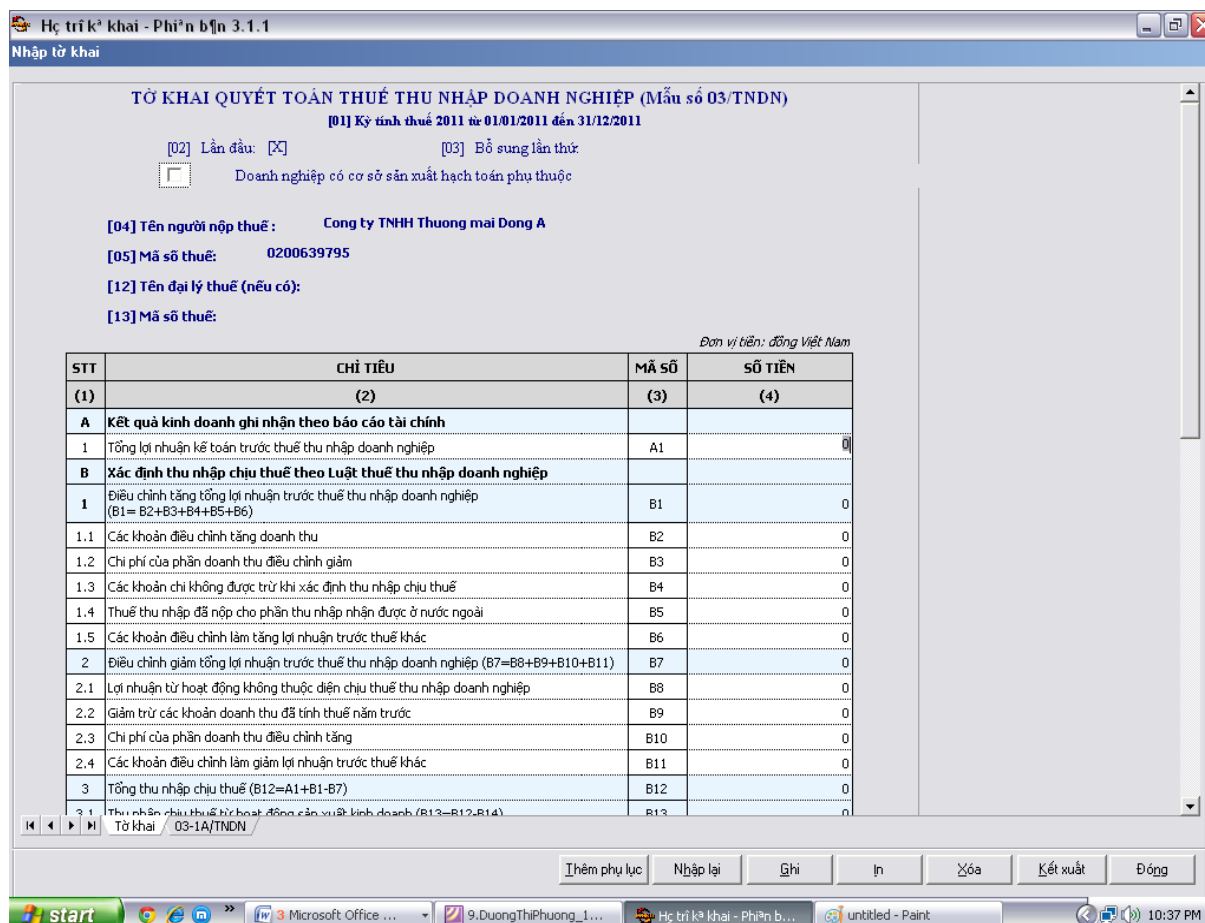
✧ **Quy trình lập quyết toán thuế TNDN năm**

Khi vào phần mềm kê khai thuế mà công ty đang áp dụng, kế toán chọn phần thuế thu nhập doanh nghiệp sau đó kích chọn “Quyết toán TNDN năm (03/TNDN)” sẽ hiện lên giao diện như hình sau:



Hình 2.7

Sau khi chọn năm cần quyết toán thuế TNDN xong, tùy theo từng loại hình doanh nghiệp mà chọn phụ lục đi kèm. Đối với công ty TNHH Thương Mại Đông Á sẽ chọn phụ lục 03 – 1A/TNDN, sau khi chọn xong phụ lục kế toán sẽ kích “ Đồng ý “. Tiếp theo sẽ hiện như hình sau:



Hình 2.8

✿ Nội dung và phương pháp lập quyết toán thuế TNDN năm.

Kê khai quyết toán thuế TNDN năm tài chính phát sinh ( mẫu số 03A/TNDN)

Cách xác định các chỉ tiêu trong tờ quyết toán thuế:

- **Chỉ tiêu [A1] – Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:** chỉ tiêu này phản ánh tổng số lợi nhuận thực hiện của cơ sở kinh doanh trong kỳ tính thuế theo chế độ kế toán. Số liệu ghi trên chỉ tiêu này được lấy từ Phụ lục kết quả sản xuất kinh doanh kèm theo Tờ khai quyết toán thuế TNDN.

- [A1]: 151.305.295

- **Chỉ tiêu [B1] – Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế TNDN:**



Chỉ tiêu này phản ánh toàn bộ các điều chỉnh về doanh thu hoặc chi phí được ghi nhận theo chế độ kế toán, nhưng không phù hợp với quy định của Luật thuế TNDN, làm tăng tổng lợi nhuận trước thuế TNDN của cơ sở kinh doanh. Chỉ tiêu này được xác định bằng tổng các Chỉ tiêu từ [B2] đến [B6].

- **[B1]: 0**

- **Chỉ tiêu [B2] – Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu:** Chỉ tiêu này phản ánh tất cả các khoản điều chỉnh dẫn đến tăng doanh thu tính thuế. NNT khi có phát sinh những khoản doanh thu phải điều chỉnh thì nhập số liệu phát sinh vào chỉ tiêu này.

- **[B2]: 0**

- **Chỉ tiêu [B3] – Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm:** Chỉ tiêu này phản ánh toàn bộ các chi phí liên quan đến việc tạo ra các khoản doanh thu được ghi nhận theo chế độ kế toán nhưng được điều chỉnh giảm khi tính thu nhập chịu thuế trong kỳ theo quy định của Luật thuế TNDN.

- **[B3]: 0**

- **Chỉ tiêu [B4] – Các khoản không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế:** Chỉ tiêu này phản ánh toàn bộ các khoản chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN theo quy định của Luật thuế TNDN.

- **[B4]: 0**

- **Chỉ tiêu [B5] – Thuế thu nhập đã nộp cho thu nhập nhận được ở nước ngoài:** Chỉ tiêu này phản ánh tổng số thuế thu nhập cơ sở kinh doanh đã nộp ở nước ngoài đối với số thu nhập mà cơ sở nhận được từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ ở nước ngoài trong kỳ tính thuế dựa trên các Biên lai hoặc chứng từ nộp thuế ở nước ngoài.

- **[B5]: 0**

- **Chỉ tiêu [B6] – Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác:** Chỉ tiêu này phản ánh tổng số tiền của các khoản điều chỉnh khác ( chưa được điều chỉnh tại các chỉ tiêu từ [B2] đến [B5])

- **[B6]: 0**

**- Chỉ tiêu [B7] – Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế TNDN:**

Chỉ tiêu này phản ánh tổng số tiền của tất cả các khoản điều chỉnh dẫn đến giảm lợi nhuận trước thuế đã được xác định trong hệ thống sổ sách kế toán của doanh nghiệp:

$$[B7] = [B8] + [B9] + [B10] + [B11]$$

**- Chỉ tiêu [B8] – Lợi nhuận từ hoạt động không thuộc diện chịu thuế TNDN:** Chỉ tiêu này phản ánh tổng các khoản thu nhập không thuộc diện chịu thuế TNDN theo các quy định hiện hành.

**- [B8]: 0**

**- Chỉ tiêu [B9] – Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước:**

Chỉ tiêu này phản ánh các khoản doanh thu được hạch toán trong Báo cáo kết quả kinh doanh năm nay của cơ sở kinh doanh nhưng đã đưa vào doanh thu để tính thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước.

**- [B9]: 0**

**- Chỉ tiêu [B10] - Chi phí phân doanh thu điều chỉnh tăng:** Chỉ tiêu này phản ánh toàn bộ chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra các khoản doanh thu điều chỉnh tăng đã ghi vào chỉ tiêu [B2] – các khoản điều chỉnh tăng doanh thu – của Tờ khai quyết toán thuế TNDN. Các khoản chi phí được điều chỉnh tại chỉ tiêu này chủ yếu là chi phí giá vốn hoặc giá thành sản xuất. chỉ tiêu này phản ánh các khoản chi phí chiết khấu thương mại được giảm trừ doanh thu theo chuẩn mực kế toán, nhưng không được giảm trừ doanh thu mà được đưa chi phí theo quy định Luật thuế TNDN.

**- [B10]: 0**

**- Chỉ tiêu [B11] – Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác:** Chỉ tiêu này phản ánh tổng số tiền của các khoản điều chỉnh khác ngoài các khoản điều chỉnh đã nêu trên tại các chỉ tiêu từ [B8] đến [B10] của tờ khai quyết toán thuế TNDN dẫn đến giảm lợi nhuận chịu thuế.

**- [B11]: 0**

**- Chỉ tiêu [B12] – Tổng thu nhập chịu thuế:** Chỉ tiêu này phản ánh số thu nhập chịu thuế doanh nghiệp thực hiện được trong kỳ tính thuế chưa trừ số lỗ phát

sinh trong các năm trước được chuyển của cơ sở kinh doanh trong năm tài chính.

$$[B12] = [A1] + [B1] - [B7].$$

- **[B12]: 151.305.295**

- **Chỉ tiêu [B13] – thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Chỉ tiêu này phản ánh tổng số thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh và hoạt động khác ( không bao gồm thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản) và chưa trừ chuyển lỗ của cơ sở kinh doanh trong kỳ tính thuế.

$$[B13] = [B12] - [B14]$$

- **[B13]: 151.305.295**

- **Chỉ tiêu [B14] – Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản:** Chỉ tiêu này phản ánh tổng số thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản ( chưa trừ chuyển lỗ năm trước chuyển sang) của doanh nghiệp trong kỳ tính thuế.

- **[B14]: 0**

- **Chỉ tiêu [C1] – Thu nhập chịu thuế**

- **[C1] = [B13]: 151.305.295**

- **Chỉ tiêu [C2] – Thu nhập miễn thuế:** là thu nhập được miễn trong kỳ tính thuế được xác định căn cứ vào điều kiện thực tế cơ sở kinh doanh đang được hưởng ưu đãi thuế.

- **[C2]: 0**

- **Chỉ tiêu [C3] – Lỗ từ các năm trước được chuyển sang**

- **[C3]: 0**

- **Chỉ tiêu [C4] – Thu nhập tính thuế**

- **[C4] = [C1] – [C2] – [C3] = 151.305.295**

- **Chỉ tiêu [C5] – Trích lập quỹ khoa học công nghệ ( nếu có).**

- **[C5]: 0**

- **Chỉ tiêu [C6] – Thu nhập tính thuế sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ.**  $[C6] = [C4] - [C5]$

- **[C6]: 151.305.295**

- **Chỉ tiêu [C7] – Thuế TNDN từ hoạt động sản xuất kinh doanh tính theo thuế suất phổ thông:** là thuế TNDN tính theo thuế suất 25%.  $[C7] = [C6] \times 25\%$ .

- **[C7]: 37.826.324**

- **Chỉ tiêu [C8] – Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất khác mức thuế suất 25%.** – **[C8]: 0**

- **Chỉ tiêu [C9] – Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm trong kỳ.**  
- **[C9] : 0**

- **Chỉ tiêu [C10] – Số thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế.** – **[C10] : 0**

- **Chỉ tiêu [C11] – Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh( [C11] = [C7] – [C8] – [C9] – [C10])**

- **[C11]: 37.826.324**

- **Chỉ tiêu [E] – Tổng số thuế TNDN phải nộp trong kỳ:** chỉ tiêu này phản ánh số thuế cơ sở kinh doanh phải nộp trong năm.

- **[E] = [E1] – [E2] = 37.826.324**

**Biểu 34: Tờ khai quyết toán thuế TNDN năm 2011.**

**TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Mẫu số 03/TNDN)**

[01] Kỳ tính thuế 2011 từ 01/01/2011 đến 31/12/2011

[02] Lần đầu:  [03] Bổ sung lần thứ:

0 Doanh nghiệp có cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc

[04] Tên người nộp thuế : **Cong ty TNHH Thương mại Dong A**

[05] Mã số thuế: **0200639795**

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế:

*Đơn vị tiền: đồng Việt Nam*

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ TIỀN
(1)	(2)	(3)	(4)
<b>A</b>	<b>Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính</b>		
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	151,305,295
<b>B</b>	<b>Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		
<b>1</b>	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp ( $B1 = B2 + B3 + B4 + B5 + B6$ )	B1	0
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	0
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B6	0
<b>2</b>	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp ( $B7 = B8 + B9 + B10 + B11$ )	B7	0
2.1	Lợi nhuận từ hoạt động không thuộc diện chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	B8	0
2.2	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.3	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B11	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế ( $B12 = A1 + B1 - B7$ )	B12	151,305,295
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh ( $B13 = B12 - B14$ )	B13	151,305,295
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	B14	0
<b>C</b>	<b>Xác định thuế TNDN phải nộp từ hoạt động sản xuất</b>		

	<b>kinh doanh</b>		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B13)	C1	151,305,295
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
3	Lỗ từ các năm trước được chuyển sang	C3	0
4	Thu nhập tính thuế (C4=C1-C2-C3)	C4	151,305,295
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	Thu nhập tính thuế sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5)	C6	151,305,295
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất phổ thông (C7=C6 x 25%)	C7	37,826,324
8	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất khác mức thuế suất 25%	C8	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm trong kỳ	C9	0
10	Số thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C10	0
11	Thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động sản xuất kinh doanh (C11=C7-C8-C9-C10)	C11	37,826,324
<b>D</b>	<b>Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản còn phải nộp sau khi trừ thuế TNDN đã nộp ở địa phương khác</b>	<b>D</b>	<b>0</b>
<b>E</b>	<b>Tổng số thuế TNDN phải nộp trong kỳ</b>	<b>E</b>	<b>37,826,324</b>
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	37,826,324
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E2	0
<b>D. Ngoài các Phụ lục của tờ khai này, chúng tôi gửi kèm theo các tài liệu sau:</b>			
<b>STT</b>	<b>Tên tài liệu</b>		
1			
0	<b>Gia hạn nộp theo QĐ 21/2011/QĐ-TTg; QĐ 54/2011/QĐ-TTg</b>		

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ:**

Họ và tên:

Người ký:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày ký:

### 2.3.5.2. *Nộp thuế TNDN.*

- Hàng quý sau khi tạm tính được số thuế TNDN hàng quý, công ty gửi tờ khai thuế TNDN tạm tính hàng quý lên cơ quan thuế theo quy định. Trong thời gian quy định thì kế toán công ty sẽ thực hiện nộp số thuế tạm tính từng quý trong năm theo như trong tờ khai đã nộp cho cơ quan thuế. Sau khi nhận được giấy báo nợ hoặc biên lai thu tiền thuế kế toán tiến hành ghi sổ bút toán:

Nợ TK 3334

Có TK 111, 112

♦ Ngày 12/04/2011 Công ty THHH Thương Mại Đông Á đóng tiền thuế TNDN tạm tính quý I/2011 bằng tiền mặt, số tiền : 6.536.103 đ.

Nợ TK 3334 : 6.536.103

Có TK 111 : 6.436.103.

- Cuối năm tài chính Công ty thực hiện quyết toán thuế TNDN, tính ra số thuế TNDN phải nộp cho Nhà Nước trong năm tài chính phát sinh. Lập tờ khai quyết toán thuế TNDN, thông qua tờ khai tạm tính mỗi quý trong năm Công ty tiến hành điều chỉnh TK 3334, để tính ra số thuế TNDN còn phải nộp cho Nhà Nước.

### **CHƯƠNG III: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐÔNG Á.**

#### **3.1. Những nhận xét, đánh giá chung về công tác kế toán thuế TNDN tại công ty TNHH Thương Mại Đông Á.**

Có thể nói từ khi thành lập đến nay công ty TNHH Thương Mại Đông Á đã có những bước đi vững chắc, thuận lợi đạt hiệu quả cao được thể hiện ở những thành tích mà công ty đóng góp cho xã hội. Hiện nay đóng góp vào ngân sách nhà nước của công ty ngày càng tăng, công ty được đánh giá là một trong những doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả. Cùng với sự phát triển của công ty, bộ máy kế toán cũng ngày càng hoàn thiện và có những đóng góp về vấn đề tài chính giúp cho công ty đứng vững và có sức cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường. Công ty luôn kịp thời áp dụng và thực hiện tốt chế độ kế toán mới do bộ tài chính ban hành. Công tác hạch toán kế toán trên cơ sở vận dụng linh hoạt nhưng vẫn tuân thủ nguyên tắc kế toán nhờ đó đảm bảo cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời nhu cầu thông tin trong quá trình quản lý.

Việc tổ chức bộ máy kế toán tập trung hiện như hiện nay đã đảm bảo cho kế toán phát huy đầy đủ vai trò, chức năng của mình. Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức tương đối khoa học hợp lý, phù hợp với yêu cầu công việc và phù hợp với chuyên môn của từng người.

Công ty TNHH Thương Mại Đông Á là công ty có bộ máy kế toán tương đối gọn nhẹ, nghiệp vụ phát sinh trong tháng, quý... không nhiều tuy nhiên công ty vẫn thực hiện đầy đủ các phần hành kế toán theo yêu cầu quản lý của Ban giám đốc và của Bộ tài chính. Công ty chủ yếu thực hiện kế toán trên sổ sách, đồng thời phần mềm kế toán mà công ty sử dụng chỉ như một công cụ hỗ trợ cho việc tính toán, nhờ vậy mà giảm nhẹ khối lượng công việc và nâng cao hiệu quả cho công tác kế toán. Công tác kế toán của công ty đều tuân thủ nghiêm ngặt theo đúng những quy định của Bộ tài chính, đặt biệt là trong kế toán về thuế nói chung và kế toán thuế TNDN nói riêng. Công ty đều thực hiện đúng theo các Thông tư hướng



dẫn, khi có bất kỳ một sự sửa đổi về Luật thuế TNDN, đơn vị đều cập nhật và làm theo những hướng dẫn mới nhất của cơ quan thuế.

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu về công ty TNHH Thương Mại Đông Á, được tiếp cận với thực tế công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thuế TNDN nói riêng cùng với sự giúp đỡ nhiệt tình từ phía các nhân viên kế toán, em đã có điều kiện làm quen thực tế và áp dụng những kiến thức đã học tại nhà trường. Qua đó em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhận xét và giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế TNDN tại công ty TNHH Thương Mại Đông Á.

### 3.1.1. Ưu điểm.

- Về bộ máy kế toán: Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, có sự phân phối chặt chẽ, được chỉ đạo từ trên xuống dưới, công việc được thực hiện thường xuyên, liên tục, các báo cáo được lập nhanh chóng đảm bảo cho việc cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời chính xác, phục vụ cho công tác quản lý.

- Về hạch toán ban đầu.

Các chứng từ cho hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng mẫu của BTC quy định. Những thông tin về nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép một cách đầy đủ, chính xác vào sổ sách kế toán. Các chứng từ đều có xác nhận của bên liên quan, tạo điều kiện cho việc kiểm tra, đối chiếu số liệu thực tế phát sinh với số liệu trên sổ sách kế toán sau này.

- Về hình thức kế toán và tài khoản kế toán.

Công ty áp dụng ghi sổ theo hình thức nhật ký chung tương đối nhanh và gọn nhẹ, áp dụng hệ thống tài khoản kế toán theo chế độ kế toán ban hành theo QDD48/2006 BTC ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC.

- Về đội ngũ kế toán trong công ty.

Công ty có đội ngũ kế toán nhiệt tình, tâm huyết, luôn cố gắng trau dồi kiến thức và khả năng động với công việc. Hầu hết các kế toán đều có chuyên môn vững vàng, thích nghi nhanh với công việc. Trong quá trình làm việc luôn mạnh

dạn đề xuất ý kiến, đưa ra sáng kiến liên quan đến việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại công ty.

- Về việc kê khai thuế TNDN:

Để thuận lợi cho việc lập tờ khai thuế nhanh, chính xác và kịp thời hiện nay công ty TNHH Thương Mại Đông Á đang sử dụng phần mềm “ Hỗ trợ và kê khai thuế” do Tổng cục thuế xây dựng.

Việc công ty sử dụng phần mềm HTKK thuế đã giảm thiểu tối đa việc sai sót trong quá trình kê khai và lập tờ khai hàng tháng, hàng quý... cho các loại thuế doanh nghiệp cần nộp đảm bảo chính xác, trung thực, tiết kiệm được nhân lực và chi phí, thuận lợi cho công tác kiểm tra theo dõi kiểm tra của công ty và cơ quan thuế.

+ Công ty đã tổ chức thực hiện đầy đủ hệ thống chứng từ về kế toán thuế TNDN như: chứng từ kế toán doanh thu, thu nhập ( hóa đơn GTGT bán hàng, giấy báo có, phiếu thu tiền mặt...); chứng từ kế toán các khoản chi phí trong kỳ (hóa đơn GTGT đầu vào, giấy báo nợ, phiếu nhập kho, phiếu chi...); sổ chi tiết theo dõi thuế TNDN được phản ánh hàng quý căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh mỗi quý và cả năm.

- Thực hiện theo dõi và hạch toán doanh thu, chi phí đầy đủ hàng tháng, hàng quý để kịp thời tính và lập tờ khai thuế TNDN tạm tính hàng quý theo quy định của cơ quan thuế.

- Việc kê khai và tạm nộp thuế TNDN được thực hiện theo đúng qui định về cách thức tiến hành cũng như thời gian.

### 3.1.2. Hạn chế.

Bên cạnh những ưu điểm đạt được, việc tổ chức công tác kế toán thuế TNDN của công ty vẫn còn tồn tại những mặt hạn chế sau:

- Về hệ thống sổ kế toán:

Công ty không lập sổ chi tiết khoản vay và chi phí lãi vay ngoài mà chỉ căn cứ vào phiếu chi trả tiền để hạch toán vào Sổ nhật ký chung nghiệp vụ trả lãi hàng tháng.

+ Công ty không lập sổ chi tiết cho tài khoản 642 nên không thể xác định mức chi phí hàng tháng cho bộ phận bán hàng và bộ phận quản lý, gây khó khăn cho công ty trong công tác kế toán chi phí cũng như việc thực hiện các kế hoạch cho tiêu thụ sản phẩm...

- *Về ghi chép bảo quản và lưu trữ chứng từ:* Công ty chưa thực hiện chu đáo, một số chứng từ chưa đảm bảo căn cứ pháp lý như (thiếu chữ ký người có trách nhiệm...). Trong quá trình ghi sổ chi tiết, lập chứng từ nhân viên kế toán vẫn chưa đánh số đầy đủ cho các chứng từ gốc gây khó khăn cho việc phân biệt khi cần kiểm tra và tìm kiếm.

- *Về việc áp dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán:* Qua thời gian khảo sát thực tế tại công ty em nhận thấy rằng công ty chưa áp dụng kế toán máy vào công tác kế toán mà hạch toán ghi chép thủ công, do vậy mà khối lượng công việc khá lớn, khó kiểm soát, năng suất làm việc chưa cao, hiệu quả vì thế mà còn kém.

- *Về chính sách bán hàng của công ty:* Trong quá trình thực tập tại Công ty em nhận thấy Công ty chưa áp dụng được các chính sách bán hàng của mình như: chiết khấu thương mại cho các khách hàng mua nhiều sản phẩm, hàng hóa và chiết khấu thanh toán cho các khách hàng thanh toán tiền hàng sớm hơn trong hợp đồng mua bán đã ký kết, và không lập dự phòng các khoản giảm giá điều này cũng có ảnh hưởng đến tình hình tài chính của công ty bởi sự thay đổi của giá cả thị trường và sự biến động của tình hình kinh tế.

- *Về nguồn thu của công ty:* Chủ yếu là bán sản phẩm, hàng hoá các hoạt động tài chính và các hoạt động khác rất hạn chế hầu như không đem lại thu nhập cho công ty. Đồng thời giá vốn hàng hóa nhập về khá cao cho nên công ty không thể áp dụng các hình thức marketing để thúc đẩy nâng cao doanh thu tiêu thụ hàng tháng.

- *Về các khoản chi phí của công ty:*

+ Đối với chi phí lãi vay:

Theo quy định trong Luật thuế TNDN thì phần chi trả lãi tiền vay vốn sản xuất, kinh doanh của đối tượng không phải là tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh tế

vượt quá **150%** mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm vay.

Năm 2011 công ty TNHH Thương Mại Đông Á đi vay bên ngoài số tiền 1 tỷ đồng với mức lãi suất 18%. Nhưng tại thời điểm năm 2011 thì mức lãi suất cơ bản mà Ngân hàng nhà nước áp dụng là 9%.

Mức chi phí lãi vay theo Luật thuế TNDN quy định không > **13.5%**. Phần chi phí lãi vay của công ty đã vượt qua mức cho phép là:  $18\% - 13,5\% = 4.5\%$ .

Mức chi lãi tiền vay công ty năm 2011 là 180.000.000 đồng.

Mức chi trả lãi tiền vay theo quy định của Luật thuế TNDN căn cứ trên mức lãi suất cơ bản năm 2011 là **135.000.000 đồng**.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM ĐÔNG Á

Mẫu số S03b -DNN

Địa chỉ: Số 51<sup>A</sup> Lương Khánh Thiện - HP

(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm 2011

TK 635 – Chi phí tài chính

Ngày tháng ghi sổ	CHỨNG TỪ		Diễn Giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Tra ng số	ST T dò ng		Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>					
			<b>Số phát sinh trong tháng 1</b>					
10/01/2011	PC01	10/01	Trả lãi tiền vay dài hạn tháng 1			112	15.000.000	
13/01/2011	BN01	13/01	Phí dịch vụ kiểm đếm tháng 1			112	165.000	
31/01/2011	BN04	31/01	Phí tiền gửi tháng 1			112	30.000	
...	...	...	...			...	...	
10/02/2011	PC05	10/02	Trả lãi tiền vay dài hạn tháng 2			112	15.000.000	
...	...	...	...			...	...	
			<b>Cộng phát sinh tháng 1</b>				<b>15.195.000</b>	
			<b>Cộng lũy kế quý I/ 2011</b>				<b>45.585.000</b>	

( trích sổ cái chi phí tài chính trong tháng 1)

+ Đối với chi phí khấu hao TSCĐ:

TSCĐ của công ty bao gồm nhà văn phòng công ty ( tầng 1 salon bán hàng, tầng 2 khu quản lý) và nhà kho. Công ty bắt đầu sử dụng năm 2008 với thời gian sử dụng của TSCĐ là 15 năm, nhưng bắt đầu từ khi Bộ tài chính ra Thông tư 203/2009/TT-BTC Khấu hao TSCĐ công ty chưa áp dụng tính lại mức khấu hao cho nhà văn phòng và nhà kho mà vẫn giữ mức cũ.

♦Mức khấu hao TSCĐ cũ mà công ty tính:

**BẢNG TÍNH KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

*Tháng 1 năm 2011*

TT	Loại TSCĐ	Nguyên giá TSCĐ	TGSD( dự kiến năm)	Mức trích khấu hao	HMLK	Giá trị còn lại
1	Nhà VP cty	675.000.000	15	3.750.000	135.000.000	540.000.000
2	Nhà kho	360.000.000	15	2.000.000	72.000.000	288.000.000
	<b>Cộng</b>	1.035.000.000		<b>5.750.000</b>	<b>207.000.000</b>	

♦Mức khấu hao tính lại căn cứ theo phụ lục I khung thời gian sử dụng các loại TSCĐ (Ban hành kèm theo Thông tư số 203/2009 /TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính).

$$TGKH \text{ nhà văn phòng công ty} = 25 \times \left( 1 - \frac{3}{15} \right) = 20 \text{ năm}$$

$$\text{Mức KH tháng nhà văn phòng} = \frac{540.000.0000}{20 \times 12} = 2.250.000 \text{ đồng}$$

$$TGKH \text{ nhà kho} = 20 \times \left( 1 - \frac{3}{15} \right) = 16 \text{ năm}$$

$$\text{Mức KH tháng nhà kho} = \frac{288.000.000}{16 \times 12} = 1.500.000 \text{ đồng.}$$

+Đối với khoản cho phí phúc lợi của công ty:

Công ty TNHH Thương Mại Đông Á tính chi phí thưởng 30/4, 1/5 và khoản thưởng Tết dương lịch cho công nhân viên công ty vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Nhưng theo Luật thuế TNDN không được tính khoản chi này vào chi phí hợp lý hợp lệ để xác định thuế TNDN mà sử dụng các quỹ của doanh nghiệp sau thuế TNDN. Cụ thể:

**Mẫu sổ cái tài khoản**

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM ĐÔNG Á      **Mẫu số S03b -DNN**

Địa chỉ: Số 51<sup>A</sup> Lương Khánh Thiện - HP      (Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm 2011

TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Ngày tháng ghi sổ	CHỨNG TỪ		Diễn Giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	Ngày, tháng		Tran g số	STT dòng		Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>					
...	...	...	...				...	...
20/04/2011	PC15	20/04	Trả tiền điện, nước, điện thoại... tháng 4/ 2011			111	3.500.000	
29/04/2011	KHCB 04	29/04	Trích khấu hao TSCĐ tháng 4/2011			214	5.750.000	
	BL04		Lương công nhân viên tháng 4			334	30.000.000	
	PC18		Chi tiền nghỉ 30/4, 1/5 cho nhân viên			111	15.000.000	
...	...	...	...				...	...
			<b>Cộng lũy kế quý II/ 2011</b>				<b>136.906.772</b>	
12/11/2011	HĐ 57982	12/11	Chi tiền dịch tài liệu kỹ thuật			111	800.000	
...	...	...	....			...	...	...
31/12/2011	Q2/ PC03	31/12	Chi thưởng tết dương lịch			111	20.000.000	
			<b>Cộng lũy kế quý IV/ 2011</b>				<b>146.194.500</b>	

(trích sổ cái chi phí quản lý doanh nghiệp quý II và quý IV năm 2011)

- *Đối với các khoản trích theo lương cho người lao động*: Vì các khoản chi phí của công ty khá cao mà doanh thu bán hàng hóa dịch vụ không cao, đồng thời không có thêm khoản thu nhập khác vì vậy mà công ty công chưa cho nhân viên hưởng các chế độ, ưu đãi theo quy định của Nhà nước về BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN...

- *Kế toán thuế* : là một mảng rất quan trọng trong công tác kế toán của bất kỳ một doanh nghiệp nào, nhưng do Công ty TNHH Thương mại Đông Á là một doanh nghiệp vừa và nhỏ nên bộ máy kế toán của công ty tương đối gọn. công ty vẫn chưa có một kế toán độc lập phụ trách mảng thuế vì vậy mà việc theo dõi và kê khai thuế TNDN cũng như các loại thuế cần nộp trong công ty hết sức khó khăn và không khách quan.

Nhìn chung, tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Thương mại Đông Á là tương đối khoa học, hợp lý. Do những nguyên nhân khách quan cũng như chủ quan mà công tác kế toán nói chung, kế toán thuế TNDN nói riêng còn những tồn tại và hạn chế. Mặc dù những hạn chế này là không lớn, không ảnh hưởng nghiêm trọng nhưng nếu được khắc phục sẽ góp phần hoàn thiện hơn công tác kế toán nói chung và công tác kế thuế TNDN nói riêng, nâng cao hiệu quả kinh doanh cho công ty.

- Cuối năm 2011 Nhà nước quyết định giảm 30% thuế TNDN phải nộp cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, nhưng kế toán công ty TNHH TM Đông Á khi làm quyết toán thuế TNDN cuối năm chưa làm theo quyết định trên nên công ty chưa được giảm 30% thuế TNDN phải nộp năm 2011, làm tăng số thuế TNDN công ty phải nộp giảm lợi nhuận sau thuế, công ty không được hưởng quyền lợi giảm thuế như các doanh nghiệp khác.

### **3.2. Hoàn thiện công tác kế toán thuế TNDN tại công ty TNHH TM Đông Á.**

#### *3.2.1. Sự cần thiết của việc hoàn thiện công tác kế toán thuế TNDN.*

Kế toán thuế TNDN là một phần hành thuế vô cùng quan trọng đối với mỗi doanh nghiệp, nó thể hiện việc doanh nghiệp trong kỳ hoạt động SXKD có hiệu quả, và cũng là thể hiện nghĩa vụ trách nhiệm của doanh nghiệp đối với Nhà nước.



Kế toán thuế TNDN tốt, chính xác giúp doanh nghiệp xác định đúng số thuế TNDN phải nộp vào Ngân sách Nhà nước từ đó doanh nghiệp có kế hoạch chủ động kê khai, nộp thuế, thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước, tránh tình trạng chậm trễ trong việc tính toán thuế dẫn tới tình trạng chậm nộp thuế ảnh hưởng tới mối quan hệ giữa doanh nghiệp với cơ quan Nhà nước, uy tín của doanh nghiệp và cả về mặt vật chất khi bị phạt chậm nộp thuế. Việc thực hiện công tác kế toán thuế một cách khoa học giúp cho kế toán doanh nghiệp dễ dàng giải trình các số liệu liên quan đến thuế TNDN phải nộp trong kỳ.

Với cơ chế thị trường mở cửa cạnh tranh như hiện nay đã trở thành một xu thế tất yếu, nên các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đều phải không ngừng nỗ lực trong việc nâng cao hiệu quả SXKD để nâng cao uy tín của doanh nghiệp trên thị trường. Để có thể thành công trong việc lựa chọn đối tác kinh doanh, thực hiện tốt công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thuế nói riêng góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả SXKD của doanh nghiệp. Các số liệu liên quan đến thuế, tình hình nộp thuế có thể cho biết được thực trạng, quy mô, hiệu quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp từ đó xác định được vị thế của doanh nghiệp đối với các chủ đầu tư và đối tác kinh tế. mặt khác, trong điều kiện nền kinh tế nước ta hiện nay đang từng bước hội nhập nền kinh tế thế giới Nhà nước sẽ có những thay đổi với chính sách vĩ mô như chính sách thuế, chế độ kế toán... Cùng với những thay đổi đó công tác kế toán ở doanh nghiệp cũng phải được tổ chức cho phù hợp.

Từ những nguyên nhân, đòi hỏi mang tính khách quan của nền kinh tế đặt ra, để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất phát huy đầy đủ vai trò cung cấp thông tin cho việc điều hành, quản lý SXKD cần thiết phải cải tiến, đổi mới và hoàn thiện hệ thống kế toán nói chung và kế toán thuế TNDN nói riêng.

### *3.2.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế TNDN tại công ty TNHH Thương Mại Đông Á.*

Trên cơ sở những nhận xét chủ quan, qua tìm hiểu thực tế công tác kế toán đặc biệt là công tác kế toán thuế TNDN của Công ty, kết hợp với những kiến thức

lý luận được học tập và nghiên cứu ở nhà trường, em xin đưa ra một số ý kiến đối với công tác kế toán thuế TNDN tại công ty TNHH Thương Mại Đông Á.

✿ *Kiến nghị về hệ thống sổ sách kế toán:*

+ Công ty nên tiến hành mở Sổ chi tiết doanh thu để giúp công ty theo dõi được chi tiết hơn lãi gộp từng mặt hàng để biết được mặt hàng nào tiêu thụ tốt, từ đó nâng cao số lượng nhập.

Ví dụ 01: Tình hình tiêu thụ trong quý I/2011

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐÔNG Á

ĐỊA CHỈ: 51A LƯƠNG KHÁNH THIÊN - HP

**SỔ CHI TIẾT DOANH THU BÁN HÀNG**

Quý I năm 2011

156001- Ô tô kia morning slx hàng nhập khẩu – ĐVT: cái

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Doanh thu bán hàng			Các khoản tính trừ	
	SH	Ngày tháng		S L	Đơn giá	Thành tiền	T h uế	K há c
...	...	...	...		...	...		
15/1	89402	15/1	Doanh thu bán xe kia cho khách hàng Trần Lan Hương	1	368.181.818	368.181.818		
...	...	...	...	..	...	...		
1/2	89403	1/2	Doanh thu bán xe cho công ty Vạn Lộc	1	368.181.818	368.181.818		
...	...	...	...	..	...	...		
11/3	89406	11/3	Doanh thu bán xe cho KH Phạm Thanh Giang	1	368.181.818	368.181.818		
...	...	...	...	..	...	...		
17/3	89407	17/3	Doanh thu bán xe cho KH Phạm Thị Minh Huyền	1	368.181.818	368.181.818		
			<b>Doanh thu thuần</b>			<b>1.472.727.272</b>		
			<b>Giá vốn</b>			<b>1.372.909.092</b>		
			<b>Lợi nhuận gộp</b>			<b>99.818.180</b>		

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

+ Công ty nên tiến hành mở sổ chi tiết tiền vay theo mẫu quy định của BTC.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐÔNG Á

Mẫu số S34 - DN

ĐỊA CHỈ: 51 A LƯƠNG KHÁNH THIỆN - HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT TIỀN VAY**

**Tài khoản: 341**

**Đối tượng cho vay:.....**

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ngày đến hạn thanh toán	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng				Nợ	Có
			- Số dư đầu kỳ				
			- Số phát sinh trong kỳ .....				
			- Cộng số phát sinh - Số dư cuối kỳ	X x	X x		

Ngày... tháng... năm

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

+ Mở sổ chi tiết cho tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp để xác định rõ ràng khoản chi cho bán hàng(TK 6421) và quản lý doanh nghiệp(TK 6422) trong kỳ.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐÔNG Á

Mẫu số S34 - DN

ĐỊA CHỈ: 51 A LƯƠNG KHÁNH THIỆN - HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT CHI PHÍ QLDN**

TK 6421(6422..) -

Số dư đầu kỳ:

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	PS Nợ	PS Có	Số dư
	Số hiệu	Ngày ghi sổ					
			- Phát sinh trong kỳ				
			....			...	....
			- Cộng số phát sinh - Lũy kế cả năm				
						Số dư cuối kỳ	

Ngày... tháng... năm

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

✿ *Kiến nghị về việc kiểm tra, bảo quản và lưu trữ chứng từ:*

Định kỳ hàng quý nhân viên kế toán nên kiểm tra lại hệ thống chứng từ, sổ sách của doanh nghiệp để bổ sung đầy đủ chữ ký của những người có trách nhiệm liên quan. Một số phiếu thu và chi tiền mặt cần phải đánh số liên tiếp tránh nhầm lẫn, mất mát... Vậy kế toán nên kiểm tra để bổ sung tạo điều kiện thuận lợi cho việc đối chiếu và kiểm tra của cơ quan thuế sau này.

✿ *Kiến nghị về việc sử dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán:* Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán máy dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, không chỉ giảm bớt gánh nặng công việc cho kế toán viên mà còn giúp cho việc hạch toán dễ dàng, nhanh chóng hơn.

✿ *Kiến nghị về chính sách bán hàng:*

- Hiện nay các khoản phải thu khách hàng cuối năm của công ty cũng khá nhiều điều này gây khó khăn cho công ty trong việc quay vòng vốn nhập khẩu hàng hóa cho năm tiếp theo. Vì vậy, công ty nên có những chính sách chiết khấu thanh toán đối với khách hàng ngay hoặc thanh toán sớm trước hạn. Về tình hình thanh toán công nợ phải thu, để giúp công ty thu hồi các khoản phải thu nhanh chóng thì công ty nên coi trọng một số biện pháp sau:

+ Mở sổ theo dõi chi tiết các khoản nợ phải thu thường xuyên đôn đốc thu hồi nợ đúng hạn.

+ Có sự ràng buộc chặt chẽ trong hợp đồng bán hàng, nếu vượt quá thời gian thanh toán theo Hợp đồng thì công ty sẽ thu lãi suất tương ứng với lãi suất quá hạn của Ngân hàng.

- Doanh thu bán sản phẩm trong nước còn thấp, điều này có thể làm hạn chế khả năng tự chủ của công ty. Trong những năm gần đây thị trường trong nước về tiêu dung ô tô đang có nhu cầu khá lớn, giàu tiềm năng song còn bỏ ngỏ, chưa khai thác tốt. Chính vì thế, biện pháp tốt nhất đối với công ty là tìm hiểu thị trường trong nước, đưa ra các chiến lược marketing phù hợp nhằm thúc đẩy khả năng tiêu thụ lên cao, áp dụng khuyến mại tặng kèm khi mua hàng, các dịch vụ chăm sóc

khách hàng sau mua hàng. Quan trọng nhất là đưa ra giá cả cạnh tranh so với các công ty cùng ngành ...

✿ *Kiến nghị về nguồn thu của công ty:*

Nguồn thu của công ty chủ yếu là bán hàng hoá, dịch vụ, các hoạt động tài chính và các hoạt động khác rất hạn chế hầu như không đem lại thu nhập cho công ty. Do đó, để phát huy khả năng hội nhập kinh tế của doanh nghiệp với các công ty, tổ chức khác trong và ngoài nước thì công ty nên đầu tư vào các hoạt động như: Góp vốn liên doanh, đầu tư chứng khoán, cho vay,... Tuy rằng thu nhập từ các hoạt động này có thể không phải là nguồn thu chính song hết sức cần thiết góp phần nâng cao và ổn định thu nhập cho công ty. Hơn nữa, trong tương lai thị trường chứng khoán là nơi huy động vốn rất hữu hiệu đối với bất kỳ công ty nào, đồng vốn có được giúp doanh nghiệp sử dụng lâu dài, đúng mục đích.

✿ *Kiến nghị về các khoản chi phí phát sinh trong kỳ:*

- Đối với khoản chi phí lãi vay hàng tháng của công ty:

+ Mức chi phí lãi vay được tính =  $1.000.000.000 \times 13,5\% = 135$  triệu đ/ năm  
vào chi phí hợp lý trong kỳ (  $135$  triệu đ/  $12 = 11,25$  triệu đồng/ tháng)

+ Mức chi phí lãi vay của công ty tháng 1 =  $(1.000.000.000 \times 18\%) / 12$   
=  $15.000.000$  đồng

+ Khoản chi phí lãi vay hàng tháng vượt mức quy định theo Luật thuế TNDN là:  $15.000.000 - 11.250.000 = 3.750.000$  đồng.

→ **Đề xuất:** số tiền chi phí lãi vay vượt mức cho phép công ty nên dùng lợi nhuận phân phối sau thuế để trả.

- Đối với khoản chi khấu hao TSCĐ: Công ty lập và tính lại bảng tính và phân bổ khấu hao hàng tháng theo đúng quy định trong Luật thuế TNDN về phần khấu hao TNCĐ. Đồng thời, điều chỉnh lại số KH đã trích trong kỳ.

**BẢNG TÍNH KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

*Tháng 1 năm 2011*

TT	Loại TSCĐ	Nguyên giá TSCĐ	TGSD( dự kiến năm)	Mức trích khấu hao	HMLK	Giá trị còn lại
1	Nhà VP cty	540.000.000	20	2.250.000	27.000.000	513.000.000
2	Nhà kho	288.000.000	16	1.500.000	18.000.000	270.000.000
	<b>Cộng</b>	828.000.000		<b>3.750.000</b>	<b>45.000.000</b>	<b>783.000.000</b>

Ngày 31 tháng 01 năm 2011

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

(Bảng tính và phân bổ khấu hao tính lại theo quy định)

- Đối với các khoản chi phúc lợi, chi thưởng cho công nhân viên:

Theo quy định trong **Thông tư 130/2008 hướng dẫn thi hành luật thuế TNDN** các khoản chi phí này không được tính là chi phí hợp lý, hợp lệ trong kỳ. Vì vậy, phải loại bỏ khoản chi này ra khỏi các chi phí trong kỳ.

→ **Đề xuất:** công ty nên sử dụng các quỹ sau thuế như quỹ khen thưởng phúc lợi....

✿ *Kiến nghị về việc trích các khoản theo lương cho công nhân viên:*

- Công ty cần phải trích các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN...cho công nhân viên hàng tháng theo quy định của nhà nước. Các loại sổ sách kế toán của Công ty cần được lập đầy đủ hơn: như sổ chi tiết TK 338, bảng tổng hợp chi tiết TK 338. Nên lập thêm sổ cái TK 3382, 3384, 3383 để theo dõi các khoản trích theo lương một cách chi tiết hơn, biết được tình hình trích lập và nộp các khoản trích theo lương của công ty. Lập sổ chi tiết và bảng tổng hợp chi tiết các khoản trích theo lương của các TK 338 để có cơ sở đối chiếu với sổ cái TK 338 để việc theo dõi tính toán được chính xác hơn ,tránh nhầm lẫn sai sót.

Đơn vị: Công ty TNHH Thương Mại Đông Á

Mẫu số: 11 - LĐTL

Địa chỉ: 51A Lương Khánh Thiện - HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI**

Tháng 1 năm 2011

STT	Họ tên	Chức vụ	Lương TG	Trợ cấp	Các khoản trích trừ vào lương				Thực lĩnh	Các khoản trích tính vào chi phí				
					BHXH	BHYT	BHTN	Cộng		BHXH	BHYT	KPCĐ	BHTN	Cộng
1	Hoàng Quốc Hoàn	GD	3.000.000	1.000.000	180.000	45.000	30.000	255.000	3.745.000	480.000	90.000	60.000	30.000	660.000
2	Ngô N.B Xuân	PGD	2.700.000	800.000	162.000	40.500	27.000	229.500	3.270.500	432.000	81.000	54.000	27.000	594.000
3	Ngô Thị Tâm	KTT	2.400.000	600.000	144.000	36.000	24.000	204.000	2.796.000	384.000	72.000	48.000	24.000	528.000
4	Phạm Thị Mai	TQ	1.800.000	500.000	108.000	27.000	18.000	153.000	2.147.000	288.000	54.000	36.000	18.000	396.000
5	Nguyễn Văn Đông	KT	1.800.000	500.000	108.000	27.000	18.000	153.000	2.147.500	288.000	54.000	36.000	18.000	396.000
6	Phạm Thị Hồng	KT	1.800.000	500.000	108.000	27.000	18.000	153.000	2.147.500	288.000	54.000	36.000	18.000	396.000
7	Nguyễn Văn Đông	NVKD	1.700.000	500.000	102.000	25.500	17.000	144.500	2.055.500	272.000	51.000	34.000	17.000	374.000
8	Trần Văn Thắng	NVKD	1.700.000	500.000	102.000	25.500	17.000	144.500	2.055.500	272.000	51.000	34.000	17.000	374.000
9	Vũ Thu Hương	NVBH	1.700.000	500.000	102.000	25.500	17.000	144.500	2.055.500	272.000	51.000	34.000	17.000	374.000
10	Phan Tuấn Anh	NVBH	1.700.000	500.000	102.000	25.500	17.000	144.500	2.055.500	272.000	51.000	34.000	17.000	374.000
11	Đào Xuân Tam	BV	1.500.000	400.000	90.000	22.500	15.000	127.500	1.772.500	240.000	45.000	30.000	15.000	330.000
12	Nguyễn Văn Tuấn	BV	1.500.000	400.000	90.000	22.500	15.000	127.500	1.772.500	240.000	45.000	30.000	15.000	330.000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>23.300.000</b>	<b>6.700.000</b>	<b>1.398.000</b>	<b>349.500</b>	<b>233.000</b>	<b>1.980.500</b>	<b>28.019.500</b>	<b>3.728.000</b>	<b>699.000</b>	<b>466.000</b>	<b>233.000</b>	<b>5.126.000</b>

- Đồng thời, để kích thích tinh thần làm việc hơn nữa của người lao động, ngoài việc tính lương theo thời gian kết hợp với hệ số lương và phân loại lao động cũng như phụ cấp mà công ty áp dụng. Công ty nên đề ra chính thưởng phạt rõ ràng. Khi đó người lao động làm việc tốt sẽ được nhận thêm một khoản tiền thưởng. Ngược lại ai làm việc không tốt gây hậu quả đến năng suất sẽ bị trừ đi một khoản tiền nhất định gọi là tiền phạt. Mức độ thưởng phạt thế nào Công ty cần có quy định cụ thể và phổ biến đến từng người lao động. Khoản tiền thưởng cho CBCNV được lấy từ nguồn “Quỹ khen thưởng, phúc lợi”.

✿ *Kiến nghị về công tác kế toán thuế và quản lý tại công ty:*

- Vì công ty TNHH TM Đông Á kinh doanh buôn bán ô tô nên có rất nhiều hóa đơn chứng từ liên quan đến thuế, để giúp công việc kê khai thuế cuối kỳ chính xác, thuận lợi công ty nên phân công một kế toán chuyên trách về thuế, trong đó có thuế TNDN. Kế toán viên này sẽ chịu trách nhiệm trong việc kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ hóa đơn. Việc kiểm tra này không những giúp doanh nghiệp tránh nhầm lẫn trong việc hạch toán lẫn kê khai các loại thuế, đặc biệt là thuế TNDN. Khi có một kế toán chuyên trách về thuế chắc chắn kế toán thuế nói chung, kế toán TNDN nói riêng sẽ tránh được những hạn chế và sai sót trong quá trình thực hiện phân hành kế toán này. Đặc biệt trong giai đoạn này, nhà nước đang thực hiện chủ trương để các doanh nghiệp tự kê khai và nộp thuế thì khối lượng công việc của kế toán thuế ngày càng nhiều và phức tạp hơn.

- Công tác kế toán của công ty tương đối tốt, các nhân viên kế toán được đào tạo có nghiệp vụ vững, có tinh thần trách nhiệm cao và nhiệt tình trong công việc song để giảm bớt khối lượng công việc và tính chính xác cao trong hạch toán thì công ty nên sử dụng phần mềm kế toán máy, ứng dụng hơn nữa khoa học, công nghệ tin học vào công tác kế toán nói riêng và công tác quản lý doanh nghiệp nói chung.



✿ *Kiến nghị về việc giảm 30% thuế TNDN phải nộp năm 2011:*

Khi kết thúc năm tài chính 2011, kế toán công ty thực hiện kê khai quyết toán thuế TNDN phải nộp năm 2011 theo quy định của Cục thuế, nhưng chưa ghi nhận phần công ty được Nhà nước cho giảm 30% trong 25% thuế suất thuế TNDN năm 2011 nên số thuế TNDN phải nộp của công ty năm 2011 tăng làm chi phí nộp thuế TNDN tăng dẫn đến số lợi nhuận sau thuế giảm, ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của công ty trong năm 2011.

→ Đề xuất: Lập lại tờ khai quyết toán thuế TNDN năm 2011 trong mục **[C9] thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm**, kế toán viên phải ghi giảm 30% trên 25% thuế suất thuế TNDN mà công ty áp dụng. Số thuế TNDN sau khi tính lại khi thực hiện miễn giảm thuế là:

- **Chỉ tiêu [C7] – Thuế TNDN từ hoạt động sản xuất kinh doanh tính theo thuế suất phổ thông:** là thuế TNDN tính theo thuế suất 25%.  $[C7] = [C6] \times 25\%$   
 - **[C7]: 37.826.324**

- **Chỉ tiêu [C9] – Thuế TNDN được miễn giảm trong kỳ: 30%**

- **[C9] : 11.347.897**

- **Chỉ tiêu [C11] – Thuế TNDN của hoạt động sxkd: ( $[C11] = [C7] - [C8] - [C9] - [C10]$ )**  
 - **[C11] : 26.479.005**

## KẾT LUẬN

Qua thời gian nghiên cứu, trên cơ sở kiến thức, phương pháp luận đã thu nhận được ở nhà trường kết hợp với tình hình thực tế ở Công ty, khóa luận của em đã hệ thống hóa được lý luận chung về công tác kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp. Đồng thời, góp phần làm sáng tỏ một số vấn đề trong Luật thuế TNDN và chế độ kế toán thuế TNDN, góp phần hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán thuế TNDN tại công ty TNHH Thương Mại Đông Á nói riêng mà còn các vấn đề về Thuế TNDN và chế độ kế toán thuế TNDN.

Đề tài đã mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty TNHH Thương Mại Đông Á theo chế độ kế toán ban hành tại QĐ48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ tài chính.

Những đặc trưng riêng và tồn tại trong công tác kế toán của công ty được thể hiện ở các mặt sau:

- Công ty chưa áp dụng công nghệ thông tin vào trong công tác kế toán.
- Việc tổ chức quản lý các khoản chi phí trong kỳ chưa chặt chẽ làm tăng tổng chi phí và giảm lợi nhuận trước thuế.
- Công tác quản lý TSCĐ còn sơ sài không tuân theo quy định của Nhà nước về thời gian trích và phân bổ khấu hao cho từng loại TSCĐ.
- Không tham gia trích các khoản theo lương cho người lao động theo đúng chế độ của Nhà nước.
- Công ty chưa có một kế toán viên độc lập về mảng thuế vì vậy mà các công việc liên quan đến thuế nói chung và thuế TNDN nói riêng làm chưa hợp lý, qua nhiều người dễ dẫn đến sai sót.

Khóa luận đã đưa ra được một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp nhằm giải quyết những sai sót trong công tác kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty TNHH Thương Mại Đông Á, cụ thể:

- Kiến nghị công ty áp dụng phần mềm kế toán để hiện đại hóa công tác kế toán, nhằm tiết kiệm lao động kế toán, phục vụ công tác mở, ghi, khóa sổ kế toán và lập báo cáo tài chính nhanh chóng, chính xác, kịp thời.

- Kiến nghị công ty trích KPCĐ và BHTN để đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

- Kiến nghị công ty tuân thủ các quy định trong việc ghi nhận các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ theo Luật thuế TNDN.

- Kiến nghị công ty cập nhật các quy định đối với việc xác định thời gian trích khấu hao cho từng loại TSCĐ theo thông tư mới nhất của Nhà nước.

- Kiến nghị công ty nên có một nhân viên kế toán thuế riêng, đảm bảo cho việc tính toán và kê khai các loại thuế nói chung và thuế TNDN nói riêng.

Do điều kiện thời gian, tài liệu và kiến thức có giới hạn nên luận văn không tránh khỏi sai sót, em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô giáo để bài báo cáo của em được hoàn thiện tốt hơn.

Em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của cô giáo **ThS.Đông Thị Nga**, các thầy cô giáo trong khoa QTKD cùng các cô chú, anh chị trong phòng Kế toán – tài chính công ty TNHH Thương mại Đông Á đã hướng dẫn và cung cấp tài liệu tạo điều kiện giúp đỡ em hoàn thành bản khóa luận này.

Hải phòng, ngày 30 tháng 6 năm 2012

Sinh viên thực hiện

Đoàn Thị Thu Huyền

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tài liệu đọc:

1. Bộ tài chính. 2009. *Chế độ kế toán Việt Nam Quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*. Hà Nội: NXB Thống kê.
2. Bộ tài chính. 2009. *Chế độ kế toán Việt Nam Quyển 2 Báo cáo tài chính và sổ kế toán sơ đồ kế toán*. Hà Nội: NXB Thống kê.
3. Bộ tài chính (2001 – 2005), *Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt nam*.
4. Bộ tài chính. 2009, *Hệ thống các văn bản pháp luật về thuế GTGT và thuế TNDN mới sửa đổi bổ sung*. Hà Nội: NXB Lao động.
5. Bộ tài chính. Thông tư số 130/2008/BTC, *Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp*.
6. Chế độ kế toán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2008
7. *Luật thuế thu nhập doanh nghiệp của Quốc hội khóa XII kỳ họp thứ 3, số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008*.

### Websites:

- <http://www.atheenh.com/luan-van/Tai-tai-lieu-Ban-ve-thue-thu-nhap-doanh-nghiep-56907>
- [http://www.gdt.gov.vn/wps/portal/!ut/p/b1/04\\_Sj9CPykssy0xPLMnMz0vMAfGjzOKdA72dw7zDDAws3IJcDTx9LR3DLExcDQ1CTPTD9aMgStwdPUzMfYBKTNwNDDxNnPz9PJwDDQ08jaEKDHAARwN9P4\\_83FT9guzsNEdHRUUAUFUBQQQ!!/dl4/d5/L2dBISEvZ0FBIS9nQSEh/](http://www.gdt.gov.vn/wps/portal/!ut/p/b1/04_Sj9CPykssy0xPLMnMz0vMAfGjzOKdA72dw7zDDAws3IJcDTx9LR3DLExcDQ1CTPTD9aMgStwdPUzMfYBKTNwNDDxNnPz9PJwDDQ08jaEKDHAARwN9P4_83FT9guzsNEdHRUUAUFUBQQQ!!/dl4/d5/L2dBISEvZ0FBIS9nQSEh/)
- <http://tailieuhay.com/chi-tiet-tai-lieu/hoan-thien-cong-tac-ke-toan-thue-gtgt-va-thue-tndn-tai-cong-ty-may-40-109-trang/5227.html>
- <http://tailieu.vn/xem-tai-lieu/bai-tieu-luan-mon-thue.946707.html>